

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

XÃ-THUYẾT

BÀN VỀ HỌC-THUẬT NƯỚC TÀU

Ngày nay học mới bên Âu-châu đã truyền-bá qua xứ Á-đông ta làm một cái thời-kỳ mới cũ hỗn-hiệp, thế tất sau này những triết-lý tư-tưởng của các dân-tộc xứ Á-đông càng ngày càng phát-đạt, mà dưỡng-thành cái học-thuật rất hoàn-toàn. Nhưng chúng ta sinh trưởng thời-buổi bây giờ, vừa gặp lúc người đời đương sùng-thượng về những học-thuyết mới, chúng ta muốn cái cách sùng-thượng ấy sao cho điều hòa với cái nền cổ-học và không đến nỗi vong-bản, thế thì tưởng nên lược-chữ những học-thuật của xứ Á-đông ta, từ đời thượng-cổ đến bây giờ để làm một cái vấn-đề khảo-cứu, cũng là một sự rất có ích về học-giới vậy. Nay muốn kể học-thuật của Á-đông, thì chi cho bằng chỉ kể cái học-thuật của nước Tàu là đủ; vì là học-thuật nước Tàu rất có giá-trị trong xứ Á-đông, mà lại là một nước đồng-văn từ xưa đến nay từng làm cái nguồn-gốc cho sự cựu-học của nước ta vậy.

Muốn xét học-thuật nước Tàu thì phải chia ra làm mấy thời-đại như sau này:

I.

Thời-đại thượng-cổ. (trước Thiên-chúa giáng-sinh từ 2355 giờ về trước) — Thời-đại ấy tức là thời-đại Tam-hoàng, Nhị-đế: Phục-Hy, (1) Thần-Nông, (2) Hoàng-Đế, (3) và Nghiêu, (4) Thuấn, (5) vậy. Thời-đại vua Phục-Hy trong Sử không chép là năm nào, nhưng cách nay ước độ năm nghìn năm, còn vua Hoàng-Đế thì ở trước Thiên-chúa giáng-sinh 2697 năm. (tức là đồng-thời với cái triều *Kim-tự-tháp* của nước Ai-cập) cứ trong Sử chép vua Phục-Hy trên xét trọng giới, dưới xem hình đất, mà hoạch ra « tám quẻ », trong tám quẻ ấy có thể thông được cái đức của thần-minh, suy được cái tình của muôn vật, mà mở-mang ra cái triết-lý. kinh *Dịch* (6) về sau. Đến đời vua Hoàng-Đế thì sai ông Thương-Hiệt (7) chế ra chữ, ông Dung-Thành (8) chế ra lịch, ông Lê-Thủ (9) chế ra toán-số, ông Linh-Luân (10) chế ra luật-lữ, (11) từ đời vua Phục-Hy đến vua Hoàng-Đế không có bao lâu mà thuộc về đường tư-tưởng văn-tự, lịch-số, âm-nhạc đều

(1) 伏羲 (2) 神農 (3) 黃帝 (4) 堯 (5) 舜 (6) 易 (7) 蒼頡 (8) 容成 (9) 隸首 (10) 伶倫 (11) 律呂

đã phát-minh cả, xem như thế thời cũng đủ biết học-thuật của nước Tàu mở-mang rất là sớm. Qua đến thời-đại Nghiêu, Thuấn, thuộc về học thiên-văn. (12) thì có cơ-khi để xem thiên-trọng, thuộc về lịch-pháp, thì định 360 ngày là một năm, đặt tháng nhuận, định bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, và lấy can, chi, (13) để biên ngày, mà học-thuật lại càng ngày càng tinh lắm.

II

Thời-đại Hạ, Thương, Châu. (14) (Trước Thiên-chúa giáng-sinh 2305-247) Muốn xét về học-thuật ở trong cái thời-đại ấy, thì trước hết phải xét qua sự giáo-dục. Trước cái thời-kỳ Tam-đại (15) mà mở ra sự giáo-dục, thời duy bắt đầu đời vua Thuấn, (trước Thiên-chúa giáng-sinh 2255) như trong *Vương-chế* (16) nói rằng : họ Hữu Ngu (17) (tức là triều vua Thuấn) nuôi quốc-lão (18) ở nhà *thượng-tường* (19), nuôi thứ-lão (20) ở nhà *hạ-tường* (21). *Thượng-tường*, *hạ-tường* tức là đại-học, tiểu-học vậy. Xem thế thì biết đời vua Thuấn chỉ lập trường học ở kinh-đô mà trong thôn-xã thì chưa hề có giáo-dục. Đến đời Hạ giở về sự thời trừ ra những các trường ở kinh-đô không kể ở dân-gian lại còn lập nhà hương-học nữa. Trong sách *Mạnh-tử* (22) có nói rằng : « Đời Hạ gọi là *hiệu*, (23) đời Ân (24) gọi là *tự* (25), đời Châu gọi là *tường*, còn nhà học thời ba đời đều như nhau » *Hiệu*, *tự*, *tường*, tức là tên trường hương-học, còn gọi rằng *học* tức là tên nhà quốc-học vậy. Duy cái chế-độ giáo-dục của ba đời, thì trải qua đời Hạ, đời Ân, đến đời Châu mới được hoàn-bị, nay chúng ta

chỉ xét sự giáo-dục của đời Châu mà xem. Đời Châu nhà đại-học gọi là *Bích-ung*, (26) hoặc gọi là *Thành-quán*, (27) tức là chỗ của con các nhà quý-tộc, hay là người tuần-tú trong nước học-tập ; nhà tiểu-học thì trong một châu (28) có nhà *tự*, trong một đảng (29) (500 nhà gọi là đảng) có nhà *tường*, là chỗ của thường dân học-tập ; và trong một *lư* (30) (25 nhà là một *lư*) cũng có nhà *thục*, (31) người nào có đức-hạnh trong *lư* xung làm chức giáo-viên. Còn ngoài ra các nước chư-hầu cũng có lập trường đại-học, tiểu-học riêng trong một nước, trường đại-học của các nước chư-hầu thì gọi là *Phán-cung*. (32) Trong đời Châu định cái niên-hạn, vào học từ 8 tuổi đến 14 tuổi là cái niên-hạn học tiểu-học, từ 15 tuổi đến 20 tuổi, là cái niên-hạn học đại-học, trường đại-học thì dạy về *Lễ, Nhạc, Thi, Thư*, trường tiểu-học thì dạy về *Luân-lý*, như là dạy cho biết cái thứ lớp nhón nhỏ, và cái nghi-tiết ở trong gia-đình vân v..

Vi cái chế-độ của đời Châu đã hoàn-bị như thế, cho nên đến đời xuân-thu chiến-quốc (33) nhiều người có học-vấn, mà mỗi nhà đều xướng ra một cái học-thuyết để truyền-bá đến đời sau, nay chúng ta ước-lược mà kể, thời có mấy nhà như sau này :

a) *Đạo Nho* : Xướng ra *đạo Nho* là đức Khổng-Tử (34) người nước Lô, (35) sinh về đời vua Linh-Vương (36) nhà Châu (trước Thiên-chúa giáng-sinh 551 năm, sau ông Thích-Ca 6 năm). Khi đầu thì ngài làm quan ở nước Lô đến sau vua nước Lô là ông Ai-Công (37) không dùng, ngài bèn đi châu-lưu các nước. xướng lên một cái học-thuyết rằng : làm người phải lấy đều *nhân* (38) làm gốc, bàn

(12) 天文 (13) 干支 (14) 夏商周 (15) 三代 (16) 王制 (17) 有虞 (18) 國老 (19) 上庠 (20) 庶老 (21) 下庠 (22) 孟子 (23) 校 (24) 殷 (25) 序 (26) 辟雍 (27) 成均 (28) 州 (29) 黨 (30) 閭 (31) 塾 (32) 泮宮 (33) 春秋戰國 (34) 孔子 (35) 魯 (36) 靈王 (37) 哀公 (38) 仁

về cách trị đời thì chỉ lấy sự *tu-thân* (39) làm trước. Người đi khắp các nước không ai dùng, khi ấy mới về dạy học-trò và chép sách, học-trò ngài hơn 3000 người, có 72 người có tiếng, như là ông Nhan-Uyên, (40) Mãn-tử-Khiên, (41) Tăng-Sâm, (42) Hữu-Nhuộc, (43) Nhiêm-Câu, (44) Trọng-Do, (45) Tử-Trương, (46) Đoan-mộc-Tử, (47) là người có tiếng nhất. Khi ngài mất rồi, thì học-trò ngài hoặc làm quan các nước chư-hầu, hoặc dạy học để truyền đạo ngài, cháu ngài tên là ông Tử-Tư (48) học với ông Tăng-Sâm, làm sách *Trung-dung*, (49) mà nối dõi theo cái đạo học của ngài, sau có ông Mạnh-Tử, (sinh đời vua Liệt-Vương nhà Châu trước Thiên-chúa giáng-sinh 372), thì học với học trò ông Tử-Tư, chép ra sách *Mạnh-tử*. Xương cái thuyết « tôn-vương tiện-bá, trọng-nghĩa khinh-lợi », (50) và nói rằng : « phàm cái tính người ta vẫn tự-nhiên là từ-thiện, người nào cũng có thể làm Nghiêu, Thuấn được » người đời sau đều tôn ông Mạnh là bậc Á-thánh. Sau ông Mạnh lại có ông Tuân-Huống (51) (người nước Triệu (52) ở đời chiến-quốc hoặc gọi rằng Tuân-Khanh (53) hay Tôn-Khanh) (54) cũng là bậc đại-nho, cái học-thuyết ông ấy thời lấy đức Khổng-Tử, làm tiêu-chuẩn mà lại trái cái thuyết tinh-thiện của ông Mạnh, như ông ấy xướng ra rằng : « tính người vẫn tự-nhiên là ác, phải lấy lễ-nghĩa mà sửa chính lại, thì mới làm được đều thiện. » Ông Tuân-Huống có làm bộ *Tuân-tử* 12 quyển 32 thiên.

b) *Đạo Mặc* : (55) xướng ra đạo *Mặc* là ông Mặc-Địch (56) (người nước Tống (57) ở đời chiến-quốc) lập ra cái thuyết « kiêm-ái », chuộng sự tiết-kiệm, muốn

giảm bớt lễ-tang-lễ, trừ âm-nhạc v. v. Tuy thời lập-luận có thiên-chấp, nhưng vẫn chuyên-trọng về cái « lợi-tế-chủ-nghĩa », cho nên đương-thời cũng tên-danh với đạo nho, có làm ra bộ sách *Mặc-tử* 15 quyển 63 thiên, người theo cái học ấy thì có ông Cầm-khắc-Ly, (58) ông Hồ-phi-Tử, (59) và Tuy-sào-Tử (60) v. v.

c) *Đạo Dương* : xướng ra đạo *Dương* (61) là ông Dương-Châu, (62) chủ cái thuyết « vị-kỷ », phản-đối với cái thuyết « kiêm-ái », như nói rằng : « người sinh ra ở đời, khác nào như một hạt sương trên ngọn cỏ, không được bao lâu, cho nên phải hậu-dưỡng và tự-trọng lấy mình, có cần gì phải tổn-hại mình mà làm ích-lợi cho người khác ». Đạo họ Dương thì không có sách vở gì để đời, chỉ thấy trong sách *Liệt-tử*, (63) có chép những học-thuyết đạo ấy là trái với đạo *Mặc*, và trong *Mạnh-tử* có nói rằng : « họ Dương chủ cái nghĩa « vị-ngã » nếu nhờ một mảy lông mà được lợi cho cả thiên-hạ cũng không cần làm ».

d) *Đạo Lão* : (64) xướng ra đạo *Lão* là ông Lão-Tử tức chính tên là Lý-Nhĩ, (65) tên chữ là Bá-Đương (66) người đồng-thời với đức Khổng-Tử. Học-thuyết của đạo *Lão-tử*, thì nói rằng : người ta ở đời nên « vô-vi », không nên dùng trí-lực, bởi vì cái đạo tự-nhiên sinh ra trước giới đất, việc gì trong đời nên phủ cho đạo tự-nhiên ấy chủ-trương cho là phải. Ông có làm ra bộ sách *Lão-tử*, chia ra làm thượng-thiên hạ-thiên, toàn là nói về cái ý-chỉ đạo-đức. Người theo đạo ấy, như ông Văn-Tử (67) ông Thi-Tử, (68) ông Trang-Châu (69) ông Liệt-ngự-Khẩu (70) v. v...

e) *Hình-danh-học* (71) : Học-phái này thì chỉ lấy sự hình-danh làm gốc, nói

(39) 修身 (40) 顏淵 (41) 閔子騫 (42) 曾參 (43) 有若 (44) 冉求 (45) 仲由 (46) 子張 (47) 端木賜 (48) 子思 (49) 中庸 (50) 尊王賤伯重義輕利 (51) 荀况 (52) 趙 (53) 荀卿 (54) 孫子 (55) 墨 (56) 墨翟 (57) 宋 (58) 禽滑釐 (59) 胡非子 (60) 隨巢子 (61) 楊 (62) 楊朱 (63) 列子 (64) 老子 (65) 李耳 (66) 伯陽 (67) 文子 (68) 尸子 (69) 莊周 (70) 列禦寇 (71) 刑名學

rằng trị thiên-hạ nên dùng pháp-thuật, không nên dùng nhân-nghĩa, người xướng ra cái thuyết ấy là ông Thân-bất-Hại, (72) người họa theo là ông Hàn-Phi (73) vậy.

Còn ngoài ra thì như bọn ông Đặng-Tịch, (74) ông Huệ-Thi, (75) ông Công-tôn-Long, (76) ông Quý-cốc-Tử, (77) ông Trang-Tru, (78) ông Bành-Mông, (79) ông Trâu-Điền, (80) ông Hứa-Hành, (81) mỗi người đều xướng một cái học-thuyết, đề cùng biện-luận công-kịch với nhau, như thế thì cũng đáng cho sự giáo-dục của nước Tàu, ở cuối đời Châu đã có kết-quả, mà học-thuật cuối đời Châu rất là tiến-bộ. Tuy vậy, đương lúc bấy giờ học-thuyết vẫn đã phát-minh ra nhiều, mà cách in sách viết chữ chưa được giản-tiện, chữ viết bằng sơn, sách biên bằng tre, vẫn không phải là cái lợi-khi dễ truyền-bá về sự học-vấn, cho nên sách vở lưu-truyền đời sau cũng ít. Đương-thời những sách học thì nghe nói rằng có sách *Tam-phần*, (82) *Ngũ-diễn*, (83) *Bát-sách*, (84) *Cửu-khâu*, (85) nhưng mà đến sau cũng không thấy truyền lại, cho nên không biết cái nội-dung trong sách ấy như thế nào. Nay chỉ còn kinh *Dịch*, *Thư*, *Thi*, *Châu-lễ*, *Nghi-lễ*, (86) *Quản-tử*, (87) (ông Quản-Trong làm) *Xuân-thu*, (88) (của đức Khổng-Tử làm) *Luận-ngữ*, (89) (của học-trò đức Khổng làm) *Mặc-tử*, (90) *Lão-tử*, (91) *Manh-tử*, (92) *Trang-tử*, (93) (của Trang-Châu làm) *Tuân-tử*, (94) *Hàn-tử*, (95) *Tả-truyện*, (96) *Quốc-ngữ*, (97) *Chiến-quốc-sách*, (98) v. v. ...

Văn-chương nước Tàu thì từ xưa đến nay, đời nào vẫn đều có cái đặc-sắc về đời ấy, như thiên *Nghiên-diễn*,

Thuấn-diễn, (99) *Vũ-cống* (100) trong kinh *Thư* là sử-quan đời Hạ làm, văn-khi rất là hồn-hậu, còn như thiên *Thang-cáo*, *Hồng-phạm* (101) thì người đời Ân làm, cũng đủ thấy được một cái văn-cách đặc-biệt của đời ấy. Qua đến đời Châu, văn-chương càng tiến-bộ, mà trong buổi xuân-thu chiến-quốc, thì phát-hiện ra lắm cái vẻ rất vĩ-khết, như văn *Quản-tử* thì cứng-cỏi; văn *Luận-ngữ* thời hồn-hậu; văn *Lão-tử* thời siêu-thoát; văn *Trang-tử* thời phiêu-dật; văn *Manh-tử* thời giản-kinh; văn *Tuân-tử* thời phú-thiệm; văn *Hàn-tử*, *Chiến-quốc-sách* thời kỳ-tuấn; văn *Tả-truyện*, *Quốc-ngữ* thời phù-hoa chải-chuốt, cho nên người đời sau gọi cái thời-đại xuân-thu chiến-quốc là cái thời-đại văn-chương cực-thịnh của nước Tàu.

Thi-ca nước Tàu thì xem như đời vua Thuấn, vua tối cùng xướng họa với nhau, thì ca-từ vẫn có từ lúc ấy, nhưng trải đời Hạ qua đời Ân mới thấy tiến-bộ. (Xem thiên *Thương-tụng* (102) trong kinh *Thi* thời biết). Đến đời Châu trong trường học có dạy về môn học thi-ca, lại có quan Thái-sur (103) nhặt những lời ca-rao trong hương-lý, mà dâng lên cho vua, để phổ vào nhạc-khúc. Cách thi-ca lúc bấy giờ hoặc bốn chữ, hoặc năm chữ dài vẫn không nhất-định, nhưng mà thuật-tình tả-cảnh, thường biểu-hiện ra cái vẻ thiên-nhiên, không phải dùng cách tiêm-xảo phù-hoa như người đời sau, xem như lúc chiến-quốc những bài ca-ngâm của ông Khuất-Nguyên, (104) ông Tống-Ngọc (105) soạn ra, cũng đủ cho là thiên-cổ tuyệt-diệu.

Thuộc về y-học thời tuy phát-minh từ đời vua Thần-Nông, nhưng chẳng

72) 申不害 (73) 韓非 (74) 鄧析 (75) 惠施 (76) 公孫龍 (77) 鬼谷子 (78) 莊周 (79) 彭蒙 (80) 鄒衍 (81) 許行 (82) 三墳 (83) 五典 (84) 八索 (85) 九邱 (86) 易書詩周禮儀禮 (87) 管子管仲 (88) 春秋 (89) 論語 (90) 墨子 (91) 老子 (92) 孟子 (93) 莊子 (94) 荀子 (95) 韓子 (96) 左傳 (97) 國語 (98) 戰國策 (99) 堯典舜典 (100) 禹貢 (101) 湯誥洪範 (102) 商頌 (103) 太史 (104) 屈原 (105) 宋玉

qua là chỉ lược biết cái tinh của thảo-mộc để ứng-dụng mà chữa bệnh, qua đến đời Châu nghề làm thuốc mới chia ra là *Tất-y* ⁽¹⁰⁶⁾ (tức là nội-khoa) *Trương-y* ⁽¹⁰⁷⁾ (tức là ngoại-khoa) và xét dung-âm thanh-sắc của người có bệnh, để mà đoán bệnh, lại có thúy để chữa bệnh cho thú vật. Đến sau kế có bọn ông Hòa-Hoãn ⁽¹⁰⁸⁾ Biền-Thước ⁽¹⁰⁹⁾ lấy nghề thuốc mà trứ-danh ở đời Xuân-thu.

Thuộc về học thiên-văn thời đến đời Châu lại càng tiến-bộ, xem như là chia những ngôi sao trên giới làm *nhị-thập-bát-tứ*, và biện ra ngôi sao nào thuộc về phần-dã nước nào, để có xem tượng giới mà biết sự lành dữ nước ấy. Như là họ *Cam* ⁽¹¹⁰⁾ nước Tề ⁽¹¹¹⁾, họ *Thạch* ⁽¹¹²⁾ nước Ngụy, ⁽¹¹³⁾ đều là nhà thiên-văn-học có tiếng cuối đời nhà Châu.

III

Thời-dại Tần, Hán ⁽¹¹⁴⁾ và Tam-quốc (Nguy, Thục, Ngô), ⁽¹¹⁵⁾ (trước Thiên-chúa giáng-sinh 246, đến sau Thiên-chúa giáng-sinh 264). Đời Tần đốt sách chôn học-trò, bỏ hết các trường-học, qua đến đời Vũ-Đế ⁽¹¹⁶⁾ nhà Hán mới lập lại nhà Thái-học, từ đấy đến đời vua Chất-Đế ⁽¹¹⁷⁾ nhà Hậu-Hán số học-trò được hơn ba vạn người, thế thời đủ biết nhà Hán trong ba trăm năm vẫn đã chăm về đường giáo-dục vậy. Học-thuyết đời Hán chỉ lấy đạo *Nho* làm chủ, vì vua Vũ-Đế vẫn trọng nho-học tự triều-dinh định trước chỉ lấy nho-học làm tiêu-chuẩn, rồi lại đem các kinh ra mà chú-thích, cho nên trong đời Hán nhiều người thông-kinh, và thường dẫn nghĩa kinh mà luận việc,

ấy thật là một cái cảnh biến-thiên của học-thuật nước Tàu vậy. Nay chúng ta xin kể trước về cái thống-hệ kinh học, rồi sau sẽ kể đến sử-học, văn-học, ngữ-hành-học, sấm-vĩ-học, ⁽¹¹⁸⁾ thuộc về thời-dại ấy.

a) *Kinh-học*. — Kinh *Dịch* từ đức Khổng-Tử truyền đến ông Tử-Hạ, trải qua đầu đời Hán thì có ông Điền-Hà ⁽¹¹⁹⁾ cũng tinh *Dịch-học*, ông Hà truyền cho ông Đinh-Khoan ⁽¹²⁰⁾, ông Khoan truyền cho ông Điền-vương-tôn ⁽¹²¹⁾, ông Vương-tôn lại truyền cho ông Thi-Thù, ⁽¹²²⁾ ông Mạnh-Hỉ, ⁽¹²³⁾ ông Lương-khâu-Hà, ⁽¹²⁴⁾ từ ấy *Dịch-học* chia ra làm ba phái, là *Thi*, *Mạnh*, *Lương*. Lại có ông Kinh-phòng ⁽¹²⁵⁾ cũng người đời Hán, tinh *Dịch-học*, cho nên đến đời Hậu-Hán thì cái học họ Thi, họ Mạnh, họ Lương-khâu, và họ Kinh đều có đặt học-quan, trải qua cái loạn đời Tây-Tấn mà *Dịch-học* của họ Thi, họ Lương-khâu bị thất-truyền.

Kinh Thư thời từ sau khi nhà Tần đốt sách, ông Phục-Thắng ⁽¹¹⁶⁾ người đất Tế-nam truyền miệng lại được hơn 20 thiên, ấy là *Kim-văn thượng-thư*, đến sau ông Cung-Vương ⁽¹²⁷⁾ nước Lô, phá cái trường nhà của đức Khổng, tìm được sách *Thượng-thư* viết bằng cách chữ khoa-dầu, ấy gọi là *Cổ-văn thượng-thư*, ông Phục-Thắng lại lấy cái kinh-học của mình mà truyền cho ông Trương-Sinh, ⁽¹²⁸⁾ đến đời ông Trương-Sinh lại truyền cho họ Âu-dương ⁽¹²⁹⁾ và họ Hạ-hầu, ⁽¹³⁰⁾ cho nên cái học *Kinh Thư* có chia ra làm ba phái, tức là *Âu-dương học-phái*, và *Đại-hạ-hầu* (Hạ-hầu-Thắng) *Tiểu-hạ-hầu* (Hạ-hầu-Kiến học phái), ba học-phái ấy đều có lập học-quan, đến cái loạn đời Tây-Tấn thì cũng thất-truyền cả.

(106) 疾醫 (107) 瘍醫 (108) 和緩 (109) 扁鵲 (110) 甘 (111) 齊 (112) 石 (113) 魏 (114) 秦漢 (115) 三國魏蜀吳 (116) 武帝 (117) 質帝 (118) 五行學識緯學 (119) 田何 (120) 丁寬 (121) 田王孫 (122) 施讎 (123) 孟喜 (124) 梁邱賀 (125) 京房 (126) 伏勝 (127) 恭王 (128) 張生 (129) 歐陽 (130) 夏侯

Kinh *Thi* thi ở đời Hán có chia ra làm *Lỗ-thi*, *Tề-thi*, *Hàn-thi*, *Mao-thi*.⁽¹³¹⁾ *Lỗ-thi* là thi-học của ông Thân-công⁽¹³²⁾ nước *Lỗ*, *Tề-thi* là thi-học của ông Viên-cổ-Sinh⁽¹³³⁾ nước *Tề*, *Hàn-thi* là thi-học của ông Hàn-Anh⁽¹³⁴⁾ nước *Yên*, *Mao-thi* là thi-học của ông Mao-Trần⁽¹³⁵⁾ nước *Triệu*, đến sau về đời *Nguy Văn-Đế*⁽¹³⁶⁾ (*Tào-Phi*). *Tề-thi* thời thất-truyền. *Lỗ-thi* trải qua cái loạn đời *Tây-Tấn* cũng thất-truyền.

Học kinh *Lễ* thi có chia ra làm *Nghi-lễ*, *Châu-lễ*, *Đại-dời-lễ*, và *Tiêu-dời-lễ*, đời Hán có ông Cao-đường-Sinh⁽¹³⁷⁾ lấy mười bảy thiên kinh *Lễ* mà truyền cho học-trò, tức là sách *Nghi-lễ* bây giờ. Lại có họ *Lý* được sách *Châu-quan* dâng cho ông *Hiển-Vương*,⁽¹³⁸⁾ ở đất *Hà-giang*, tức là sách *Châu-lễ* bây giờ. Học-phái của ông *Cao-đường-Sinh*, thì có ông *Hậu-Thương*,⁽¹³⁹⁾ là rất thông sách *Nghi-lễ*, truyền lại cho ông *Đời-Đức*,⁽¹⁴⁰⁾ ông *Đời-Thánh*,⁽¹⁴¹⁾ mà cái *lễ-học* càng ngày càng phát-minh, lại có ông *Lưu-Hâm*⁽¹⁴²⁾ sùng-thượng sách *Châu-lễ*, mới đặt ra quan *Bác-sĩ* mà sách *Châu-lễ* được truyền-bá ở đời, ông *Lưu-Hương*⁽¹⁴³⁾ thì khảo-hiệu sách cổ được hơn 200 bài cổ-ký, ông *Đời-Đức* mới dọn lại làm 85 thiên, ấy gọi là *Đại-dời-lễ*, ông *Đời-Thánh* lại dọn thành 46 thiên, ấy gọi là *Tiêu-dời-lễ*, tức là sách *Lễ-ký* bây giờ. (sách *Lễ-ký* đến đời ông *Mã-Dung*⁽¹⁴⁴⁾ thêm ba thiên, cộng là 49 thiên) cho nên đời sau gọi *Châu-lễ*, *Nghi-lễ*, *Lễ-ký* là *tam-lễ*.

Còn như kinh *Xuân-thu* thi có truyện *Công-dương*,⁽¹⁴⁵⁾ truyện *Cốc-lương*,⁽¹⁴⁶⁾ và *Tả-truyện*. Truyện *Công-dương* trải qua ông *Đổng-trọng-Thư*⁽¹⁴⁷⁾ mới

truyền-bá ở đời, truyện *Cốc-lương* thì vì vua *Tuyên-Đế*⁽¹⁴⁸⁾ đời Hán ham đọc truyện ấy rồi cũng hành-thế được. Cho nên đời *Tiền-Hán* đặt học-quan về kinh-học *Xuân-thu* thi đều lấy hai truyện ấy làm chủ. *Tả-truyện* thời trải qua ông *Giả-Nghị*⁽¹⁴⁰⁾ giải-thích và ông *Lưu-Hâm* khảo-chánh lại mà cũng trừ-danh ở đời.

Nói tóm lại thi các nhà kinh-học nước *Tàu* thuộc về đời Hán tuy nhiều, nhưng mà đáng cho ông *Trịnh-Huyền*⁽¹⁵⁰⁾ là một tay kinh-học cự-lử, ông *Huyền* là học-trò ông *Mã-Dung*, tinh-thông các kinh, thường chú-thích kinh *Châu-lễ*, *Nghi-lễ*, *Lễ-ký*, và kinh *Thi*, kinh *Thư*; kinh *Dịch*. Lại có ông *Khổng-an-Quốc*,⁽¹⁵¹⁾ ông *Hà-Yến*,⁽¹⁵²⁾ ông *Đỗ-Dự*⁽¹⁵³⁾ cũng là nhà kinh-học đại-gia ở đương-thời.

B) *Sử-học*. — Các đời trước thì tuy có quan sử để biên-chép những ngôn-hành của vua, cũng là cái nguồn-gốc cho sự làm sử, nhưng đến đời *Châu*, thì sự biên chép ấy hầu còn chưa được hoàn-bị, trong khi bấy giờ các nước chư-hầu đều có sử cả, đức *Khổng-Tử* mới lấy sử nước *Lỗ* định thể-chế, ngụ-ý khen chê, chép thành bộ *Xuân-thu*, ông *Tả-khâu-Minh*⁽¹⁵⁴⁾ làm truyện *Thế* thi bộ *Xuân-thu* danh tuy gọi là kinh, nhưng kỳ thật là thể lịch-sử vậy. Đến đời vua *Vũ-Đế*⁽¹⁵⁵⁾ nhà Hán có ông *Tư-mã-Đàm*⁽¹⁵⁶⁾ làm quan *Thái-sử*, hợp cả sách *Tả-truyện*, *Quốc-ngữ*, *Chiến-quốc sách*, *Sở Hán Xuân-thu*,⁽¹⁵⁷⁾ bắt đầu từ đời *Thái-cổ* đến nhà Hán mà định chép thành một bộ lịch-sử, không ngờ đầu chưa thành-công mà mất sớm, đến con ông là ông *Tư-*

(131) 魯詩齊詩韓詩毛詩 (132) 申公培 (133) 轅固生 (134) 韓嬰 (135) 毛萇 (136) 魏文帝 (137) 高堂生 (138) 河間獻王 (139) 蒼后 (140) 戴德 (141) 戴聖 (142) 劉歆 (143) 劉向 (144) 馬融 (145) 公羊 (146) 穀梁 (147) 董仲舒 (148) 宣帝 (149) 賈誼 (150) 鄭玄 (151) 孔安國 (152) 何晏 (153) 杜預 (154) 左邱明 (155) 武帝 (156) 司馬談 (157) 漢楚春秋

mã-Thiên (158) nối theo chí ông, làm ra bộ *Sử-ký*, kể những sự-tích đế-vương cùng thế-đại các nước chư-hầu, phạm thuộc về sự lễ, nhạc, hình-chính, thiên-văn, tài-hóa, đều biên rõ cả, đời sau gọi chính-sử đều lấy sử của ông Tư-mã-Thiên làm tiêu-chuẩn. Như thế thì họ Tư-Mã là một bậc công-thần của sử-học nước Tàu vậy. Đến đời Hậu-Hán ông Ban-Bưu (159) làm sách *Sử-ký hậu-truyện* 65 thiên, con ông Bưu là ông Ban-Cổ (160) lại tập sự-tích từ vua Cao-tổ (161) đời Hán đến thời-đại Vương-Mãng (162) mà làm thành ra một bộ *Hán-thư* cùng với bộ *Sử-ký* mà lưu-truyền ở đời.

c) *Văn-học*. — Đời Tần thời không trọng văn-học, đến đời Hán Văn-học mới thấy thịnh, xem như thừa vua Văn-Đế (163) thì có bài sách *Tri-an* của ông Giả-Nghị (164) cũng đáng cho là một thiên kiệt-tác vậy. Đến đời vua Vũ-Đế thì càng trọng về văn-học, lại có bọn ông Tư-mã-Thiên, ông Tư-mã-tương-Như, (165) ông Đông-trọng-Thư, Đông-phương-Sóc, (166) Mai-Cao, (167) cùng kế-tiếp mà trứ-danh trong lúc bấy giờ. Văn ông Tư-mã-Thiên thì hay về cách tự-sự, văn ông Đông-trọng-Thư thì hay về đường-luận-thuyết, văn của Tư-mã-tương-Như, Đông-phương-Sóc, Mai-Cao, thì hay về đường từ-phú. Nhưng đương-thời sự văn-học chỉ trọng về mặt từ-phú, cho nên ông Dương-Hùng (168) cũng ưa về sự làm phú. Đến đời Hậu-Hán, bọn ông Ban-Cổ, Thôi-Nhân, (169) Trương-Hoành, (170) Thái-Hộ, (171) cùng nối nhau cổ-vở về sự làm phú, mà cách từ-phú lại làm chủ cho sự văn-chương của đời Hậu-Hán, đến cha con họ Tào (Tào-Thảo, Tào-Thực) (172) thời từ-phú lại thịnh-hành, văn-chương càng thêm

hoa-lệ, mà mở ra cái nền văn-chương của đời Lục-triều (173) về sau. Trong đời Hán, Ngụy lại còn ưa về mặt thi ca nữa, bắt đầu làm thơ năm chữ, kể làm thơ bảy chữ, cho nên bọn ông Trương-Hoành, ông Tào-Thực, ông Vương-Xán, (174) đều có tiếng là nhà thi-gia.

d) *Ngũ-hành-học* và *sấm-vĩ học*. — Ngũ-hành tức người sau thường gọi là *kim, mộc, thủy, hỏa, thổ*, cái học-thuyết ngũ-hành không biết xướng từ đời nào, nhưng xem như trong kinh *Thư* nói rằng : *Hữu-hỗ uy-vũ Ngũ-hành*, (175) thì biết cái thuyết ấy từ xưa vẫn có đã lâu, đến đời Ân, Châu, ông Co-tử (176) làm sách *Hồng-phạm*, cái thuyết ấy mới rõ-ràng, nhưng cũng chưa thành ra một cái học-khoa, đến đời Chiến-quốc thì nhiều người lấy cái lễ Âm-dương phối-hiệp làm « ngũ-hành tương-sinh tương-khắc », mà cái « ngũ-hành học-thuyết » càng ngày càng thịnh. Đời sau nhiều người suy-diễn ra cái lý « ngũ-hành », hoặc lấy ngũ-thường, ngũ-thanh, ngũ-vị, ngũ-sắc, mà phối-hiệp, xét cho kỹ thì cũng là khiên-cưỡng, không thể làm dịch-sắc được. Còn như cái học *sấm-vĩ*, thì bắt đầu từ đời vua Ai-Đế, (177) Bich-Đế, (178) nhà Hán. Từ có cái học « ngũ-hành » xướng ra, mà nhiều nhà làm những sách đặt tên rằng : *Dịch-vĩ, Thi-vĩ, Hiếu-kinh-vĩ, Xuân-thu-vĩ*, (179) biên-chép những điều kỳ-dị. Vương-Mãng nhà Hán, và vua Quang-Vũ (180) đều tin theo những lời « sấm-vĩ » cho nên đời vua Quang-Vũ thuộc về sự dụng-nhân hành-chính, đều lấy sấm-văn mà giải-quyết, từ ấy cái học « sấm-vĩ » càng ngày càng thịnh đến cuối đời Hán ông Trịnh-Huyền là nhà đại-nho cũng tin về cái học-thuyết ấy.

(158) 司馬遷 (159) 班彪 (160) 班固 (161) 高祖 (162) 王莽 (163) 文帝 (164) 賈誼 (165) 司馬相如 (166) 東方朔 (167) 枚皋 (168) 楊雄 (169) 崔駰 (170) 張衡 (171) 蔡邕 (172) 曹操 曹植 (173) 六朝 (174) 王粲 (175) 有扈威侮五行 (176) 箕子 (177) 哀帝 (178) 平帝 (179) 易緯書緯詩緯孝經緯春秋緯 (180) 光武

e) *Thiên-văn-học*. — Thiên-văn-học đòi Hán thì theo như *tam-dại*, mà cũng có phát-minh trừ-thuật được nhiều, như ông Trương-Hoành chế ra cái «Hỗn-thiên-nghi»⁽¹⁸¹⁾ ông Thái-Hộ, ông Tiêu-Châu⁽¹⁸²⁾ cũng đều có trừ-thuật, thể thì đủ biết thiên-văn-học của đòi Hán đã tiến-bộ.

Nói tóm lại thì cái học-thuật đòi Hán vì ở sau nhà Tần là một cái thời-kỳ đã phá-đổ những nền học-vấn cũ, nhưng cũng vì đó mà phát-biểu ra được lắm về văn-học mới, và làm gốc cho nền văn-chương của đòi *Lục-triều* vậy.

IV

Thời-dại Đông-Tấn, Tây-Tấn,⁽¹⁸³⁾ và *Nam Bắc triều*⁽¹⁸⁴⁾ (lịch tây 265-588). — Học-thuật đòi Tây-Tấn, thì nhân những cựu-nho đòi Hán, Ngụy còn lại, cho nên nhiều người thông « kinh-học ». Đến đòi Nam-triều, thì sĩ-phu ưa cái học-thuyết của đạo *Lão Trang*, chỉ chuộng về một lối « thanh-dâm », mà ít người thông « kinh-học », đến đòi Bắc-triều thời « kinh-học » lại thịnh, duy có học từ-chương, thì đòi Bắc-triều không bằng đòi Nam-triều. Thuộc về Sử-học thời có sách *Tam-quốc-chi*⁽¹⁸⁵⁾ của ông Trần-Thọ⁽¹⁸⁶⁾ sách *Hậu-Hán-thư* của ông Phạm-Hoa⁽¹⁸⁷⁾ làm đều là vào bậc chính-sử trừ-danh cả. Văn-học thì từ-phú, đòi Lương Tấn cho đến Nam, Bắc triều, văn-chương đều là vận-văn, từ-điệu hoa-mĩ người đòi sau thường gọi là « văn Lục-triều ». (Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần).⁽¹⁸⁸⁾ Những văn-chương Lục triều tuy có tài-hoa, mà ít nghĩa-lý không thiết thực - dụng, như là ông Nguyễn-Tịch,⁽¹⁸⁹⁾ ông Khê-Khương,⁽¹⁹⁰⁾ ông

Phan-Nhạc,⁽¹⁹¹⁾ ông Lục-Cơ,⁽¹⁹²⁾ ông Đào-uyên-Minh,⁽¹⁹³⁾ ông Tạ-Linh-Vân,⁽¹⁹⁴⁾ ông Giang-Yêm,⁽¹⁹⁵⁾ ông Thâm-Uớc,⁽¹⁹⁶⁾ ông Phạm-Vân,⁽¹⁹⁷⁾ ông Nhâm-Phông,⁽¹⁹⁸⁾ ông Từ-Lãng,⁽¹⁹⁹⁾ ông Giũ-Tin,⁽²⁰⁰⁾ các ông ấy đều là những bậc hay chữ có tiếng ở đòi Lục-triều. Văn-chương đòi ấy lại trọng về bài-luật, cho nên xướng ra lối « Âm-học » mà đặt thành cách *phiên-thiết*. Phiên-thiết là lấy hai chữ hợp lại phiên-âm mà thành tiếng, cách ấy từ bên Tây-vực⁽²⁰¹⁾ truyền sang. Từ đòi Đông-Tấn đến đòi Nam-triều, văn-chương chỉ dùng âm-vận, vì thế cho nên có đặt ra làm bốn tiếng, gọi là *binh, thượng, khứ, nhập*, để có phối hiệp vào âm-điệu làm thơ, đòi sau có người gọi rằng bốn tiếng ấy là của ông Thâm-Uớc đặt ra, nhưng xét đồng-thời với ông cũng nhiều nhà đã bày ra cách ấy, thì đủ biết rằng không phải một mình ông Thâm-Uớc sáng-lập ra vậy.

V

Thời-dại Tùy, Đường⁽²⁰²⁾ và *Ngũ-dại*⁽²⁰³⁾ (lịch tây 589-959). — Sự giáo-dục đòi Đường thì cái chế-độ nhà học-hiệu và cái chế-độ tuyển-cử, đồng-thời thi-hành, cho nên học-thuật rất thịnh. Nhà học-hiệu thời lấy sự kinh-học làm chủ, phân ra làm đại-kinh (*Lễ-ký, Tả-truyện*) trung-kinh (*kinh-Thi, kinh Nghi-lễ, Châu-lễ*) tiểu-kinh (*kinh-Thư, kinh-Dịch truyện Công-dương Cốc-lương*) mà học trò cũng lấy đó làm khóa-hản, thể thì đủ biết kinh-học đòi Đường, chỉ thuộc về cái học chú-sớ mà thôi, xem như vua Thái-tôn⁽²⁰⁴⁾ sai ông Không-dĩnh-Đạt⁽²⁰⁵⁾ soạn ra *Ngũ kinh chính nghĩa*,⁽²⁰⁶⁾ mà cái kinh-học của sĩ-phu đòi Đường, không hề ra khỏi cái phạm-vi

(181) 渾天儀 (182) 讎周 (183) 東晉西晉 (184) 南北朝 (185) 三國志 (186) 陳壽 (187) 范曄 (188) 吳晉宋齊梁陳 (189) 阮籍 (190) 稽康 (191) 潘岳 (192) 陸機 (193) 陶淵明 (194) 謝靈運 (195) 江淹 (196) 沈約 (197) 范雲 (198) 任昉 (199) 徐陵 (200) 庾信 (201) 西域 (202) 隋唐 (203) 五代 (204) 太宗 (205) 孔穎達 (206) 五經正義

của bản chính-nghĩa ấy, thành ra mất cả cái tinh-chất độc-lập thuộc về sử học. Sử-học nhà Đường thì từ vua Thái-Tôn sai các sử-thần biên-chép sử đời trước (như là sử những đời Lương, Trần, Tề, Châu, Tùy, Tấn) rồi sau chính-sử mới được hoàn-bị. Ông Lý-duyên-Thọ⁽²⁰⁷⁾ lại đem những sử từ đời Tấn, đời Lương cho đến đời Hậu-Nguy, Tề, Châu mà soạn lại thành ra bộ *Nam-sử*, *Bắc-sử*. Tuy vậy, nhà làm sử vẫn nhiều, nhưng người sau vẫn khen ông Lư-tri-Cơ là có cái trác-thức về sử-học, vì ông đã làm ra bộ *Sử-thông*,⁽²⁰⁸⁾ có nhiều cái lý-thuyết rất tân-kỳ. Lại như các triều vua đời Đường đều có chép ra *Thực-lục*, mà chỉ có pho *Thự-lục* của Hàn-Dũ⁽²⁰⁹⁾ chép về triều vua Thuận-tôn⁽²¹⁰⁾ là hay hơn cả. Còn như văn-học đời Đường thì biến cả cách văn-học đời Lục-triều, mà sung là toàn-thịnh. Đường thực-học thì lấy kinh sử làm chủ, mà có đặt khoa thi để tuyển người văn-học trong nước cho nên học-phong càng ngày càng phát-đạt. Văn-học lối đầu đời Đường thì có ông Dương-Quỳnh,⁽²¹¹⁾ Vương-Bột,⁽²¹²⁾ Lạc-tân-Vương,⁽²¹³⁾ Lô-chiến-Lân,⁽²¹⁴⁾ đều sở trường về lối văn *biền-thê*.⁽²¹⁵⁾ Ông Thẩm-thuyên-Kỳ,⁽²¹⁶⁾ ông Tống-chi-Vấn,⁽²¹⁷⁾ ông Lý-Bạch,⁽²¹⁸⁾ ông Đỗ-Phủ,⁽²¹⁹⁾ ông Vương-Duy,⁽²²⁰⁾ ông Vy-ứng-Vật,⁽²²¹⁾ ông Sầm-Sâm,⁽²²²⁾ đều là những nhà thi-nhân có tiếng. Bởi thế cho nên lối thơ ca đời Đường thật là tuyệt-phẩm, nhưng mà văn-chương hải còn nhiệm theo cái lậu-tập của đời Lục-triều. Sách *Tấu-nghị* của ông Lục-chí⁽²²³⁾ làm ở đời vua Đức-tôn,⁽²²⁴⁾ tuy nghĩa-lý rõ-ràng, nhưng hãy còn nhiệm theo cách

văn biền-thê. Từ có ông Hàn-Dũ, ông Liễu-tôn-Nguyên⁽²²⁵⁾ ra, mà cái văn-thê đời Đường mới thấy biến-cải, văn ông Dũ thời có thể cứu được lối văn suy-nhược của mấy đời trước, ông Tôn-Nguyên và bọn ông Lý-Cao theo mà phụ-họa thêm, cách làm văn của các ông ấy, hùng-tráng nhả-kiện, có thể chữa được những thói phù-mị trước, mà đỡ giúp cho thể-đạo vậy. Đến đời Ngũ-đại thì sự học lại càng ngày càng suy, cho nên không cần phải khảo-cứu đến làm gì.

VII

Thời-dại đời Tống⁽²²⁶⁾ và *Nguyễn*.⁽²²⁷⁾ *lịch tây* 960 1367 — Sự giáo-dục đời Tống rất là tường-bị, cho nên học-thuật đời ấy không kém gì đời xuân-thu, chiến-quốc, mà vẫn chuyên-trọng về đường Lý-học, bởi vì từ sau cái nạn « Tần-hỏa, sách-vở tan mất, người học-giả đời Lương-Hán, chỉ nhặt-nhạnh ở trong đống-tàn vách-nát mà chuyên về đường khảo-cứu, chưa có thì giờ giảnh mà xét đến nghĩa lý xâu-xa của thánh-hiền được, qua đến đời Tống thì công khảo-cứu ấy đã hoàn-toàn, bèn bắt đầu trọng về cái học nghĩa-lý, ấy cũng là cái thể đương-nhiên vậy. Nay chúng ta xin xét về Lý-học củ anhà Tống: Từ đời Bắc-Tống cho đến đời Nam-tống, có tiếng về cái môn Lý-học thì có bốn phái, tức là Liêm, Lạc, (ông Châu-đôn-Di ở Liêm-khê).⁽²²⁸⁾ Lạc (ông Trình-Hạo, Trình-Di ở Lạc-duong).⁽²²⁹⁾ Quan (ông Trương-tải ở Quan-trung)⁽²³⁰⁾ Mân (ông Châu-Hi ở Mân-trung).⁽²³¹⁾ Ông Châu-đôn-Di thủ xướng ra cái Lý học đời Tống, ông có làm sách *Thái-cực-đồ-thuyết*.⁽²³²⁾ và sách *Thông-thư*,⁽²³³⁾ rõ được cái nguồn-gốc đạo-

(207) 李延壽 (208) 史通 (209) 韓愈 (210) 順宗 (211) 楊炯 (212) 王勃 (213) 駱賓王 (214) 盧照隣 (215) 駢體 (216) 沈佺期 (217) 宋之問 (218) 李太白 (219) 杜甫 (220) 王維 (221) 韋應物 (222) 岑參 (223) 陸贄 (224) 德宗 (225) 柳宗元 (226) 宋 (227) 元 (228) 濂溪周敦頤 (229) 洛陽程灝程頤 (230) 關中張載 (231) 關中朱熹 (232) 太極圖說 (233) 通書

lý và sự mâu-nhiệm trong cái lý Thái-cực. Sau ông Đôn-Di thời có ông Trinh-Hạo và em là Trinh-Di, đều học với ông Đôn-Di, ông Hạo có làm ra sách *Định-tĩnh* (234) để mở ra cái mâu-nhiệm của thành-học, đến khi ông mất rồi, người ta đặt tên thụy ông là Minh-đạo tiên-sinh. (235) Còn học-thuyết ông Hi thời sinh-bình chỉ lấy đều thành-tực làm gốc, lấy sự cùng-lý làm chủ, sau ông có làm ra truyện kinh *Dịch* và truyện *Xuân-thu*, học-trò ông nhiều người giỏi, đương-thời gọi ông là Y-xuyên tiên-sinh. (236) Đồng-thời ở đất Quan-trung có ông Trương-Tải cũng có cái đại-danh, ông Tải đã từng một lần ra làm quan, vì không hợp với người đương-lộ về ở dưới núi Nam, dạy học-trò, cái học-thuyết ông đại-ý trọng về « lẽ », ông có nói rằng : « đạo » là vô hình mà « lẽ » là hữu-bình, nếu cái « lẽ » hữu-hình cò hợp với cái lẽ vô-hình, thì mới biết « đạo ». Sinh-bình ông lấy kinh *Dịch* làm chủ, mà lấy sách *Trung-dụng* làm phụ, ông có làm ra sách *Chính-mông* (237) và sách *Đông-minh, Tây-minh*, (238) người đời gọi ông là Hoàn-Hửu tiên-sinh. (239) Sau ông độ vài mươi năm thì có ông Châu-Hi, ông Châu-Hi học theo cái học-thống của ông Trinh, ông 18 tuổi đỗ Tiến-sĩ, làm quan hơn 50 năm, sống 71 tuổi. Học ông thì lấy sự « cư-kinh cùng-lý » làm gốc, ông có làm ra những bộ sách *Dịch-bản-nghĩa, Thi-tập-truyện, Tứ-thư tập chú, tiêu-học, Thông-giám-cương-mục, và Cận-tu-lục* (240) v. v. Đồng-thời với ông lại có ông Lục-cửu-Uyên (241) cũng là người trứ-danh, nhưng mà ông Hy thời trọng về sự học-vấn ông

Lục thời trọng về sự đức-tinh cho nên học-thuyết hai ông có khác nhau. Lý-học đời Tống ngoài bốn phái Liêm, Lạc, Quan, Mân, lại có nhiều phái như là ông Thiệu-Ung, (242) ông Tôn-Phục, (243) ông Hồ-Viên, (244) ông Trương-Thức, (245) ông Hồ-an-Quốc, (246) ông Dương-vạn-Lý, (247) ông Lữ-tô-Khiêm, (248) ông Trần-phó-Lương, (249) ông Chân-đức-Tử (250) đều là người có tiếng đương-thời. Đến đời Nguyên thì cái tôn-phái Lý-học vẫn chưa hề mất trước thì có ông Dao-Khâu, (251) Hứa-Hoành, (252) sau lại có ông Lưu-Nhân, (253) Ngô-Trùng, (254) Kim-lý-Tường, (255) tuy các ông ấy, chưa có thể sánh bằng Tống-nho được, nhưng mà cũng đủ chứng cho cái tôn-phái của Lý-học trong một đời.

Thuộc về sử-học, thì sử học đời Tống đã thấy tiến-bộ, nhưng mà cái thể-tài cũng chỉ là cách « kỹ-truyện », cách « biên-niên », và cách « kỹ-sự bản-mạt » mà thôi, cách « kỹ-truyện » thời như bộ *Đường-thư*. (256) bộ *Ngũ-dại-sử* (257) của mấy nhà sử-quan đời Tống làm, và đời Nguyên, có sai ông Thoát-Thoát (258) soạn ra ba bộ sử Tống, Liêu, (259) Kim, cũng thuộc thể kỹ-sự, Thể biên-niên, thì có sách *Tư-trị thông-giám* của ông Tư-mã-Quang (260) làm, sách ấy ông Quang cùng ông Lưu-Phần, (261) ông Lưu-Thư, (262) ông Phạm-tổ-Võ, (263) hợp soạn 19 năm mới thành. đời sau xét về sử Tàu, ai cũng gọi bộ sử ấy là rất có giá-trị. Thể « kỹ-sự bản-mạt » thì bắt đầu từ bộ *Thông-giám kỹ-sự bản-mạt* của ông Viên-Khâu (264) làm, thể sử ấy là rõ-ràng, cũng đáng cho là cái đặc-sắc trong sử-học vậy.

(234) 定性書 (235) 明道先生 (236) 伊川先生 (237) 正蒙 (238) 東銘西銘 (239) 橫渠先生 (240) 易本義詩集傳四書集註小學通鑑綱目近思錄 (241) 陸九淵 (242) 邵雍 (243) 孫復 (244) 胡瑗 (245) 張栻 (246) 胡安國 (247) 陽萬里 (248) 呂祖謙 (249) 陳傅良 (250) 真德秀 (251) 姚樞 (252) 許衡 (253) 劉因 (254) 吳澄 (255) 金履祥 (256) 唐書 (257) 五代史 (258) 元脫脫 (259) 遼 (260) 司馬光 (261) 劉邠 (262) 劉恕 (263) 范祖禹 (264) 袁樞

Thuộc về « văn-học », thì từ cuối đời Đường cho đến đời Ngũ-đại văn-học đã suy lằm, kịp đầu đời Tống hãy chưa được thịnh, người làm văn chỉ học theo cách biền-ngẫu mà thôi, sau đến ông Âu-dương-Tu⁽²⁶⁵⁾ hết sức nghiên-cứu về văn ông Hàn-Dũ, chữa lại văn-khi mà làm một bậc « văn-tôn »⁽²⁶⁶⁾ ở đương-thời. Đồng-thời với ông Tu lại có ông Tô-thuấn-Khâm,⁽²⁶⁷⁾ ông Mai-nghiêu-Thần⁽²⁶⁸⁾ cùng với ông Tu mà sửa lại cái phong-cách sự làm văn. Từ ấy văn-học đời Tống, mới biến-cải thành một thể mới, kể sau ông Tu lại có ông Tô-Tuân,⁽²⁶⁹⁾ Tô-Thức,⁽²⁷⁰⁾ Tô Triệt,⁽²⁷¹⁾ Tăng-Củng,⁽²⁷²⁾ Vương-an-Thạch,⁽²⁷³⁾ đều là những bậc văn-học đại-gia đương-thời, học trò ông Tô-Thức là ông Hoàng-đình-Kiên,⁽²⁷⁴⁾ và ông Trần-sư-Đạo⁽²⁷⁵⁾ đều là những nhà thi-học, cho nên người ta thường gọi hai ông ấy là *Giang-tây học-phái*⁽²⁷⁵⁾ Qua đến đời Nam-Tống thì văn-học đã suy, nhưng mà có bọn ông Lý-Cương,⁽²⁷⁶⁾ văn-chương cũng giống như văn ông Giả-Nghị đời Hán, ông Lục-Chí đời Đường, và lại có bọn ông Lữ-tổ-Khiêm⁽²⁷⁷⁾ ông Lục-Du⁽²⁷⁸⁾ ông Văn-thiên-Trường⁽²⁷⁹⁾ đều là những nhà « danh-thi » ở đời Nam-Tống. Qua tới nhà Nguyên thì những người có tiếng về văn-học cũng nhiều, nhưng tựu-trung thì chỉ ông Nguyên-hiếu-Vấn⁽²⁸⁰⁾ là người bậc nhất (ông có làm ra bộ *Di-sơn tập* 40 quyển) sau ông Hiếu-Vấn có bọn ông Ngu-Tập,⁽²⁸¹⁾ Dương-Tải,⁽²⁸²⁾ Hoàng-Tiêm,⁽²⁸³⁾ Liễu-Quán⁽²⁸⁴⁾ là những người tinh về thi-học cuối đời Nguyên mà thành một nền văn-học cho đời Minh vậy.

VII

Thời-dại Minh (285) và *Thanh*. (286) Minh từ lịch tây 1336-1643, Thanh từ 1644-1911. — Cách thủ-sĩ của đời Minh và đời Thanh, thời trọng về đường kinh-thuật và văn-nghe, cho nên cách học cũng giống nhau, duy học-vấn thì đời Minh chỉ luận về « tinh-lý » mà đời Thanh thì chuyên về « khảo-chứng » cái yếu-điểm sự học của hai đời khác nhau là thế. Học-thuật đời Minh, đại-đề tuân theo cái lý-thuyết của Trình, Châu, đương lúc Minh-Thành-Tổ⁽²⁸⁷⁾ biên ra sách *Tứ-thư đại-toàn*, *Ngũ-kinh đại-toàn*, *Tinh-lý đại-toàn*,⁽²⁸⁸⁾ để ban-phát cho các trường học. Trong lúc bấy giờ, học-trò phải bị câu-thúc về sự thi-cử, cho nên phải chủ theo những học-thuyết của Châu, Trình, mà không ai dám ra khỏi cái phạm-vi ấy để xướng một cái lý-thuyết gì mới. Đến sau rồi sự học có chia ra làm hai phái, là phái Khiêu-giang⁽²⁸⁹⁾ và phái Hà-đông,⁽²⁹⁰⁾ phái Hà-đông thì do ông Tiết-Huyền⁽²⁹¹⁾ xướng lên học ông Huyền lấy họ Trình, họ Châu làm gốc, lấy sự « cung-hành phục-tinh » làm chủ, ông có nói rằng : Phàm người lòng tư-dục đậm-bạc, thì tâm thanh-bạch, mà tâm thanh-bạch thì nghĩa-lý được phát-hiện » ông lại nói : « trải qua đời ông Châu-Tử thì thế-đạo rõ-ràng, không cần phải làm sách vở nữa ». Xem như thế đủ biết cái học-phái ông là tôn-chuộng cái học-thuyết của ông Châu-Tử. Kể sau ông có ông Hồ-cư-Nhân⁽²⁹²⁾ cũng theo về cái học-thuyết ấy. Còn cái học-phái Khiêu-giang thì do ông Vương-thủ-

(265) 歐陽修 (266) 文宗 (267) 蘇舜欽 (268) 梅堯臣 (269) 蘇洵 (270) 蘇軾 (271) 蘇轍 (272) 曾鞏 (273) 王安石 (274) 黃庭堅 (275) 陳師道 (276) 李綱 (277) 呂祖謙 (278) 陸游 (279) 文天祥 (280) 元好問 (281) 虞集 (282) 楊載 (283) 黃潛 (284) 柳貫 (285) 明 (286) 清 (287) 明成祖 (288) 四書大全五經大全性理大全 (289) 姚江 (290) 河東 (291) 薛瑄 (292) 胡居仁

Nhân (293) xướng đầu, cũng có người gọi là Vương-dương-Minh học-phái, (294) vì ông là người ở đất Du-Khiêu (295) cho nên gọi là học-phái Khiêu-giang, ông đỗ Tiến-sĩ từ đời Hoằng-trị (296) đến sau ra làm quan, đánh giặc có công, ông thật là một nhà văn-thần mà biết dùng binh vậy, ông làm nhà ở trong động Dương-minh, rất ra cái đạo « Phật, Lão », sau nghĩ thấu cái lý « cách-vật tri-tri » rồi bèn xướng ra cái thuyết « tri-hành hợp-nhất » mà chủ về sự « lương-tri lương-năng » của người đời. Học-trò ông có ông La-hồng-Tiên (297) Tiên-đức-Hồng, (298) Vương-Cơ, (299) Trâu-thủ-Ích, (300) Vương-Lương, (301) cũng đều có tiếng đương-thời.

Vì đời Minh học-phái Hà-dòng cùng học-phái Khiêu-giang đều là luận về đường « tinh-lý », mà bỏ những chú-sớ của đời Hán, Đường không giảng đến, thế cho nên sinh ra cái phản-động lực mà có cái học « khảo-chứng » của đời Thanh phát-khởi ra. Khảo-chứng là khảo-sát và dẫn-chứng vậy; học khảo-chứng tuy không phải bắt đầu từ đời Thanh, nhưng mà đến ông Cố-viêm-Vũ (302) đời Thanh mới thật là thành-lập. Ông Viêm-Vũ là cựu-học đời Minh, vì nước mất không chịu làm quan, chỉ ở nhà trước-thuật, ông có làm ra bộ *Nhật-tri-lục* (303) *Thiên-hạ quận-quốc lợi bệnh thư* (304) toàn là khảo-cứu dịch-sác, tài-liệu phong-phú, đủ làm mấy bộ danh-thư đương-thời. Sau ông các nhà học khảo-chứng cũng nhiều, như là bọn ông Diêm-nhược-Cự, (305) ông Hồ-Vị, (306) ông Mao-kỳ-Linh, (307) ông Huệ-Đổng (308) ông Đới-Chấn, (309) ông Đoàn-ngọc-

Tài, (310) ông Vương-niệm-Tôn, (311) ông Châu-di-Tôn, (312) ông Phương-Bào, (313) cũng là mấy bậc danh-nho ở đời Thanh, hoặc người biên tập ra sách-vở, hoặc người thâm kinh-học, hoặc người giỏi về đường văn-chương. Tuy vậy, cái khảo-chứng đời Thanh vẫn thịnh như thế, nhưng mà đến khi tuyển-cử thi học-trò, thời lại lấy học-thuyết của Tống-nho làm chủ, thành ra vì sự thi-cử mà hạn-chế cái sự học-vấn của người đương-thời.

Sử-học đầu đời Minh, thì có bọn ông Tống-Liêm (314) biên-lập thành bộ *Nguyên-sử*, lại có ông Kha-duy-Kỳ (315) soạn ra bộ *Tống-sử-tân-biên*. Qua đời Thanh thì có ông Vương-hồng-Tự (316) soạn ra tập *Sử-cảo* đời Minh, kể đến ông Trương-đình-Ngọc (317) cứ theo sử-cảo ấy biên thành bộ *Minh-sử*, ấy đều là những sử thuộc về thể « kỷ-truyện ». Đến như thể « biên-niên » thì ở đời Minh có bộ sử *Tống-nguyên-thông-giám* của họ Tiết, (318) ở đời Thanh thì có bộ *Tu-trì thông-giám hậu-biên* của họ Tư. (319) Thể « kỷ-sự bản-mạt » thì ở đời Minh có bộ *Tống-sử kỷ-sự bản-mạt* và « Nguyên-sử kỷ-sự bản-mạt » của ông Trần-bang-Chiêm (320) làm ra, cũng đủ truyền để làm lịch-sử trong một đời. « Sử-học » đời Thanh có tiếng là bộ *Nhị-thập nhị-sử thập-kỳ* (321) của ông Triệu-Dực (322) làm, thật là có ích cho sử-học rất nhiều, và những sử của ông Vương-minh-Thịnh (323) làm ra, đối với sử-học cũng rất có quan-hệ.

Văn-học đời Minh thì có ông Tống-Liêm, (324) ông Vương-Vĩ, (325) và ông Lưu-Cơ (326) là những tay văn nho có tiếng về đường văn-chương. Còn những người chuyên trường về thi-ca cũng

(293) 王守仁 (294) 王陽明學派 (295) 餘姚 (296) 弘治 (297) 羅洪先 (298) 錢德洪 (299) 王基 (300) 鄒守益 (301) 王良 (302) 顧炎武 (303) 日知錄 (304) 天下郡國利病書 (305) 閻若璩 (306) 胡渭 (307) 毛奇齡 (308) 惠棟 (309) 戴震 (310) 段玉裁 (311) 王念孫 (312) 朱彝尊 (313) 方苞 (314) 宋濂 (315) 柯維騷 (316) 王鴻緒 (317) 張庭玉 (318) 薛應旂 (319) 徐乾學 (320) 陳邦瞻 (321) 二十二史劄記 (322) 趙翼 (323) 王鳴盛 (324) 宋濂 (325) 王緯 (326) 劉基

vẫn nhiều, sau lại có ông Lý-dông-Dương ⁽³²⁷⁾ là người thi-học có tiếng, cùng với bọn ông Lý-mộng-Dương, ông Hà-cảnh-Minh ⁽³²⁸⁾ mười người kết thành một cái « thi-xã » gọi là *Thập-tài-tử*. Sau kế đến bọn ông Lý-phan-Long, ⁽³²⁹⁾ ông Vương-thế-Trình ⁽³³⁰⁾ cũng nối nhau làm chủ-minh chốn văn-dàn, ngoài ra lại có nhiều người trứ-danh về thi-ca, về kinh-học về từ-chương, không thể kể cho hết được. Sau lại có ông Tăng quốc-Phiên ⁽³³¹⁾ cũng là một nhà đại-gia về văn-học nước Tàu vậy.

Nói tóm lại thi học-thuật nước Tàu cuối đời Châu rất là phát-đạt, xem như cái thời-kỳ xuân-thu chiến-quốc thì tư-tưởng học-thuật của nước Tàu, phát sinh ra được lắm về kỳ-đặc, mà mở cho nền triết-lý về sau. Đời Hán thì sử-học, văn-học lại càng phát-đạt, duy tới đời Lục-triều thì văn-chương theo lối điêu-chác, mất cái cốt-cách cổ-kinh mà hóa ra một cách tài hoa vậy. Đến đời Tống muốn đổi cái tệ ấy, mới chuyên về đường Lý-học, duy thủ-sĩ bằng khoa-cử, và Tống-nho chú-thích nghĩa kinh, lại làm cho bó-buộc cái tư-tưởng của người đọc sách đời sau. Đời Minh đời Thanh tuy là học-giới càng ngày càng thịnh, sách vở càng ngày càng đủ, nhưng mà chẳng vượt khỏi cái phạm-

vi của Tống-nho. Nói tổng-kết lại thì cái học-giới nước Tàu ở đời xuân-thu chiến-quốc là cái thời-dại tưởng bột-phát như trăm hoa đua nở, mà từ đời Đường, Tống sắp lại sau, thời khác nào như một cây cỏ-thụ đã gần già cỗi vậy. Gần đây nước Tàu thâu-nhập cái học-thuyết của Âu Mỹ, bỏ khoa-cử, lập học-đường; dạy theo cách tân-học và phái học-sinh xuất-dương để học-tập ở các nước. Trong nước thì ấn-quán, thư-xã, học-hội, báo-quán, khắp cả mọi nơi, tất-nhiên học-giới nước Tàu cũng có một ngày được hùng-phi với thế-giới. Tuy bây giờ đương lúc tân-cựu hỗn-hiệp, đường đạo-đức, đường học-vấn không khỏi có cái cảnh-tượng biến-động, nhưng thiết tưởng một nước cựu-học như Tàu, mà tiếp-thụ lấy cái phong-trào mới của Âu, Mỹ, thì sự biến-động ấy cũng là cái thông-lệ của thiên-diễn vậy. Có một ngày kia, tân-học, cựu-học đã tuần-tự mà điều-hòa, thì học-thuật nước Tàu khác nào như một cây cỏ-thủ, gốc rễ đã bần-cứ trên mặt đất, mà lại được vun sới các thứ phi-liệu vào tất-nhiên cây cỏ-thụ ấy lại được tươi tốt mà thành ra cái bóng rôm-rà che-chở trên bờ bề Á-dông này vậy.

NGUYỄN BÁ-TRÁC



(327) 李東陽 (328) 何景明 (329) 李攀龍 (330) 王世貞 (331) 曾國藩

VĂN - HỌC

VIỆT-SỬ KHẢO

Tự - ngôn

Sử là sách chép sự thực của người ta đã làm tự đời nọ qua đời kia. Loài người ta phát-đạt có năm cái hiện-tượng : một là trí-lực (những các môn học cùng những cái gì thuộc về trí-thức gọi là trí-lực), hai là tài-sản (những nghề nông, công, thương cùng những sự làm ra có của-cải cho người ta gọi là tài-sản), ba là mi-thuật (các thứ sảo-ngệ, văn-học gọi là mi-thuật), bốn là tôn-giáo, năm là chính-trị ; trong năm đều ấy, người làm sử, người đọc sử không có một đều nào là bỏ được, cho nên tự lúc thế-giới học-thuật có tiến-bộ, thời sử-học bây giờ cùng sử-học đời trước thấy khác xa. Sử-học đời trước chẳng qua thuật công việc của một hai người có quyền-lực trong nước, lúc suy, lúc thịnh, lúc nên, lúc hư ; sử học bây giờ phải xem xét cả toàn-thể vận-động của người trong nước kinh-lich ra thế nào. Sử-học đời trước chẳng qua ghi nhớ sự thực ; sử-học bây giờ phải biết rõ sự thực nó có quan-hệ với nhau cùng nguyên-nhân kết-quả nó ra thế nào. Những sử nước ta chép theo lối sử-học đời trước cả ; nay muốn lấy lối sử-học mới mà đọc sử nước ta, thật là khốn-nạn, thật là tức giận. Nhưng muốn biết sự thực nước nhà thì trừ đó ra cũng không kê-cứu vào đâu được ; vậy hãy xin tóm hết sự thực chép ở trong sử, xét riêng từng phương-diện mà lược kê ra sau này, gọi là giúp một phần nhỏ-mọn cho các nhà độc-sử.

Lập-quốc địa-vị

Nước ta ở vào quãng giữa châu Á-tế-Á ; phía bắc giáp với Quảng-tây, Quảng-đông và Vân-nam ba tỉnh của Tàu ; phía tây giáp với Ai-lao và Cao-man ; phía đông và phía nam giáp biển ; sông Hồng-hà, sông Cửu-long phân-lưu ở Nam Bắc lưỡng-kỳ, bồi thành hai cánh đồng-bằng lớn ; vĩ-độ thì từ tám độ bốn mươi phân đến hai mươi ba độ hai mươi phân ; kinh-độ thì từ một trăm một độ hai mươi phân đến một trăm bảy độ ; bề mặt hai mươi bảy vạn ki-lô-mét vuông, cũng là một nước lớn trong châu Á vậy. Năm 2879 trước Thiên-chúa giáng-sinh, quốc-trưởng hiệu là Văn-lang, quốc-đô tại Phong-châu (bây giờ là huyện Bạch-hạc tỉnh Vinh-yên). lập-quốc bắt đầu tự đây. Từ ông Triệu Vũ-đế, thống-nhất cả Cửu-chân ; Giao-chỉ, Nhật-nam, Việt-thường, lập-thành một nước, đất nước đã mở rộng được nhiều. Đến lúc nội-thuộc nước Tàu, về đời Lục-triều, bầy phủ Quảng-tây một-nhập đất Tàu ; về đời Đường. đời Tống, quận Nhật-nam lại bị Lâm-ấp lấn mất, đất nước vì thế súc-giảm quá nửa. Kịp đến thời-kỳ tự-chủ, trải Lê, Lý, Trần, Lê, đánh được Chiêm-thành (tức là Lâm-ấp), thu-phục hết đất cũ. Sau bản-triều lại lấy được cả linh-thổ của Chiêm-thành, tiến vào phía nam, chiếm-cứ nước Thủy-chân-lạp. Trong năm Minh-mạnh (1803-1820) đánh được Cao-man, chiêu được Vạn-tượng (tức là Ai-lao bây giờ) đều làm thuộc-địa ta. Coi thế thì cái địa-vị nước ta vốn là có cái tư-cách thống-nhất cả năm xứ trong Đông-dương mà lập-thành một nước lớn vậy.

II

Nhân-chuởng

Sử cũ chép năm 2862 trước Thiên-chúa giáng-sinh, cháu thứ ba đời vua Thần-Nông nước Tàu tên là Đê-Minh đi tuần phương nam đến Ngũ-linh, lấy bà Vụ-Tiên, sinh vua Kinh-Dương, vua Kinh-Dương sinh vua Lạc-Long, vua Lạc-Long lấy bà Âu-Cơ, sinh trăm con giai, ấy là tổ trăm đất Việt; lấy thế làm gốc giống người Việt-Nam thì nói hoang-đường quá; chẳng qua lúc đầu mờ-mịt, mới đặt-đề ra những truyện thần-quái, khoe người mình là giống thánh nòi tiên; có lẽ nào một người mà đẻ trăm con, rồi sinh-sản ra khắp được cả nước; câu ấy thật không đủ tin, người Tây thì lấy lẽ phạm loài người phát-sinh tự các nguồn sông trước, cho là giống người Việt-Nam, lúc đầu ở chỗ rây núi giáp-giới Chi-na cùng Tây-tạng, sau lần-lần xuống phía nam, theo sông Hồng-hà cùng sông Cửu-long mà ở; nhưng cũng không lấy gì làm sắc cứ. Nay xét cho kỹ thì có hai giống: một là giống cũ; trong *Đông-dương sử-yếu* chép giống người Giao-chỉ gốc trước là giống Tam-miêu, Kinh-man, sau bị Hán-tộc đuổi, chạy sang phương nam; Trong *Lê-kị* chép man-dân ở phương nam, khắc chữ vào trán, hai ngón chân cái giao lại với nhau; coi lúc nước ta thuộc Hán, còn lấy Giao-chỉ đặt tên, thời biết giống cũ người Việt-Nam phần nhiều là giống Giao-chỉ; nhưng lệ tự-nhiên thiên-diễn, đã xô-dẩy nhau trong trường tranh-cạnh, giống hay thời sống; giống hèn phải xa; giống cũ ấy tiêu-diệt lần-lần, còn sót ít nhiều, lẫn-quất trong những miền rừng núi, tức là thổ-nhân thượng-du ta bây giờ. Hai là giống mới; cứ trong sử chép năm 196 trước Thiên-chúa giáng-sinh, vua Tần Thủy-Hoàng Tàu sai Nhâm-Hiêu. Triệu-Đà phát năm mươi muôn người sang thú ở Ngũ-linh, thì lúc ấy người Hán-tộc đã dời sang ở ta nhiều; lại chép con

Triệu-Đà là Trọng-Thủy lấy con gái vua An-Dương là Mi-Châu, thì lúc ấy người Hán-tộc đã có thông-hôn-nhân với ta; ở lẫn nhau, cưới gả lẫn nhau, sinh-sản cực chóng, cư-tụ một ngày một đông; đến lúc thuộc Hán, vua Hán Vũ-đế mở chín quận, đặt Thứ-sử, Thái-thủ, rồi người Tàu sang ở ta, thì giống cũ Giao-chỉ dung-hóa gần hết, mà thành hẳn ra một giống người Việt-Nam bây giờ; coi ông Lý-Bôn, tổ-tiên trước là người Tàu, cuối đời Tây-Hán, dời sang ở đất Nam, bày đời đến ông Bôn; ông Hồ-quí-Ly tổ là Hồ Hưng-Dật vốn người Chiết-giang Tàu, đời ngũ-quí dời sang ở châu Diên ta, bốn đời đến ông Qui-Ly; thì biết giống người Việt-Nam bây giờ phần nhiều là Hán-tộc. Ôi! Hán-tộc ta vốn là một giống người có cái tinh-chất văn-minh, có cái năng-lực tranh-cạnh, đánh Suy-vưu, đuổi Tam-miêu, dẹp Kinh-man, chục-tiêm phát-đạt, tự Hoàng-hà đến Dương-tử-giang, Tây-giang rồi hành-trướng sang đến nước ta vậy. Nếu không thế sao thu được Chiêm-thành, chiếm được Chân-lạp, chinh-phục hết các giống cũ mà nghiêm-nhiên làm chủ-nhân-ông cai miêng đất này được?

III

• Tiên-hóa trình-độ

Buổi đời thượng-cổ, dân-trí phác-lỗ, ấy phạm lúc mới loài người, nước nào cũng thế, không những là người Việt-Nam ta vậy. Về sau Cõi đời ngày một mở-mang, thì loài người cũng ngày một tiến-hóa, lệ chung thiên-diễn vẫn thế, chỉ khác nhau có mau với chậm thôi. Mà cái nguyên-nhân có chỗ chậm chỗ mau, là quan-hệ về địa-lý cùng sinh-kế. Các nước bên Âu-châu tiến-hóa mau lắm, vì bởi địa-thể các nước giao-thông thác-tạp với nhau, cái cơ cạnh-tranh bách ở trước mắt; phần thì người nhiều đất ít, thổ-sản không đủ nuôi người; phải chăm-chăm lo làm sao mà sinh tồn, làm sao mà tiến-thủ, thành-ra xô đẩy

nhau trên con đường tiến-hóa, một ngày muôn dặm, không nước nào chịu kém nước nào. Nước ta ở về một góc châu Á-đông; phía bắc giáp với nước Tàu tuy mạnh lớn hơn mình, mà đường xá xa xôi, có cái thế roi dài không tới bụng ngựa; về đời Hán Lý-Cổ Tàu có lời sứ tàu với vua Tàu rằng: « từ châu Duyện, châu Dự (về miền bắc nước Tàu) đi đến Nhật-nam. (Quảng-binh, Quảng-trị ta bây giờ lúc ấy gọi là quận Nhật-nam), hơn chín ngàn dặm, tính quân đi mỗi ngày ba mươi dặm, phải ba trăm ngày mới tới. » Vậy mình với Tàu đi lại giao-thông khó đến như thế. Và lại cách người Tàu đi lấy thuốc-dịa, chẳng qua lấy làm phiên-phục, chứ không có cái chính-sách thực-dân, nên cách người mình đối-phó với Tàu, chỉ cái hư-vấn phụng-cống xưng-thần, là nằm yên vô-sự được. Phía tây giáp với Ai-lao, Cao-man thì đã ở trong phạm-vi mình cả, Còn Xiêm-la, Diển-điện thì cũng không phải địch-quốc mình; trông trước ngó sau, không cần phải tranh-cạnh với ai hết, thế là địa-thế bốn phía nó không bắt ta phải tiến-hóa vậy. Đất ruộng thì nhiều, vật-sản phong-phú, đi không cần xe-lửa tàu-khói, ở không cần nhà rộng cửa cao, ăn mặc không cần xa hoa mi-lệ, cày ruộng mà ăn. đào giếng mà uống, đủ cung sinh-hoạt, không cần phải lo xa, thế là địa-lợi thiên-nhiên nó không bắt ta phải tiến-hóa vậy. Lấy một cái giống người không cần phải tranh-cạnh mà lại không cần phải lo xa, trách nào cái cơ tiến-hóa không sao theo kịp Âu-châu được. Nhưng đã là một giống người có tâm-tư, có nhĩ-mục, nếu tuyệt-duyet thời thời, không tuyệt-duyet thời phải có tiến-hóa. Nay xét cái trình-độ tiến-hóa của quốc-dân ta, chia ra làm ba thời-dại: Tự đời Hùng-vương đến đời Triệu Vũ-đế là thuộc về thời *Hồng-hoang* Tự đời Triệu Vũ-đế đến đời Đinh, Lê là thuộc về thời-dại *giã-man*. Tự Đinh, Lê sắp về sau thời đã thoát khỏi cái thời đại *giã-man* mà vào cái thời-dại *bán-*

khai rồi vậy. Bây-giờ sáu giống chen vai năm châu chung chợ, cuộc cạnh-tranh trong thế-giới như sấm vang, như sét nổ, như gió rập, như sóng rồi; trước kia không cần phải ganh đua, chứ bây-giờ không ganh đua không được; trước kia không cần phải lo xa chứ bây-giờ không lo xa không xong; lại may có nước Đại-pháp là một nước văn-minh nhất-đẳng trong thế-giới làm thầy hướng-đạo cho ta vậy thời do cái thời-dại bán-khai mà tiến lên cái thời-dại văn-minh, ngày ấy tưởng cũng không xa vậy.

IV

Quốc-dân đối-ngoại tính-chất

Thấy một hai người bài-ngoại thì bảo người Việt-Nam ta tuyệt không cái lòng hiếu-thiện; thấy một hai người mị-ngoại thì bảo người Việt-Nam ta chỉ có cái tính nô-lệ; nói thế là oan cho người Việt-Nam ta cả. Ôi! người Việt-Nam ta cũng là một giống người trong thế-giới, không phải có thù hằn gì giống người khác mà cũng không hề tự ô-miệt cái tư-cách làm người của mình. Yêu ta ấy là chúa, hại ta ấy là thù, cái nguyên-tính của người Việt-Nam ta thế đấy. Đương lúc nội-thuộc Tàu, về đời Tây-Hán, ông Tích-Quang làm Thái-thủ Giao-châu, dạy dân lễ nghĩa, dân đều phục theo; về đời Đông-Hán, ông Nhâm Diên làm Thái-thủ Cửu-châu dạy dân cày bằng trâu, lấy sắt làm đồ điền-khí, chế ra cách y-phục, đặt ra lễ giá-thú, người Nam đều nói chúng-ta có ơn là ơn ông Nhâm cả, nhiều người đặt tên con là Nhâm, ông về Tàu rồi người Nam lập sinh-từ thờ; về đời Hán Minh-đế, ông Giả-mạnh-Kiên làm Thứ-sử, kén dùng lương-lại, dân nhờ được yên, người Nam ca tụng là « Giá phụ », về đời Hán Linh-đế, ông Sĩ-Nhiếp làm Thứ-sử, lưu-tâm sự giáo-dục, người Nam tôn là Sĩ-Vương về đời Tấn, Đỗ-tuệ-Độ làm Thứ-sử, cấm dâm-từ, lập trường học, việc cai-trị tiêm-tắt như trị trong nhà, lại dân thương mà sợ

về đời Đường Mã-Thực làm Đô hộ, thanh liêm không nhiều, lại dân điều yêu, ấy mấy người đó là quan Tàu phái sang, mà người Nam ta đến bây-giờ còn khen ngợi thì biết phàm ai có ơn đức với ta, ta cũng tỏ cái lòng yêu mến; đừng bảo người Việt-Nam ta tuyệt không lòng hiếu-thiện vậy. Duy những kẻ sinh-oai trí-ngược mà kết-oán với người Việt-Nam ta thì không sao ép được người Việt-Nam ta phải mãn đời thân-phục; xem như lúc nội-thuộc Tàu, về đời Hán Quang-Vũ, Thái-thứ là Tô-Định tham-tàn thì có bà Trưng-vương khởi-binh lấy sáu mươi năm thành, tự-lập làm vua; về đời Ngô-Tôn-Quyền, quan Ngô bạo-ngược, thì có bà Triệu-Âu tự-chúng hơn ngàn người, cùng anh là Quốc-Đạt hợp-binh đánh Ngô; đời Lương Tiêu-Tur làm Thứ-sử, tham-ngược không chán, ông Lý-Bôn liền nổi lên lấy thành Long-biên; Lưu-diên-Hựu đời Đường làm Đô-hộ, hình-lạm thuế-phiền, ông Đinh-Kiến liền nổi lên vây chỗ phủ-trị; ấy bởi những bọn quan-lại Tàu ác-liệt quá nên người Việt-Nam ta cũng khích về công-phần mà cố liều phản-kháng để mong được khỏi trong vòng lửa nóng đê mong sâu; đừng bảo người Việt-Nam ta chỉ là giống người nô-lệ vậy.

V

Lịch-triều chính-trị

Nước ta xưa kia còn thuộc về thời-đại bản-khai, nên chánh-trị-giới cũng còn sơ-lược nhiều lắm. Nhưng mà nước cũ ngàn năm, chế-độ diên-chương, sắp-đặt cũng đã dàu vào đấy cả. Nay tóm hết công việc chính-trị từ triều Lê giở về trước, chia làm từng hạng mà xét thử coi.

(¹) Dân-chính — Dân-chính triều Lý, (1010-1224) phàm dân-đinh đến mười tám tuổi, dăng vào đinh-tịch, gọi là *hoàng-nam*, hai mươi tuổi sắp lên thì gọi là *đại-nam*, Đời vua Trần Thái-tôn, (1225-1257) mỗi năm đầu mùa xuân, xā-trưởng phải khai-báo số dân trong làng,

gọi là số quân. Đến đời vua Trần Nhân-tôn, (1278-1292) đánh giặc Nguyên rồi sửa lại số dân trong nước. Đến đời Hồ-hán-Thương, (1401-1403) sửa số hộ phàm những dân lưu-ngụ bắt về nguyên-tịch, không cho lưu-vong, vì thế số dân gấp hai trước. Vua Lê Thái-tổ (1428-1432) đầu định phép làm số hộ, cứ sáu năm một kỳ, đến kỳ quan phủ, huyện và châu hiệp cùng hương-chức các làng đem hộ-khẩu trong làng đến kinh đỏi-tả. Vua Lê Thánh-tôn (1460-1496) định lại ba năm một kỳ gọi là *tiểu-diễn*, sáu năm một kỳ gọi là *đại-diễn*, đại-diễn thì sửa số hộ rồi vừa duyệt nhân-đinh nữa, chia làm *tráng-hạng*, *quân-hạng*, *dân-hạng*, *lão-hạng*, *cổ-hạng*, *cùng-hạng*; đại-cương phàm dân lớn nên đến mười tám tuổi nhập-tịch lựa trước lấy những người cường-tráng làm lính, còn thì chuẩn làm *dân-hạng*, phải nộp tiền sai dịch. Vua Lê Thần-tôn (1619-1642) đỏi làm mười một năm một lần duyệt, Vua Lê Huyền-tôn (1662-1670) cho cả người ngoại-quốc nhập-tịch, thực-hành cái chính thu-dụng người ngoại. Đến cuối đời Lê lập ra cái lệ số hộ cứ nhất-định, thêm cũng không kê, hao cũng không trừ, thành ra số dân không chắc được, xét kỹ cái dân-chính nước ta đời trước, tuy có lúc lược, có lúc tường; nhưng tông-chỉ đặt ra số hộ, chỉ nhận lúc quốc-gia hữu-sự, triều-đình gấp về sự tuyển lính, nên tra xét có hơi tường, coi như triều Trần gọi số đinh là số quân, Hồ-quí-Ly nói làm sao được trăm muôn quân để chống giặc Tàu mới diêm hết tự mười lăm tuổi sắp lên, sáu mươi tuổi sắp xuống biên vào số hộ; cho biết số hộ đời trước đặt ra chỉ để bắt lính mà thôi, đến khi trong nước bình-yên thì lại theo lối giản lược; thâu-an cô-tức vốn không có ý muốn biết rõ số dân đê mà chỉ phối các công việc hành-chính trong nước, như phép biên-thâm bên Âu-châu, bắt khai cả sinh, tử, giá-thú, cứ lật quyền số ấy thời số người trong nước không sót một tên vậy.

(B) *Điền-thổ chế-dộ* — Điền-thổ nước ta bới mở-mang ra rừng rậm cùng đất bãi bèo bồi nên; do tư-dân khai-khẩn ấy gọi là *tư-diền*, do nhà nước khai-khẩn ấy gọi là *công-diền*, nên có ruộng, sử sách không chép, không kê-cứu vào đâu được. Tự đời Trần Thuận-Tôn (1388-1397) mới cho gia-nô các tôn thất được phép ở bãi-bèo đắp đê giữ nước mặn mà khai-khẩn thành-thực, lập làm *tư-diền*; sau lại định lệ *hạn-diền*, phạm thường-dân không được khẩn quá mười mẫu. Đời Lê Thái-Tổ xuống chiếu cho các phủ, huyện phải khám những điền-thổ công, tư cùng đầm bãi làm thành sổ sách, định đẳng-cấp chia ruộng cho dân. Đời Lê Thánh-Tôn lại lập sổ đôn-diền, định ruộng làm thượng, trung, hạ ba hạng. Đời Lê Dụ-Tôn (1705-1728) định lệ quân cấp công-diền, cứ sáu năm một kỳ, hoặc do quan chiêu-cấp hoặc cho dân tự-tiền phân-cấp. Xem thế thì nước ta đời trước có phép *quản-diền*, dân đã thành-định, ai cũng được một phần công-diền, cấy cấy làm ăn không đến nổi thất-nghiệp, cũng là phép hay; nhưng cái cách trưng-lương chưa được phân-minh, không khỏi được những cái tệ cường-hào sâm-lấn, lý-dịch ần-lậu; vả lại điều-lệ khẩn-thổ chưa có định rõ cho dân theo; nên đất hoang còn nhiều mà khai-khẩn chưa được mấy tí vậy.

(c) *Tài-chính*. — Đời trước tài chính nước ta chia làm ba hạng: Một là phú-thuế, vua Lý Thái-Tổ định lệ thu thuế có sáu thứ: 1^o Ruộng đất đầm ao, 2^o bãi dâu 3^o sản-vật trên núi, trên nguồn, 4^o muối tãi ra ngoài cửa ải, 5^o sừng ngà và các đồ hương-liệu, 6^o cây gỗ hoa quả; thuế-ngạch triều Lý lấy sáu thứ ấy làm đại-tôn. Đời Trần lúc ban-đầu chỉ đánh thuế ruộng, dân-định những kẻ cùng-túng đều tha khỏi nộp thuế; đến đời Trần Nhân-Tôn, định thuế ruộng mỗi mẫu thu hai thăng thóc, thân-dung mỗi người phải nộp ba tiền. Đời Hồ Hán-Thương thu thuế

mỗi mẫu ruộng năm thăng thóc, thân-dung mỗi người phải nộp năm tiền, nhưng mà những đình-nam không ruộng cùng những người có ruộng mà cô quả thì được khỏi thuế cả. Đời Lê lúc ban-đầu cho quân mỗi tên được năm sào ruộng, dân mỗi tên được bốn sào, không vào cái lệ phải nộp thuế; đến đời Lê Thánh-Tôn định thuế đình mỗi người tám tiền, chia ruộng làm hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, phải theo từng hạng ra thuế, lại định lệ đánh thuế bãi dâu. Đời Lê Dụ-Tôn (1705-1758) làm theo phép *tổ, dung, diệu* nhà Đường bên Tàu, ruộng công ruộng tư đều theo hạng nộp thuế, mùa hạ, mùa đông không bắt dân đi làm việc quan, cho nạp tiền «*điền*» Nói tóm lại nước ta khi trước gọi là quốc-dụng, chỉ lúc nào có sự chinh-chiến, phải cần có các phí nuôi binh; coi đời Lê Hiến-Tôn (1740-1785) thu thuế tơ đê may áo cho quân lính, thì biết những thuế-ngạch đời trước phần nhiều vì quân phí mà đặt ra; còn những sự công-lợi công-ích trong nước, chưa có kinh-lý chút nào; lương-bổng các quan cũng rất bạc; thường thì chỉ những khoản phục-thực, tế-tự, yến-hưởng trong hoàng-thất mà thôi; nên phú-thuế các triều vua xem ra nhẹ cả, chưa có lập sổ dự-toán thường năm, nào là trưng-trương hành-chính kinh-phí, trưng-tất được như bây-giờ vậy. Hai là công-sản của nhà nước như quế muối đồng các hạng. Đời Lê Dụ-Tôn cho phép những quế-hộ bóc quế, đặt quan kiểm-tra bắt phải nộp quế tiền; quan lại phụng-hành một tang hai ngoại, nhân-dân phiền nhiễu, mà quốc-khoá cũng không tăng-tiến được chút nào. Về lợi muối thì đời Lê Dụ-tôn chuẩn cho những hộ muối chuyên-nghiệp mà đặt quan giám-thâu, hà-lạm nhiều dân, sinh ra nhiều tệ; đến đời Lê Hiến-Tôn bỏ cái lệ giám-thâu tùy chỗ đặt tuần thuyền muối chở qua, chiếu theo nhiều ít định thuế, ý cũng dòm thấy tệ trước mà sửa đổi như thế cho thích-trung vậy. Về lợi đồng thì đời Lê định

phàm những khách-thương lại mua đồng phải trình quan linh bằng, đi qua chỗ nào có ti-tuần kiểm-nghiệm, ngạch thuế cứ chiều theo giá đồng thu ba phần mười, lúc ấy cái lợi mở mở lấy đồng về tay người Tàu cả; đến đời Lê Hiến-Tôn chuyên ủy quan Thủ-biên là Hoàng-văn-Ki mở mở đồng Tự-long, ông Huấn-trung hầu là Nguyễn-đình-Huấn mở mở đồng ở Thái-nguyên, Sáng-mộc, An-hân cùng Liêm-tuyên, ông Hán-trung-hầu mở ở Hưng-hoá và Trình-lạn, ông Nguyễn-đanh-Thường mở mở đồng ở Lạng-son, Hoài-viễn, lại giao cho phiến-thần, thổ mục tùy-tiền chiêu dân-phu làm, đợi thành-hiệu sẽ liệu đánh thuế, từ đó bao-nhiều mở đồng ở các xứ Tuyên, Cao, Thái, Lạng đều do người nước mình mở lấy, mà lợi-quyền không chuyên ở tay người vậy.

Ba là tiền-tệ. Tiền chế nước ta nguyên lấy một quan làm đơn-vị. Từ đời Lê Đại-Hành (980 1004) đúc tiền *Thiên-Phúc*, nước ta đúc tiền khởi-diêm từ đây. Đến đời Trần định tiền-chế, trong dân thông-dụng cứ sáu mươi chín đồng là một tiền, nộp thuế thì mỗi tiền phải đủ bảy mươi đồng, tiền-chế không nhất-định, thật là một sự rất không tiện cho dân, Đời Lê Thái-Tổ đúc tiền *Thuận-thiên thông-bảo*, Cứ năm mươi đồng là một tiền; tự đời Lê Thái-Tôn mới định sáu mươi đồng là một tiền, mười tiền là một quan, tiền-chế thông-hành bây giờ cũng còn theo thế. Đời Lê Hiến-Tôn mới đúc bạc lạng và tiền đồng; từ đây tiền đồng bạc lạng mới cùng với tiền kẽm đều thông-dụng trong nước. Còn lấy giấy thay tiền, cách như bạc-giấy bây-giờ, nước ta đời xưa cũng đã có dụng. Coi đời Trần Thuận-Tôn (1388-1397) có đặt ra một thứ tiền giấy gọi là *Thông-bảo-lợi-hội-sao*, lại cấm trong nước không ai được trữ nhiều tiền đồng, ý muốn tiền-hóa trong nước được cái lợi lưu-thông mà khỏi cái tệ ủng-chệ, cũng đã xét được đến cái gốc lợi hại; tiếc đến đời Lê có người dâng thơ xin làm tiền

giấy đề tiêu thế cho tiền, mà vua Lê Thái-Tổ không xét kỹ, lại xuống chiếu rằng: « Giấy là cái đồ vô-dụng, không có cân giá được với vật gì »; thành ra tự bây-giờ nước ta lại không biết tiêu tiền giấy nữa. Tổng-chỉ nước ta đương lúc bế-quan thời-dại, tuyệt không biết thương-mãi là cái gì; tiền bạc chẳng qua để giao-dịch quanh-quanh với nhau mà thôi. Đường lưu-thông chưa được rộng mấy. Ông Phan-huy Chú làm sách *Quốc-dụng-khảo* có nói thiên-hạ chỉ lo thiếu ăn chứ không lo thiếu tiền, chính là cái lý thuyết nước ta đời xưa vậy.

1) *Quân-chính*. — Sử chép triều-Đinh (968-978) đặt mười đạo lính, mỗi đạo mười quân, mỗi quân muôn người, thì ngạch lính số đến trăm vạn; nhưng xét ra lúc ấy đất nước còn hẹp, số dân còn ít, số lính lấy đâu được tới trăm vạn; tưởng vì lúc ấy mới thoát-ly nước Tàu mà độc-lập, cho nên hư-trương thanh-thế để tung-động người ngoài đó thôi, không đủ làm sắc-cử vậy. Đến triều Lý, binh-chế đại-lược bắt-chước theo phép cấm-sương nhà Tống bên Tàu; cấm-binh mười quân, mỗi quân hai trăm người, làm hộ-binh chỗ kinh-thành nhà vua; Sương-binh chín quân, phòng khi có việc thì điều kiểm-diêm một lần, gọi là *tiền-canh*, xong lại cho về nhà doanh-nghiệp; trong số dinh đã lựa một lần, gọi là binh-hạng, lúc có giặc-giã bắt ra làm lính hết giặc lại thả về làm ruộng; chính được cái ý ngụ binh ư-nông; lại đặt ra có thủy-quân, coi vài trăm hiệu thuyền-chiến, gọi là Long-phụng, có lục-quân, chia làm *tả, hữu, tiền, hậu*, bốn bộ, mà lấy quân kỵ-sạ làm ngạch thứ nhất; binh chế triều Lý tương-tất như thế, vô-quái-hồ bắc tỏa được quân Tống, Nam dẹp được quân Chiêm cũng là phải. Binh-chế triều Trần, có những danh-mục tứ-tiền, tứ-thần, tứ-thánh, đại-yếu trong thì đặt cấm-quân, ngoài thì đặt binh các lộ: coi lúc cùng quân Nguyên giao-chiến, các công, thân-vương, tôn thất điem

binh lại hội ấy hơn hai mươi muôn, mà từ Thanh, Nghệ giở vào trong còn chưa trúng-phát, đủ biết đời Trần ngạch lính thật nhiều. Đời Hồ-hán-Thương định ban quân nam bắc chia làm mười hai vệ, ban quân đông tây chia làm tám vệ mỗi vệ mười đội, mỗi đội mười tám người; đại-binh ba mươi đội, trung-quân hai mươi đội, mỗi doanh mười lăm đội, cấm-binh, vệ-binh đều năm đội, đặt một quan Đại-trưởng-quân coi tất cả; lại đặt vệ Thiên-ngưu, vệ Phủng-thần hai vệ. thuộc vào quân Long-tiếp thống-hạt, lấy thêm hương binh, đặt bốn ngàn hộ để cai-quản thứ lính ấy. Vua Lê Thái Tổ lúc đương đánh nhau với người Minh, binh-số cộng hai mươi nhăm vạn, sau khi bình-định rồi, thả bớt mười lăm vạn về làm ruộng, còn để lại có mười vạn, đặt làm năm đạo vệ-quân, gọi đạo đông, đạo tây, đạo hải-tây, đạo nam, đạo bắc; đến đời Lê Thánh Tông, đặt làm năm phủ, gọi là phủ trung-quân, phủ đông-quân, phủ tây-quân, phủ nam-quân, phủ bắc-quân, mỗi phủ đặt một quan Đô-tư, sau đổi lại, trong thì đặt quân cấm-vệ, ngoài thì đặt quân năm phủ, quân vệ quân phủ đều thống-thuộc về các Đô-tư; trong sổ hộ thì định có ngạch quân hậu-bị, ba năm một lần duyệt, có việc thì bắt ra; cho nên ngày thường nuôi lính tuy không nhiều lắm, mà đến khi có việc, như trận đánh Chiêm, trận đánh Bồn man, quân thủy bộ tất cả nhiều đến hăm sáu, ba chục vạn, Đời Mạc-đăng Dung (1527-1527) đổi làm bốn vệ. Hậu-Lê trung-hưng, (1590) định theo phép cũ, lựa lấy lính hai xứ Thanh, Nghệ cùng binh-tráng bốn trấn Hải dương, Kinh-bắc (Bắc-ninh bây giờ), Sơn-nam (Nam định, Hưng yên bây giờ) Sơn tây. Đời Lê Ý-Tôn (1735-1739) nghị lập hương binh đoàn-kết, mỗi làng mười tên đinh lấy bảy tên, cho tự sắm binh-khí, đặt diêm canh giữ; hoặc bốn năm xã, hoặc sáu bảy xã, theo địa-phận liên-tiếp, kết làm một đoàn, đặt một

người đoàn-trưởng thông-xuất; có động dẫu hiệp nhau lại cùng cự đánh, không dịch nổi, thì phi-báo đoàn khác ứng-viện; lúc ấy dân-gian đều có binh-khí; đến năm sau lại làm cái phép ba tên đinh lấy một. Đời Lê Hiền-Tôn định lệ củ-suất đinh-phu, lựa những người văn-vũ trọng-thần làm quan Chưởng-đốc, coi cả việc dân, việc quân trong xứ, phạm các chỗ củ-suất dân đinh đánh giặc, cho kê sổ lính nạp tại quan Chưởng-đốc liệu tướng thưởng cho; đến năm sau lại dẫn hương-binh làm lính phủ-vệ, định các phủ trong bốn trấn, mỗi phủ đặt một vệ quân, có một quan Tuần-phủ quản-lính ấy. Cứ trong sổ đinh năm tên bắt một làm lính vệ quân ở ngũ, cấp lương tháng; hết việc lại trừ về; ấy là cái phép hương-binh triều Lê vậy. Xem thế thì binh-thế nước ta đời trước cũng đã tinh-mật, giá nhân thế mà chỉnh-dốn luôn-luôn, đừng có cái tệ hư-ưng cầu thả, làm sao đến nổi binh không cường. nước không thịnh được?

(E) Hình-luật — Pháp-luật nước ta phần nhiều bắt-chước theo Tàu; cho nên hành chính cùng tư-pháp hai việc ấy vẫn hợp làm một, mà cái quyền lập-pháp tự một tay người quân-chủ chỉ-huy. Tuy vậy quân-chủ cầm quyền lập pháp mà mi-đức quân-chủ thì cốt phải thương dân; trừ những phép-luật đặt ra để ủng-hộ quyền-lực của triều-đình, còn những phép luật về việc dân-gian giao-thiếp với nhau, kể cũng đã công-bình tường-tận. Duy lúc trước gọi là pháp-luật, chẳng qua chỉ một môn hình-luật mà thôi, chưa có dân-pháp thương-pháp vậy. Đinh, Lê giở về trước, thấy chép ở sử, như đời Đinh nuôi cạp ở cũi để ăn người tội, đời Lê ai phạm tội thì bắt đem thui, lúc ấy chưa có đặt ra pháp-luật gì cả. Tự đời Lý Thái-Tôn (1028-1053) mới đặt ra ba quyền hình-thư, đến đời Lý Nhân-Tôn định luật giết người phải tội chết, trộm trâu phải phạt nặng, đời Lý Anh-Tôn (1138-1174) định

luật cho nộp ruộng chuộc tội; nước ta có sách luật khởi-diêm từ đây; duy có tội bắt liên-can đến vợ, thì luật ấy còn nhiều chỗ chưa được công bình. Đời Trần Thái-Tôn có soạn bộ *Quốc-triều hình-luật*; sau lại định các cách hình-luật; đến đời Trần Duệ-Tôn sai ông Nguyễn Trung-Nghiệm và ông Trương Hán-Siêu soạn thêm một quyển để bổ những điều trong hình-thư trước còn thiếu. Cứ sử chép hình-luật triều Trần định làm ba hạng: một là tội *dồ* khắc chữ vào trán mà bắt cày ruộng công-diên, hai là tội *lưu*, đem đày ở châu Aó thủy (huyện An bang bây giờ, ba là tội *chết*, phạm tội đại-nghịch thì chém Hình-luật triều Trần ví với hình-luật triều Lý có trọng-mật hơn. Đời Lê Thái-Tổ sai các quan đại-thần bàn định luật lệnh đến đánh cờ, đánh bạc cũng có luật cấm; đời Lê Thái-Tôn (1433-1441) lại sai ông Nguyễn-Trãi soạn sáu quyển hình-thư; đời Lê Nhân-Tôn (1442-1458) lại định thêm luật tư-gia diên-sản gồm mười bốn điều, đời Lê Thánh-Tôn chám-chước theo luật Tùy, Đường bên Tàu soạn thành một bộ luật *Hồng-dức* (Hồng đức là niên hiệu vua Lê Thánh-Tôn), lại định có kỳ xử những việc kiện-tụng nhỏ, kỳ xử những việc kiện-tụng lớn; đời Lê Hiến-Tôn (1497-1503) sắc-dụ hình-bộ, đình-úy-ti và các quan khám-lý ngục-tụng phải y kỳ khám xét việc kiện ai yêm-chê có tội; đời Lê Thần-Tôn (1619-1642) định lệ từ-tụng: phạm các nha-môn có sử trái phép, cho dân được ở ngoài thì do hiến-ti, ở trong thì do toà ngự-sử minh-oan; đời Lê Chân-Tôn (1643-1648) định lệ xử kiện, dẫu do xã-trưởng, thứ đến quan phủ, quan huyện thứ đến thừa-ti, thứ đến hiến-ti, thứ đến Cai-đạo, sau đến toà ngự-sử chung-thâm mà giám-đốc toà ngự-sử, lại có một hiệp-nghị chính-đường; pháp-luật triều Lê so với Lý, Trần kể đã tương-tất lắm; tiếc vì cái thê-chế pháp-luật chưa đủ mà học pháp luật chưa có chuyên-môn, nên không khỏi có nhiều điều khuyết diêm vậy.

F.) *Phép khoa-cử*. — Nước ta đời trước chưa có cái giáo-dục phổ-thông, chỉ nhờ có một lối khoa-cử để cổ lệ quốc-dân về sự học, xét trong sử nước ta đặt ra có phép thi là tự đời Lý trước. Vua Lý Nhân-Tôn (1072-1126) xuống chiếu kén những người minh-kinh bác-học thi ba trường; đến vua Lý Anh-Tôn (1138-1174) lấy chính-sự thi những người thái-học-sinh, ai đỗ thì bổ-quan; đến vua Lý Cao-Tôn (1175-1209) thi những học trò thiên-hạ thì mười lăm tuổi giở lên, ai thông được kinh *Thi* kinh *Thư* thi cho vào thi, học ở ngự-duyên, lại những người học đạo *Phật* đạo *Lão*, cũng có mở khoa thi; lúc ấy phép khoa-cử chưa có trình thức nhất-định. Đời vua Trần Thái-Tôn thi thái-học-sinh, chia làm nhất-giáp, nhị-giáp, tam-giáp, ba bậc, phép thi nước ta có tên tam giáp là bắt đầu từ đây; sau lại định lệ bảy năm một lần thi, trong hàng nhất-giáp đặt ra làm tam-khôi, gọi là trạng-nguyên, bảng-nhân, thám-hoa, người Bắc-kỳ đỗ thi gọi là Kinh-trạng-nguyên, người Thanh, Nghệ đỗ thi gọi là Trại-trạng-nguyên, vì khi ấy Thanh, Nghệ ở về miền biên-bỉ, sự học chưa được thịnh-hành, nên khoa nào cũng lựa một người đỗ đầu trường Thanh, Nghệ cho là Trại-trạng-nguyên để tỏ lòng kích-khuyến. Đến đời vua Trần Anh-Tôn (1293-1313) sửa lại phép thi, chia làm bốn kỳ: kỳ thứ nhất thi *ám-tả*, kỳ thứ nhì thi *kinh-nghĩa* và *thơ-phủ*, kỳ thứ ba thi *chiếu*, *chế*, *biểu*, kỳ thứ tư thi *văn-sách*. Đến đời Trần Duệ-Tôn đổi thi thái-học-sinh, gọi là thi tiến-sĩ, đỗ trạng-nguyên, bảng-nhân, thám-hoa, hoàng-giáp thì gọi là cập-đệ, còn thi gọi là đồng cập-đệ; lại định phép thi hương, ai đỗ gọi là cử-nhân, mới được thi hội; Chương-trình thi cũng đổi lại: kỳ thứ nhất bỏ *ám-tả* thi *kinh-nghĩa*, ba kỳ sau thi để như cũ. Phép khoa-cử đến đời Trần đã là tương-mật lắm; từ đời Lê đến Bản-triều cũng đều theo thế cả. Đời Lê Thái-

Tôn định lệ ba năm một lần thi, lập bia đề tên những người đỗ tiến-sĩ ; đến đời Lê Thánh-Tôn định thêm cái lệ tiến-sĩ ; được ban yến, cấp mũ áo, cho về vinh-quì, vinh-diệu thật không gì bằng vậy. Ôi ! Triều-đình lấy khoa-cử cầu-tài, thì trong nước những người tuấn-tú thông-minh, cũng xô nhau vào cả một con đường ấy, nên nước ta xưa nay danh-nho lương-tướng phần nhiều ở khoa-mục mà ra ; phép khoa-cử không phải là không có công-hiệu. Nhưng lựa người mà chỉ bằng ở văn tự, thì vàng thau ngọc đá, làm sao biện-biệt cho khỏi lầm ; vả khiến cho một nước sĩ-phu vùi đầu cả trong cái nghề hư-vấn vô-dụng ; thật là một sự nhảm to vậy.

(g) *Phép dụng-nhân* — Nước ta xưa nay tuy gọi là định-thê « quân-chủ chuyên chế », nhưng trong nước không có cái tệ phong-kiến thế-tập, không có cái giai-cấp quý-tộc bình-dân, cho nên cái quyền dụng-nhân chuyên ở một tay đấng quân-chủ, những người có tài có đức. có đường tiến-thân được cả, cũng không câu-nệ một cách nào : một là phép thuyên-tuyên lúc đời Lý, Trần, phép thuyên-tuyên chia làm hai hạng : một hạng thì lấy những hàng lại-viên ; đời Lê thì lấy giám-sinh bổ lại, sau khi trung-hung, chia nhỏ lại làm hai đường bổ dùng khác nhau, lại đặt ra khoa *nhậm-tử* thì lấy những con các quan, khoa *si-vọng* thì lấy những người danh-sĩ, khoa *hoành-tử* thì lấy những người di-dật, phép thuyên-tuyên như thế, thật là rộng lối cầu-tài ; duy một khoa *nhậm-tử*, cho thế gia tử-đệ được đặc-cách bổ dùng, chưa phải là đạo công vậy. Hai là phép bảo-cử : đời vua Lê Thái-Tổ, truyền cho các quan tam-phẩm giở lên mỗi ông phải cử một người có văn vũ tài đức ; đời vua Lê Thánh-Tôn truyền cho các quan triều mỗi ông phải cử một người cương-trực trong hàng phủ huyện, lại định lệ bảo-cử các quan Thừa-ti, các quan Tổng-binh, các chức dịch trong các nha-môn ở trong hoặc ở ngoài, mà buộc những người đứng tên bảo-cử ấy phải chịu trách-nhậm ; sau khi trung-hung,

phép bảo-cử lại càng nghiêm mật, phạm các quan tam-phẩm trở lên được bảo-cử những người có danh-vọng, đầu hết khởi-luận tại giữa chốn triều-đường, rồi có các quan ngự sử-đài cùng các quan thượng-thư bộ bàn định thật sác, tâu lên vua, hậu-chỉ bổ dùng những người ấy được bổ dùng từ hàng quan tứ-phẩm giở xuống, bảo-cử người nào mà chính giáo có liệt-tích thì chịu phạt nặng ; phép bảo-cử như thế, kể cũng đã tinh-trường, nên được nhiều người khá. Ba là phép khảo-khóa : khảo-khóa là đề xét xem các quan chính tịch ai hơn ai kém đời Lý Anh-Tôn định chín năm một lần khóa ; đời Trần Thái-Tôn định mười lăm năm một lần duyệt, gia chức một bậc, sau khi duyệt rồi mới thăng-thụ ; đến đời Lê định ba năm một lần khảo mà thường lọc đi lọc lại luôn, phép khảo-khóa mỗi ngày mỗi thêm tinh-mật ; nhưng phép hay mà người không giữ phép, thì đặt ra phép cũng chỉ là hư-vấn ; như lúc cuối đời Lê, những hiền-ti, đài-trưởng, đến kỳ khảo-khóa, hổi-lộ công-hành, thật không còn thành ra thê-thống gì nữa vậy. Ấy cái phép dụng-nhân nước ta đời xưa, như thế còn đặt quan chia chức thì mỗi đời mỗi khác, nhưng đại-đề trong có các quan bộ, viện, đài, tỉnh đề coi việc trong triều, ngoài có các quan trấn, lộ, phủ huyện đề trị-dân các chỗ, duy sự giáo-dục, sự kinh-tế chưa thật có chuyên-nha, về đường khai-dân-trí hậu-dân-sinh, còn khuyết-hám nhiều lắm vậy.

Tóm lại mà xem, việc chính-trị nước ta đời xưa, so với các nước văn-minh bây giờ, thật là một giới một vực ; nhưng đương lúc phong-hội chưa khai-thông, dân-trí chưa phát-đạt, việc chính-trị tất cũng phải theo trình-độ mà tiến bộ dần dần ; huống-chi qui-mô kiến-thiết ; cũng đã nghiêm-nhiên thành hình-thức quốc-gia ; thông-biến cải-lương, là trách-nhậm của những người sau kế khởi ; nếu không biết tùy-thời cải-cách, mà đổ thừa tại đời xưa chính-trị bất-lương, thời có phải là cái tội của người đời xưa đâu ?

(Còn nữa)

TUYẾT-HUY.

KHOA - HỌC

NGỌC - HOÀNG NỘI GIẬN

Không cái gì góm-ghè dữ-dội bằng cái cảnh-tượng một cơn phong-ba. Bông chốc, mây đen to bằng năm bảy trái núi che mặt trời, mưa to, gió nhón, cây đổ, nhà bay ; sấm âm-âm vang từ phương nọ tới phương kia ; chớp nhoàng-nhoàng, ngang-ngang, dọc-dọc, tia lửa sáng quắc ở giữa trời đen, tựa hồ như ông trời điện-báo cho nhân-loại biết trước cái hại và cái chết.

Khiếp thay ! sợ thay ! Cái sợ ấy đã có một cái ảnh-hưởng riêng và đã để một cái vết sâu trong óc con người ta.

Cổ-nhân không biết căn-nguyên bởi đâu, cho những cơn mưa gió to, có sấm sét là những trận lôi-đình, những lúc hờn-giận của ông trời. Người Âu cũng vậy, người Á cũng vậy, người nào cũng tin rằng cái sấm sét là cái oai của trời.

Các nhà làm luật, các thầy-tu nhân dịp đó đề tăng cái quyền mình lên, mỗi lúc viện những sự bất-bình của thiên-địa để dọa-nạt đàn ngu, khiến cho các dân-tộc dòi dòi ngoi-ngóp ở trong vòng nhảm-lỗi.

Một nhà thi-sĩ đại-danh nước La-mã tên là Lưu-cao-sĩ xưa muốn phá cái sự tin nhảm của thiên-hạ, thuyết-lý lên rằng sấm sét chẳng phải do ở một cái quyền siêu-nhân-loại nào mà ra cả, chỉ là cái tiếng vang của hai đám mây chạm vào nhau mà thôi.

Sự tin của thiên-hạ đương mạnh quá, nên cái lý của ông Lưu hóa vô-hiệu. Thường cái tin cường hơn cái lý cho nên khoa-học cách-trí chậm hẳn đi mất mấy đời, trải qua biết mấy lần sinh tử, tử sinh mãi mãi về sau mới noi được đến cái thời-đại thịnh-đạt ngày nay.

Lưỡi con người ta thường tra của chua của cay hơn vật bở vật lành, tai thích nghe truyện huyền-hoặc, kỳ-quái hơn những truyện có nghĩa-lý, có đầu-duôi, cũng bởi một lẽ.

Đến ngày nay ở nước Ta và nước Tàu, cũng còn nhiều người tin như cổ-nhân vậy, số-dĩ nhiều người có học-vấn còn đem lòng nghi-hoặc.

Kể ra thì chỉ từ thế-kỷ mười sáu giở đi mới có các nhà bác-sĩ hay kinh-nghiệm, dám đem cái vấn-đề mập-mờ ấy ra mà nghiên-cứu.

Ông Địch-cát-đức đứng khởi-xương cái vấn-đề ấy lên, thứ nhất. Tuy vậy, mãi lâu năm về sau người ta mới biết rằng sấm sét do ở cái sức màu-nhiệm quái-lạ là điện-khi.

Ông Địch-cát-đức và ông Bác-ái-hoả giải nghĩa một cách rất công-phu. Nhất là ông Bác giải cặn-kẽ lắm. Đại-ý của ông thì sấm sét là cái lực của lưu-hoàng phối-luyện với muối-đạm, bụi sắt, bụi than, chất nhón ở mặt đất bay lên rồi tụ-hợp với nhau. Thiên-hạ đều cho là phải, đến mãi giữa thế kỷ thứ mười tám là lúc người ta tìm ra được cái tia lửa của điện-khi.

Tìm được cái tia lửa điện-khi thì các nhà khoa-học ngờ ngay đến cái căn-nguyên của sấm sét.

Ông An-sĩ và Khắc-lý-khắc đem tí cái ánh sáng cái tiếng kêu của chớp, cái tiếng kêu của sấm. Ông Nộ-lôi cũng tí như vậy, ông tưởng rằng sấm chớp ở điện-khi mà ra, vì những sự hiển-hách của sấm chớp tí nào. Ông kết rằng : « Kết-quả giống nhau, tất căn-nguyên là một. »

Đến đây vẫn còn là ý-kiến cổ, chưa có bằng-cứ gì đích-sác. Ông Phú-lan-

khắc-linh cũng đem nghiên-cứu về cái vấn-đề hắc-hiêm ấy. Trước hết ông nghiệm những cái kết-quả của điện, điện ấy thì lấy máy to làm ra, sau ông nghiệm đến những cái kết-quả của sấm sét. Ông thấy rằng điện làm chảy được những kim-khí; làm phai được bụi vàng thếp trên một cái khung gỗ, mà gỗ không việc gì. Ông lại nhớ rằng sét làm chảy được vàng bạc để trong một cái bao gai, mà bao không việc gì làm tiêu được một cái mũi giáo bằng thép mà không đụng đến cái giáo bằng gỗ.

Ông đã bắt đầu tin rằng điện với sấm sét giống nhau. Đem máy điện, ông cũng làm được sáng, được kêu, khác nào một ông giời con làm ra sấm chớp.

Song ông PHÚ-LAN-KHẮC-LINH là một tay đại-tài, chưa cho là sự thật; ông tìm hết các cách khác để phá cái đám mây hồ-đồ nó còn vơ-vẩn trong óc. Ông tìm ra rằng những mũi nhọn bằng kim-khí chuyên được điện dễ lắm. Ông nghĩ ngay đến cách dùng nó để lấy điện trên giời. Nếu ở trên giời có điện-khí thì mới chắc là sấm sét ở đó mà ra. Ông bèn làm một cái điều to phát bằng lụa, trên đỉnh điều để một cái mũi nhọn dài bằng đồng.

Năm ấy là năm 1752, một hôm giời có cơn, ông PHÚ đi từ tỉnh Phi-la-dan-phi về nhà quê, chỉ đem một người con út theo. Ông không cho ai theo nữa, vì sợ thí-nghiệm không được, người ta cười rằng già hầy còn chơi trống bỏi, đầu hai thứ tóc còn đi buồng diều. Lúc ra đã xa tỉnh rồi, ông bảo con cầm dây để ông thả diều. Một lát diều lên cao tít mù xanh. Ban đầu, giời tạnh, ông chưa nghiệm thấy gì lạ cả vì dây diều là một cái dây gai, có ướt thì mới chuyên được điện. Lúc sau giời đổ mưa, cậu bé cầm dây kêu buồn tay. Ông PHÚ lấy một cái chìa khóa kè vào dây diều thì thấy có tia lửa lòe ra.

Quả thực là điện trên mây chuyên xuống! Quả thực là sấm chớp ở điện-khí mà ra!

Ấy là khoa-học, cách-tri mới qua, được một bước dài; cái óc mò-tối người ta mới được một cái ánh sáng chói-lọi soi vào!

Những sự thí-nghiệm ấy, về sau thiên-hạ được nhờ ơn nhiều lắm. Tiếng ông PHÚ-LAN-KHẮC-LINH đồn dậy Âu-châu và Mĩ-châu. Công việc của ông có ghi vào sách, sách ấy về bên Pháp may gặp được một nhà đại-danh là ông BÚT-PHONG

Ông BÚT-PHONG giao cho ông Bác-sĩ Pháp ĐẠI-LÝ-BÁ để ông thử lại những thí-nghiệm của PHÚ tiên-sinh. Ông ĐẠI-LÝ-BÁ dựng một cái cần sắt nhọn, cao mười bốn thước tây, trên một bãi cao. Cần sắt ấy đặt trên một cái hòm có gió thông với đất.

Ngày mồng mười tháng năm 1752, giời có cơn mây chuyên-vận trên cần sắt làm cho ông ĐẠI kéo được nhiều tia lửa ở cần ấy ra. Cái thí-nghiệm của ông ĐẠI cũng là nguy-hiêm lắm:

Năm 1753, một nhà khoa-học Nga-la-tư tên là DỊCH-DĨ-NAN muốn nghiên-cứu về điện-khí của giời, đi lại gần một cái cần sắt lúc giời có cơn, bị sét đánh chết.

Đã biết được căn-nguyên thì sự giải nghĩa sấm chớp thành ra dễ lắm.

Bao nhiêu sự hoán cải vận-dộng trong thế-giới đều có sinh ra điện-khí cả. Cái sự hoán-cải to-tát nhất là sự nước bề thành ra hơi. Sự thành hơi làm cho điện-khí trong nước bề phân ra điện-âm và điện-dương. Có đám mây thì có điện-âm, có đám thì có điện-dương. Hễ hai thứ điện khác tên mà gặp nhau thì chập vào nhau. Chập mạnh thì tắt bật lửa, bật tiếng kêu. Có khi điện rơi xuống đất, rơi xuống đầu hại đấy.

Chớp là cái dải lửa sáng bật từ đám mây nọ sang đám mây kia. Nó cũng

sáng cũng nhanh như cái dải lửa của một máy điện to.

Sấm là cái tiếng nổ vang lừng. Điện-khi rơi xuống : Ấy là sét.

Mắt ta bao-giờ cũng thấy chớp trước rồi tai mới nghe sấm sau là tại ánh sáng đi nhanh hơn tiếng kêu nhiều lắm. Cũng vì nhẽ ấy cho nên những hôm giờ nong, ta chỉ thấy chớp đỏ-ói mà không thấy tiếng sấm. Tại rằng mây hút nhau ở xa chỗ ta đứng lắm ; chỉ ánh sáng đi nhanh đến được mắt ta, còn tiếng kêu đi chậm, chưa đến được tai ta đã tắt rồi.

Trong một giây đồng-hồ, ánh sáng vượt 30 vạn ki-lô-mét, còn tiếng kêu chỉ đi được 340 thước tây mà thôi.

Chớp mắt, ánh sáng đi vòng qua lái đất được 7 lần rưỡi. Trong một ngày 8 giờ 40 phút 47 giây, tiếng kêu chỉ đi được một vòng. Một cái máy bay, bay tuyệt nhanh mỗi giờ 200 ki-lô-mét, bay trong 8 ngày 8 giờ không nghỉ phút nào. Một cái tàu hỏa chạy mỗi giờ 40 ki-lô-mét, chạy luôn trong một tháng 11 ngày 16 giờ chỉ quanh lái đất được một vòng mà thôi.

Khi một đám có điện-khi bay giáp mặt đất, điện mây và điện đất hút lẫn nhau, chỗ đất mà điện nổ phải, ta gọi là sét đánh.

Những kết-quả của sét giống như kết-quả của tia lửa máy điện, song to-tát và dữ-dội hơn nhiều lắm. Tia lửa của máy điện tỉ với sét khác nào người ta tỉ với tạo-hóa. Người yếu đuối bao-nhiều thì tạo-hóa lại khỏe bấy-nhiều.

Sét phá tan những chất không chuyền được điện, làm được đá tung lên, từng mảnh gỗ xé ra từng sợi, làm cho cây ra than, lá ra bụi, tường đổ, vách lở. Sét làm chảy được dây chuông, dây thép, cục chì, chuông đồng trong nhà ta.

Nhiều khi sinh ra lửa sự lạ : sét làm chảy một cái kiếm mà không đụng đến bao bọc kiếm ; đánh bể cát thì làm cho cát chảy ra nước rồi thành ra

những ống thủy-tinh có khi dài đến 10 thước tây, chu-kính một thước. Xưa người ta cho những ống ấy do ở muối bọc những rễ cây mà ra, lâu ngày thì muối đông lại, còn rễ cây thì tiêu đi mất.

Bây giờ người ta lấy điện của máy điện to ở Bách-ngệ cổ-khi-quán thành Pha-lê chuyền qua một ống thủy-tinh vụn, cũng làm ra được những ống thủy-tinh to ấy.

Năm 1792 sét rơi xuống một cái nhà thờ bên Pháp, đánh tan một cột nhà thờ, tung một hòn đá nặng một tạ tây xa 55 thước. Năm 1852 sét đánh một cái cột buồm tàu, cột ấy bắn mạnh đến nổi đi suốt qua một cái thành bằng gỗ lim xa dấy 80 thước. Sức mạnh kém gì đạn trái-phá ! Năm 1809, nước Anh-cát-lợi, một cái trường nặng 26.000 cân bị sét đánh bốc nổi hẳn lên và bắn đi xa 3 thước.

Giữa đêm hôm mồng 3 tháng tám năm 1852 chiếc tàu Mòi-y chỉ phải một tiếng sét mà đứt hẳn ra làm đôi, chớp mắt tàu đã chìm hẳn, không cứu vớt được người nào cả.

Sét có ảnh-hưởng về nam-châm, nó có thể làm sai được kim ở trong địa-bàn, cái thép ra đá nam-châm.

Trên giới thì sét luyện đạm-khi vào với dưỡng-khi làm ra đạm-toan, có ích cho loài thảo-mộc. Vì lẽ ấy mà trong nước mưa có đạm-toan. Đạm-toan ấy sinh ra muối đạm là thứ muối gồm-ghê mà người ta dùng làm thuốc súng. Người Mỹ nghiệm rằng ở châu Mĩ hề chỗ nào hay có sấm sét thì có nhiều muối đạm hơn các nơi khác.

Người ta cũng bị sét đánh. Người thì ngã lăn ngay xuống đất, người thì bắn đi xa đến 20 hay 30 thước, người thì có chỗ sém đi, chỗ thủng chỗ có máu chảy. Có người sét đánh chết mà chẳng có thương-tích gì cả ; những người ấy không vị thương-tích mà chết, chỉ vì sức điện nó lay mình mạnh quá và

nhanh quá, khiến cho óc đông lại, máu không chảy nữa, phổi không thở nữa, có người chết đứng cũng vì sét đánh nhanh quá; có nhiều linh ở chiến-tràng ngồi, hay quì mà chết, tay vẫn cầm súng, mắt vẫn nhắm, cũng vì là hòn đạn hại người nó đi nhanh quá.

Ta thường đồn rằng hễ có người « giới đánh » thì có lưỡi tầm-sét hoặc ở dưới hoặc ở gần chỗ người ấy nằm. Đào được lưỡi ấy đem về đánh vòng cho trẻ đeo thì khước lăm. Đó lại là một cái nhảm nữa. Nếu đào đất có thấy một cái lưỡi quốc, một miếng sắt dỉ thì cũng chẳng qua là một sự tinh-cờ mà thôi. Tôi nhớ ngày còn bé, nghe thấy một làng về tỉnh Bắc-ninh có một người đàn-bà đi chợ bị sét đánh chết. Người kéo đi xem lữ năm, lữ bảy, tôi cũng theo đi xem. Đến nơi đã thấy năm sáu người, người thì cuốc, người thì sêng, hăm-hăm hờ-hờ, đào đất. Hỏi ra mới biết người ta tranh nhau tìm lưỡi tầm-sét. Tầm-sét chưa thấy mà đã thấy cãi nhau om-sòm cả lên. Kể họ ờ hay cái nhà ông quan-ôn bắt kia, lẩn mãi thế nào cuốc vào chân tôi, thời tôi bảo cho! Người kia: buồn cười cho bà này, đã sợ người ta cướp mất hẳn, giới cho ai người ấy được! Mỗi lúc lại có thêm người đến đào. Bỗng-chốc thấy một người kêu rú lên. Tưởng thấy cái búa của ông Thiên-lôi rồi, ai nấy đổ xô đến xem. Vừa đến lại rú lên chạy mất, thì ra thấy một hang rắn hồ-mang...! Giả-sử có một người Pháp biết truyện ấy thì về nhà người ta viết được một tấn tuồng ba-lon buồn cười lắm.

Trong một đám đồng mà sét rơi phải thì có người chết, cũng có người không chết. Tất là tại số? — Không! những người không chết là bởi có lần da dày, chẳng khác cái áo lụa hay một cái áo toại cao-su che cho người ta vậy. Đem những người ấy thử xem, thì biết chịu được một cái luồng điện mạnh hơn nhiều sức người khác. Xem như chiếc

tàu Mói-y bị sét đánh một tiếng đứt đôi, trong giây phút chìm hẳn mất bao nhiêu nhân mạng; không lẽ bao nhiêu nhân mạng ấy cùng một số. Còn như cái làm ruộng kia có tám người, một hôm giới mưa, chạy núp dưới một cây, sét đánh chết cả tám, thì không nhẽ trong một nhà mà tám người cùng một số hê.

Có khi sét lẩn như một hòn quàn vậy. Ngày mồng 10 tháng chín năm 1845 trong làng bên Pháp có sét lẩn như một khối lửa, lẩn vào một cái chuồng lợn, đánh chết một con lợn, mà lạ thay trước khi đến chuồng lợn sét lẩn qua một đồng rơm mà rơm không cháy.

Sét lại có một cái lạ nữa: là tài in được vào da người ta những hình ảnh bên ngoài, thành ra một nhà chụp ảnh chưa có bao giờ. Năm 1865 ở hạt Loa-lé bên Pháp 2 người thợ gặt con, bên ần dưới một cây lê to. Chẳng may cùng bị sét đánh. Lúc khiêng về nhà thì thấy trên ngực một người có một cái ảnh một cảnh lê in rành-rành.

Sét có khi không làm hại lại làm ơn. Năm 1762 ở tỉnh Căng bên nước Anh-cát-lợi có một anh chàng chăn bò, đã một năm phải bệnh liệt, không đi lại được nữa một hôm phải sét đánh chết khiếp đi. Lúc tỉnh lại thì thấy người khoan-khoái lắm, bệnh-tật tiêu đâu mất cả. Năm 1819 cũng có một người bán-thân bất-toại, sống khổ hơn chết, sau bị sét đánh ngút đi, lúc hồi lại thì thấy bệnh mình đã khỏi hẳn, sung-sướng dường nào.

Ngày nay người ta cũng bắt chước lấy điện để chữa những bệnh tê bệnh liệt.

Những người « giới đánh chợt » nói chuyện rằng, lúc sét đánh thì bị ngã lẩn ngay xuống đất, không trông thấy chớp, mà cũng chẳng nghe tiếng sấm gì cả. Giấy đồng hồ, bạc, tiền trong mình chảy ra thành nước.

Người ta tính ra rằng nước Pháp là một nước gần 40 triệu người, mỗi năm là 73 người bị sét đánh. Bên nước ta thỉnh-thoảng mới có người bị, có năm không có. Như vậy mỗi lần có sấm sét ta chẳng sợ chết. Tuy vậy cũng nên biết cách giữ mình. Cổ-nhân có lắm cách dự-bị lạ thay. Ở bên Âu người ta cho một thứ cây liễu là cây kỵ sét, cho nên lấy cây ấy giồng ở chung-quanh nhà cửa. Người ta lại tin rằng sét không bao-giờ rơi sâu xuống đất 1^m65 nên có một ông vua tên là Áo-nguyệt-tư bắt làm những hầm sâu ở dưới đất, để hễ thấy sấm thì vào hầm ấy ẩn mình. Nhiều nơi cho những con rái-cá trừ được Thiên-lôi : tin rằng những người nằm áp xuống đất không bao giờ bị sét đánh.

Khi giời mưa gió, sấm chớp ta nên tránh những cây cối ra, nhất là những cây đứng một mình. Cây-cối là những nơi cao, điện-âm hay tụ ở ngọn cây để hút điện-dương ; nhiều người sét đánh phải là người ẩn ở dưới cây to. Ta không nên ẩn vào gác chuông chùa hay cột nhà thờ. Không nên ẩn dưới các nhà cao mà không có thu-lôi. Năm 1718 ở bên Pháp trong một cơn, sét đánh 24 cột nhà thờ, ở gần nhau.

Ta không đề trong nhà có gió lùa ta nên đóng cửa lại và tránh xa những nơi có đồ kim-khí. Ở giữa nhà chắc hơn ở cạnh tường và cạnh góc tường. Nếu gặp cơn ở giữa đồng thì ta tránh xa những gò cao ra, gặp một cây thì ta đứng xa một quãng dài bằng bề cao cây ấy, thế là không sợ. Ta không nên cầm ô có cán bằng kim-khí.

Phú-lan-khắc-linh tiên-sinh khuyên rằng hễ giời sấm chớp, thì nên nằm võng, mà võng ấy phải buộc bằng dây lụa.

Sau tìm được ra những tinh hay của mũi nhọn, Phú-tiên-sinh lại khuyên dùng nó mà trừ sét.

Những cột thu-lôi lập ra lần thứ nhất ở bên Hoa-kỳ là tổ-quốc của tiên-sinh. Cột ấy bằng sắt dài, trên ngọn có một mũi nhọn bằng bạch-kim hay bằng bạc mạ vàng. Cột ấy thông với đất bởi một cái dây sắt to chạy xuống một cái hố có gio âm, gio âm làm cho điện dễ truyền vào đất mà biến đi.

Người ta ước rằng, thu-lôi trừ sét được trong một vòng mà chu-kinh dài bằng hai bề cao của cột ấy.

Hễ giời có cơn, ta không nên đến cạnh dây sắt của cột thu-lôi. Người ta nghiệm rằng thu-lôi không những là che chỗ được các lâu-đài cao, lại còn làm tan được nhiều đám mây có điện nữa. Mây có điện tan thì tắt nhà cửa cũng đỡ nguy.

Ở bể, tàu bè cũng nhờ có cột thu-lôi mà nhiều khi khỏi chìm.

Ông Minh-sĩ về sau đem chế cái thu-lôi của Phú-tiên-sinh thành ra một thứ thu-lôi kép. Mỗi cột thành ra một vòng có nhiều ngạnh sắt nhọn. Trên mái nhà đặt 2, 3 vòng, những vòng ấy thông với dây to, dây ấy lại thông với các phần nhà rồi chạy xuống đất. Như thế thì sét mạnh đến đâu cũng không can gì.

Cần thu-lôi cũng là một mối vinh-dự của lịch-sử loài người vậy. Cần ấy làm cho ông giời lắm khi giận cũng phải nguôi và ông Thiên-lôi phải giữ mình, ông mà chập-chùng có khi chúng tôi lôi ông xuống đất.

NGUYỄN-LÊ

Dán nhà thợ-cạo

*Cười phần cột son, tô-diêm tóc tại người lữ-xử,
Mài dao đánh kéo, mở-mang mày mặt khách năm châu.*

VŨ TỊCH-CỔNG

VĂN - UYÊN

THƠ VĂN CŨ

BẠCH-VÂN THI-TẬP (1)
(Thơ cụ Trọng Trinh)

IX

Trải gian-nguy đã mấy phen,
Thân nhân phúc lại được về nhân.
Niềm xưa trung-ái thề không phụ,
Cảnh cũ điền-viên thú đã quen.
Ba quyển đồ-thư thu nặng túi,
Một thuyền phong-nguyện chở đầy then.
Giờ cũng biết nơi lành dữ,
Họa phúc không dong cái tóc chen.

X

Được thua thấy đã ít nhiều phen,
Đề rở công-danh đổi lấy nhân.
Am Bạch-vân rồi nhân-hứng,
Dặm hồng-trần vắng ngại chen.
Ngày chầy hộp mặt hoa là khách,
Đêm vắng hay lòng nguyệt ấy đèn.
Chớ-chớ thờ-ơ nhìn mới biết,
Đỏ thì son đỏ mực thì đen.

XI

Học ít thời thêm lại bất-tài,
Già mà luống phụ chí con giai.
Quần thân thề hết lòng thờ một,
Xuất xử cầu chưa đạo được hai.
Mầm phúc vun giồng đừng ngại nầy,
Cửa nho ngõ kéo phải then cài.
Yên đòi phận dầu tự-tại, (?)
Lành dữ khen chê cũng mặc ai.

XII

Buồn vì biếng thấy cái dao bình,
Yên phận thời lành ở một mình.
Nghĩa cả luống quen tôi chúa cũ,
Thề xưa nữ phụ nước non xanh.
Rồi nhân thời ấy tiên vô-sự,
Ngâm-ngợi cho nên cảnh hữu-tình.
Hai chữ mãn-doanh này khá ngâm,
Mấy người trọn được chữ thân-danh.

XIII

Tuổi đà ngoài tám mươi già,
Thấm-thoắt xem bằng bóng ngựa qua.
Mai bạc lạnh quen nhiều tháng tuyết,
Cúc vàng thêm đổi mấy phen hoa.
Giàu có phận là ơn chúa,
Được làm người bởi đức cha,
Am-quán ngày nhân rồi mọi việc,
Dầu ta tự-tại mặc dầu ta.

XIV

Mệnh ở giời há phải cầu,
Đòi thời đi đỗ mặc ta dầu.
Kia ai ải bắc lưng đeo ấn,
Nọ kẻ miền đông tay rử cầu.
Chửa dám công-danh đi phải lụy,
Trong nơi ần-dật mới nên màu.
Thừa nơi doanh-mãn là nơi tồn,
Hãy ngâm cho hay kéo nữa âu.

XV

Cày mây cuốc nguyệt gánh yên-hà
Nào cửa nào chẳng phải của ta.
Đêm đợi giảng lồng bóng trúc,
Ngày chờ gió thổi tin hoa.
Thấy cơ doanh-mãn cho hay chữa,
Phải đạo trung-thường chớ có qua.
Dầu lấy thánh-kinh noi thừa học,
Vi chưng xuất xử đạo thờ cha.

XVI

Tuổi già mới tám mươi hai,
Mọi cửa nhưng-nhưng thấy đã ng
Yên phận ta nhân được thú,
Có dùng người trọng vì tài.
Chim kêu hoa động thời xuân muộ
Nguyệt bạc đêm thanh hứng khách
Ân chúa đã nhiều chưa báo,
Lòng còn canh-cánh ắt khôn nài.

ĐÔNG-CHÂU (sao-lục)

(1) Tập thơ này truyền lại còn nhiều chữ sai, xin các ngài có biết thì sửa lại cho.

Hồ Trúc-bạch

Một chiếc thuyền nan một mái chèo,
 Đáy hồ lặng sóng nước trong-veo.
 Quanh-co thành cỏ đường lai-láng ;
 Chen-chóc nhà thôn về gấm thêu.
 Ngũ-xã kiều dài đường khách thẳng,
 Long-châu thềm rộng nóc chùa cao.
 Đồn rằng Trúc-bạch vui từ trước ;
 Nay mới hay rằng lắm thú yêu.

Tự-vịnh

Mặc ai xe ngựa mặc ai hèo,
 Ngồi tựa biên mai vẫn chèo kheo.
 Bầu rót rượu tiên mời bạn cũ,
 Tay nâng thuốc thánh chữa dân nghèo.
 Thơ ngâm Lương-phủ người ngoài núi,
 Đàn gảy Cao-sơn khách ngọn đèo.
 Máy thừa thái-bình nay lại gập,
 Vô tay đưa gip tinh tinh cao.

Đánh cờ

Hây-hây giờ xuân lúc mới trưa,
 Anh-hùng đua chí hội mây mưa.
 Ngựa xe giông-duổi quân hùng-hổ,
 Tượng sĩ nghênh-ngang tướng thần-thơ.
 Trên tiệp tiếng-tấm lừng bốn bề,
 Trong quân mưu-trí tốt muôn kỳ.
 Cảnh hay trước mắt nào khôn biết,
 Thú-vị thanh-thời đệ-nhất cờ.

Nhớ bạn

Kẻ ở Hoan-châu kẻ Đế-thành,
 Kẻ về người ở luống buồn-tênh.
 Bốn mùa phong-nguyệt lưng bầu rượu,
 Nghìn dặm quan-sơn nặng gánh tình.
 Con tạo dỏ-dang cờ nửa cuộc,
 Ngọn đèn lấp-lánh lửa ba sinh.
 Trên đầu biết lấy ai làm chứng,
 Kia có sông Hương nợ Ngự-bình. (1)

AI-HOA NGUYỄN-TỬ Sao lục

DỊCH ĐƯƠNG-THI

泊秦淮

Đổ bến Tần-hoài

烟籠寒水月籠沙
 Một màu giăng khói ngang sông,
 夜泊秦淮近酒家
 夜泊秦淮近酒家
 Đón thuyền gần khách tuy-ông cũng
 [tinh.

商女不知亡國恨
 商女不知亡國恨
 Ai chẳng biết sóng khuynh-thành, (1)
 隔江猶唱後庭花
 隔江猶唱後庭花
 Canh khuya hát khúc Hậu-đình bên kia.

楊柳枝

Dương liễu chi

館娃宮外艤城西
 館娃宮外艤城西
 Lơ-thơ dọc ngõ ngang thành, (1)
 遠映征帆近拂堤
 遠映征帆近拂堤
 Bờ xanh trước lái buồm mảnh bên đê.
 繫得王孫歸思切
 繫得王孫歸思切
 Tơ tình buộc khách thăm quê,
 不關春草綠萋萋
 不關春草綠萋萋
 Nhớ nhau đâu có một về cỏ xuân.

江樓書懷

Giang-lâu thư-hoài

獨上江樓思悄然
 獨上江樓思悄然
 Lầu cao riêng đợi người xa,
 月光如水水如天
 月光如水水如天
 Giăng in đáy nước nước pha chân giới.
 同來玩月人何在
 同來玩月人何在
 Giăng già quen mặt là ai ?
 風景依稀似去年
 風景依稀似去年
 Nay phong-cảnh đó vẫn mùi năm xưa.

(1) Giở lên các bài thơ cũ chưa tra được dịch là thơ của cụ nào cả xin các ngài biết bảo giùm cho.

(2) Hai câu thơ này có người dịch rằng: *Đi buồn chẳng biết hồn vong-quốc,*

Còn hát bên sông khúc Hậu-đình.

客有卜居不遂薄遊妍
隴因題

**Nhân chơi đất Nghiên-lung
thăm chỗ ở**

海燕西飛白日斜
Yến theo bóng ác tà-tà,
天門遙望五侯家
Cửa thành xa-xất những nhà đầu đây?
高樓深鎖無人到
Lầu cao ai mở then mây,
落盡東風第一花
Gió đưa hôm sớm hương bay ít nhiều.

**宮怨
Cung-oán**

柳影參差掩畫樓
Quanh tường liễu mọc xanh-ri,
曉鶯啼送滿宮愁
Chim oanh khéo-khéo gửi chi giọng sầu.
年年花落無人見
Ai ôi, hoa đã kém màu,
空逐春泉出御溝
Yêu hoa còn bển ngự-cầu chẳng là.

Đông-châu NGUYỄN-HỮU-TIẾN Sao-lục

HÁT NÓI

Chúc thọ

Sang Đông-hải vin cành nhược-mộc,
về Nam-minh bẻ ngọn phù-tang, lần
lên mây hỏi chú xương-xương, dưới
trần-thế được mấy trăm ông Bành-tổ?
Ta muốn chúc ngô-hoàng vạn-thọ, song
cách bảy mươi ba lần khói biếc thắm
xa. Chim đại-bằng bay thẳng lại nhà,

nhấn thanh-diều hỏi chàng Đông-phương-Sóc: Cây bàn-đào bảy giờ mới
mọc, biết bao-giờ ba vạn sáu nghìn
tăm, ngô-hoàng chừng bấy nhiêu năm.

Nhớ thôn quê

Hoàng-hạc nhất-khứ bất-phục phản,
黃鶴一去不復返。(1) Nhắc trông lên
thăm-thăm mấy tầng lầu. Người đời
xưa vắng-vắng biết về đâu? Tắm mây
bạc xa xa còn ở đó. Tình-xuyên lịch-
lịch Hán-dương thu, 晴川歷歷漢陽樹
(2) phương-thảo thể-thê Anh-vũ châu,
芳草淒淒鸚鵡洲。(3) Ngọn khói tan
mặt nước tỏa mù-mù, lớp sóng vật
chân đèo xô cộn-cộn; khi gió thổi lúc
bóng hồng gần rụng xuống, niềm
hương-quan tỉnh lại lúc hồn mê, chạnh
đâu nhớ cảnh thôn-quê.

Mỗi người một thú

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy?
Người một ngày thời giờ đất cũng một
ngày; đã râu mày ai chẳng nam-nhĩ,
tiêu khiển mỗi người riêng mỗi thú;
Người khát tế-dư kiêu thiếp-phụ, 乞祭
餘驕妾婦。(4) Kẻ cam phần-tử bất
công-hầu, 甘焚死不公侯。(5) Cuộc
nghìn thu ai dễ biết ai đâu, rắp cây cỏ
dầu hiên ngu thời cũng vậy. Ngảnh lại
taug-bồng là thế ấy, cũng chơi nhàoang
phiếm trúc dây đàn, trần-gian phó mặc
trần-gian.

Tạo-vật bất-nhân

Gẫm cho đến bất-nhân là tạo-vật!
đã sinh người lại hẹn lấy năm. Nói chi
thẳng lên bảy đũa lên năm, dầu sống
đủ ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc!

(1) Bèn Tâu có cái lầu tên là: « Hoàng-hạc lầu », Từ khi chim hoàng-hạc bay đi rồi, không có giờ lại
mưa, chỉ còn trơ cái lầu ở đó mà thôi.

(2) Nước sông trong man-mác lồng bóng cây ở Hán-dương.

(3) Ngọn cỏ thơm râu-râu mọc ngoài bãi Anh-vũ; đó đều là đứng trên lầu Hoàng-hạc trông thấy phong-cảnh
như vậy.

(4) Sách Mạnh-tử có dẫn truyền người nước Tề có hai vợ, ngày nào hai vợ cũng thấy lương-nhân đi về ra
bộ no say, làm ra điệu ta đi chơi với những người sang-trọng, rượu chè no say mới giở về. Sau vợ đi đã biết chú
lương-nhân chỉ đi ăn xin những vật thừa ở chỗ tế mã, rồi lại về khoe-khoang với vợ.

(5) Giới-tử-Thôi theo hầu Tần Trùng-Nhĩ có công. Khi Trùng-Nhĩ về phục-quốc làm vua, Giới-tử-Thôi vào
ăn ở núi Miên-sơn, không chịu phong-tước. Trùng-Nhĩ sai đốt núi để tìm ra, Tử-Thôi đành chịu chết cháy trong rừng.

Bận những lợi-danh vinh-nhục, cõi
phù-sinh đành lảm lúc bi-hoan. Tưởng
đến khi hoa rữa giăng tàn, cảnh-huống
ấy bút thân khôn mặc. Tể-suy vật-lý
tu hành-lạc, 細推物理須行樂。(1)
hà-dụng phù-danh bận thủ-thân, 何用

浮名絆此身。(2) Song bất-nhân mà lại
bất-nhân, buộc lấy tuổi bắt ta vào định-
số, cuộc hành-lạc được bao-nhiêu là
lãi đó, vậy ai ôi, chơi lấy kẻ già, một
năm một tuổi xuân qua.

ĐÔNG-CHÂU sao-lục

DỊCH PHÁP-VĂN

L'exilé

Il s'en allait errant sur la terre. Que
Dieu guide le pauvre exilé.

« J'ai passé à travers les peuples et
ils m'ont regardé, et je les ai regardés,
et nous ne sommes pas reconnus. L'exilé
partout est seul.

« Lorsque je voyais au clin du jour
s'élever du creux d'un vallon la fumée
de quelque chaumière, je me disais :
heureux celui qui retrouve le soir le
foyer domestique et s'y assied autour
des siens ! L'exilé partout est seul.

« Où vont ces nuages que chasse la
tempête ? Elle me chasse comme eux
et qu'importe où ! L'exilé partout est
seul.

« Ces arbres sont beaux ; ces fleurs
sont belles, mais ce ne sont pas les
fleurs ni les arbres de mon pays : ils
ne disent rien. L'exilé partout est seul.

« Ce ruisseau coule mollement dans
la plaine, mais son murmure n'est pas
celui qu'entendit mon enfance ; il

Đầy biệt-xứ

Lang-thang vô-vân trên đường,
Luu-ly bao quản tuyết sương lạnh-lùng.
Trêu người chi mấy hóa-công,
Thân kia sao hãm vào trong cuộc này.

« Dòi chân qua khắp đó đây,
Người quen kẻ thuộc ngày rầy là ai ?
Người trông ai lại trông người,
Trông người, người lạ, nào ai quen
Ngán thay ! cái kiếp lênh-dênh, [mình].
Một mình vô-võ xót tình cố-hương.

« Nhà ai sườn núi trông sang,
Khói bay nghi-ngút từng hàng như kia.
Vui thay ! những khách đi về,
Đi về cái chốn, chốn quê, quê mình,
Ngán thay ! cái kiếp lênh-dênh,
Một mình vô-võ xót tình lưu-ly.

« Mây sao bối-rối nhường kia ?
À, mây chạy bão mây về nơi nao ?
Nỗi mây nổi khách khác nào ?
Hỡi mây đợi khách, khách theo chân
Ngán thay ! cái kiếp lênh-dênh, [mình].
Một mình vô-võ xót tình cù-lao.

« Cây xinh hoa đẹp biết bao,
Dù xinh dù đẹp cảnh nào nước ta.
Đã không là cảnh nước nhà,
Dù ta có cảm cũng ra vô-tình.
Ngán thay ! cái kiếp lênh-dênh,
Một mình vô-võ xót tình thê-nhi.

« Vẳng nghe tiếng suối đồng kia,
Đã ngờ là suối đi về năm xưa.
Cùng nhau tắm sớm câu trưa,
Ai ngờ suối cũng cùng ta vô-tình.

(1) Kỹ xét vật-lý ra thì nên làm vui.

(2) Chớ cần gì mắc tiếng phù-danh để bận đến thân mình.

ne rappelle aucun souvenir à mon âme. L'exilé partout est seul.

« Ces chants sont doux, mais les tristesses et les joies qu'ils réveillent ne sont pas mes tristesses ni mes joies. L'exilé partout est seul.

« On m'a demandé : « Pourquoi pleurez-vous ? » et quand je l'ai dit, nul n'a pleuré parce qu'on ne me comprenait point. L'exilé partout est seul.

« J'ai vu des jeunes filles sourire d'un sourire aussi pur que la brise du matin à celui que leur amour s'était choisi pour époux ; mais pas une ne m'a souri. L'exilé partout est seul.

« J'ai vu des vieillards entourés d'enfants comme l'olivier de ses rejetons ; mais aucun de ces vieillards ne m'appelait son fils, aucun de ces fils ne m'appelait son frère. L'exilé partout est seul.

« Il n'y pas d'amis, d'épouses, de pères et de frères que dans la Patrie. L'exilé partout est seul. »

Pauvre exilé ! cesse de gémir, tous sont bannis comme toi, tous voient passer et s'évanouir pères, frères, épouses, amis. La Patrie n'est point ici-bas ; l'homme vainement l'y cherche. Ce qu'il prend pour elle n'est qu'un gîte d'une nuit.

Ngán thảng ! cái kiếp lênh-đênh,
Một mình vô-võ xót tình anh em.

« Dừng chân đứng lại mà xem,
Vắng nghe tiếng hát càng thêm nỗi sầu
Người buồn cảnh có vui đâu !

Càng nghe tiếng hát càng đau nỗi mình.
Ngán thay ! cái kiếp lênh-đênh,
Một mình vô-võ xót tình quân-vương.

« Nỗi riêng lệ ứa hai hàng,
Người trông người hỏi rằng : chàng
Khách rằng : đời ít biết người, [khóc ai ?
Ta buồn ta khóc nào ai biết tình.

Ngán thay ! cái kiếp lênh-đênh,
Một mình vô-võ xót tình giao-du.

« Kia ai chén tạc chén thù,
Giai-nhân tài-tử hẹn-hò cùng nhau.

Hẹn-hò Trần những với Châu,
Nào ai có hẹn-hò đâu với mình.

Ngán thay ! Cái kiếp lênh-đênh,
Một mình vô-võ xót tình cố-nhân.

« Kia ai hòe quế đầy sân,
Con con cháu cháu trước sân đua cười.
Khách thời cha mẹ là ai ?

Anh em thân-thích có người nào đây ?
Ngán thay ! cái kiếp di dày,
Một mình vô-võ nước mây quê người.

« Vợ con bầu bạn là ai ?
Đoái trông cố-quốc tuyệt-vời mắt xanh !
Nỗi riêng chan-chứa bao tình.

Đồng-tâm ai đấy với mình là ai ?

Kề từ cơ-dịch đến đây,
Hiềm-nghèo đâu dám đổi thay tấc thành. »

Ai ơi ! ngoảnh mặt mần-thình,
Người đời ai cũng như mình mà thôi.
Tội chi than-vãn rậm nhời,

Ai không sầu thảm bồi-hồi xót thương.
Phần thời thương nỗi song-đường,
Phần thương thê-tử phần thương bạn

Phần thời thương nỗi đồng-bào, [bầu.
Sinh sinh hóa hóa trước sau mấy lần.
Xa chân xuống cõi hồng-trần,

Đố ai tránh khỏi nợ-nần gian-nguy.
Chẳng qua « sinh-ký tử-qui »,
Cửu-tiêu chốn ấy mới quê-quán người.

Dám khuyên những khách trên đời,
Soi đây cũng được một bài làm gương,

Il s'en va errant sur la terre. Que Dieu guide le pauvre exilé.

(Paroles d'un croyant)

LAMENNAIS (1782 - 1854)

Philosophe et théologien
Français, né à Saint Malo.

Lang-thang vơ-vần trên đường,
Lưu-ly bao quản tuyết sương lạnh lùng,
Trêu người chi mấy hóa-công,
Thân kia sao hãm vào trong cuộc này.

MÀN-CHÂU

Nhời bần của dịch-giá

Bài văn trên nguyên là một bài tản-văn, tác-giả làm ra lời một người bị trích đi nơi khác : xa cha mẹ, anh em, vợ con, bầu bạn ; than thân trách phận, buồn cảnh ngán đời. Văn thực là tuyệt-bút, dịch-giá mang diễn ra « lục-bát » cũng biết là chỉ truyền được thần mà thôi, chứ không lột được hết ý. Song-le lời văn đã cố nặn ra cho được lâm-ly người xành văn coi cũng lượng cho cái khổ-tâm, còn kẻ đọc cơ-dịch thời chắc cũng cảm mà rơi lệ được. Bài này chính là bài tả-cảnh người đi đày- biệt-xử, song cũng là mượn cái cảnh-huống ấy mà bày tỏ ra cái thân-phận con người ta ở trần-thế này vậy. Ôi ! mở đầu ra nhà văn đã mang ngay một người đi đày biệt-xử bợ-vơ đất khách một mình, lang-thang ở mặt đất, tùy theo con tạo xoay-vần, thật là mỗi chữ là một khối sầu vô-hạn. Ừ, mà cái thân người viễn-trích kia, nghĩ ra mà xem, bước chân ra khỏi đất nhà, qua xứ này đất nọ, nhìn kẻ khác người kia, có phải là chỉ những thấy lạ-lùng bỡ-ngỡ nào ai biết mình mà mình quen ai ? Cảm thân lủi-thủi một mình ở chốn tha-hương, nhìn sang sườn núi, khói tỏa từng hàng, lều gianh nghi-ngút, nghĩ đến thú gia-đình xum-hạp thời đau lòng sinh-ly biết nói sao cho xiết ! Trông lên gò thấy đám mây gió cả bão to xô đi vùn-vụt, thời mình đây bị cái giông tố này biết mấy lần hơn, mà cứ bước này thời đi đến đâu là cùng được ! Trông hoa cỏ cảm thời cảm thực, của nước người nào cảm chi ta ; thấy suối ngòi róc-rắt

chảy mau, cái tiếng nước chảy ấy nào phải đâu cái tiếng khi ta còn bé ta thường được nghe mà gọi được cho ta nhớ lại thửa thơ-ngây có những thú gì ! Tiếng hát êm-dềm, nhưng tiếng ai tiếng lạc nào phải đâu là ai lạc của ta ! Khách thấy hỏi ta sao chàng lại khóc ? Thời rằng : ai vì ta khóc, ai biết cho ta ! Nhìn thấy các ả thanh-xuân miệng cười trong-trẻo như sương móc sáng ngày, tươi-tĩnh với khách tinh-chung đã cùng nhau ước-nguyện sự trăm năm, chứ cùng với kẻ cơ-thần nào có tình chi ! Mà ngán nỗi gặp người lão-mạo con cháu xúm quanh chẳng khác cây to cùng những cành non, vui sao vui lạ, già chẳng gọi ta là con, con già cũng không ai nhận ta là anh em thân-thích cả ! Chao ôi ! bạn bè, ruột-thịt chẳng có ai cùng mình ở chốn nước người, vợ con cha mẹ chẳng được gần-gưa thờ nuôi, nghĩ đến cái vui thú ở cố-hương mà sầu đầy tâm chất ! Đau đớn thay ! cho cái thân-phận lênh-dênh, ngoảnh đi ngoảnh lại cũng chỉ có một mình với bóng

Ấy cái lời mà nhà văn miêu-tả đó, thực đọc đến mà lạnh mình, mà rợn tóc, cảm cho ai mà bực cho giới, khéo đặt bày ra những cảnh éo-le ! — Đương trong lúc cái người kia ta-thán như thế, thời có ngay một tiếng sen vào ; tiếng ấy thực là một cái bùa giải-sầu cho người mắc tội, mà cũng lại là một cái gương chiếu sáng cho cả loài người. Cái tiếng gọi ấy tháo cũi sổ lồng ngay cho người bị phải đày biệt-xử mà khép ngay án cho xuất cả mọi người trong thiên-hạ ai ai cũng đều phải chịu cái

thân-phận người kia ! Vui mừng thay ! cho người thoát tội. Thảm-dáp thay ! cho khách trần-gian. Vì dân sui nên, tai bay vả gió, một người mắc tội, cả bọn lầm-than ! Ôi ! cái này mới thực là cho giòi, phải trèo lên nhau bắc lấy một cái thang cho cao mà lên hỏi Ngọc-Hoàng xem duyên-có làm sao mới được. Ồ hay, vừa mới rồi, ta đương làm một bọn khách-quan, kẻ kia đương làm một thằng hề trong thảm-kịch (Tragédie) thế mà con-có chi ta đã phải cùng kẻ kia cùng chung thân-thế, cùng chung cảnh-tình. Cái tiếng gọi ấy ở đâu mà đến ? Sao lại đả-động đến ta ? Mà khiến được cho ta bổng-nhưng nên tội — Không ! Không can chi ! Cái kẻ đi đây kia cũng không khác gì các người, hỏi các người ơi, này cái tiếng gọi ấy của ông thần Tư-tưởng, là ông chúa thiêng-liêng đã gọi người đi đây kia mà bảo cho biết rằng : — Hỡi hỡi chàng trich-khách khốn-nạn kia ơi, thôi im đi đừng rên-rĩ đấy nữa, tất cả người trong thế-gian này ai cũng mắc tội như nhà người cả, ai cũng phải trông thấy cha già, mẹ héo, anh em chết, bạn-bè chết, vợ con chết ! Ở dưới trần-gian này không phải là cố-quốc đâu, người ta mất công tìm vớ-ích, chứ thực ra thời ở đây chỉ là một chốn ngủ trọ trong một đêm mà thôi.

Văn-chương thực là kỳ-khôi, bi-tráng, người đọc đến ngẫm lại cái kiếp mình sống ở trần-gian sinh buồn sinh chán biết là bao ! Thế nhưng theo

cái phương-diện của ta nghĩ thời nếu ai cũng biết nhận-chân cái cõi đời là bề trăm-luân, thân mình là người có tội, thời có nhẽ nhân-loại có phần tăng-tiến lên đến cõi văn-minh nơi hạnh-phúc được. Bởi sao ? — Bởi vì đã biết người đời ai cũng là kẻ có tội cả, trong cái quặng ăn gửi nằm nhờ, bị giòi đày-đọa này, bọn ta cũng nên qua ngày qua tháng, đồng-bệnh tương-lân, tìm cách vui cuộc thú mà vãng-lai cùng nhau, chớ có nên bày ra những cuộc cạnh-tranh, những sự quyền-lợi, mà sinh ra xâu-xé nhau, hà-hiếp nhau, làm cho cái khổ tăng mãi lên, kẻ mắc tội đã buồn, người không tội cũng thảm, còn gì là sung-sướng nữa. Ấy thực là « đại-dồng tư-tưởng », một bài văn ngắn như thế mà cuộc đời rộng đến đâu, thời giờ giải đến đâu cũng chỉ rút cả vào đó mà thôi.

Văn Pháp thâm-thúy như thế, nghĩ ra cho kỹ thời mới hiểu được đến cái nghĩa to-lớn của một nhà văn muốn hình-dung cái thế-giới cái nhân-loại mà chỉ dùng những lời hời-hợt, giọng tâm-thương, tả cái cảnh thiên-cận, mà khiến cho người xem, cảm được nghĩ thấy mông-mênh ; thế mới gọi là văn-chương tư-tưởng.

Nhân dịch bài văn của LAMENNAIS tiên-sinh, nghĩ thế nào bàn phẩm ra thế, cũng là ngôn-luận-tự-do vậy.

MÀN-CHÀU

VĂN BIÊN - NGẪU

Bài gửi mừng một người giàu có phúc-đức

(Vô-danh thị)

Trong địa-cầu mở cuộc văn-minh,
vi thể tối rồi sáng lại ;
Người hoàng-tộc có lòng công-ích,
mới hay chị ngã em nâng.

Ngàn dặm thơm danh,
Một nhời tặng-hảo.
Nhà ngài xưa :
Vun giồng cây đức.

Xây đắp nền nhân ;
 Ôn nhờ tổ-tiên,
 Đề nhiều phúc-ấm ;

May gặp hội đông tây giao-thiệp,
 quyết ra tay buôn bán đua chen.

Ba-đào trước gặp hồi đen, cũng đã
 từng năm chìm bầy nổi chín lênh-ênh,
 lặn suối qua đèo, sóng hiểm-trở cũng
 không quan-ngại ;

Giời đất xoay về vận đỏ, lại nhờ
 được nhất duyên nhì phật am phong-
 thổ, buôn may bán đắt, trong gia-đình
 giấy đã vẽ-vang.

Dạ đồng-bào nghĩ đến kẻ trong họ
 ngoài làng, chẳng như ai con chúa
 chúa yêu con vua vua dẫu ;

Lòng tạo-phúc chăm về việc sự-thần
 tôn-thánh, cũng đã nhiều khi dầu cùng
 bó khi khó cùng đồng.

Thóc bỏ thương kẻ ăn dong, chẳng
 tiếc chi tiền nghìn bạc vạn, đỡ con
 em một vụ suu-đình.

Cửa xuất thời thần cũng chứng, qui
 khiến ra kẻ vị người yêu, bầu dương
 hậu ở trong thôn-giáp.

Thế mới là có công không phụ ;

Thế mới là đề dức về sau.

Nào những kẻ của người bỏ-tát của
 mình thời lạt buộc, lại rằng thương
 rì lấy gì làm bữa, chỉ một niềm dữ của
 làm giàu ;

Sao bằng nay tiếng lành đồn xa tiếng
 tốt ba ngày đường, nên tôi yêu vì nét
 chẳng hết chi người, tặng vài câu khuyên
 người làm phúc.

Chắc hẳn rằng có nhân thời nở, năm
 mươi tuổi chưa già.

Lại mừng rằng đề tiếng đúc chuông,
 ngàn muôn thu còn mãi.

Vũ DUY-PHIÊN sao-lục

VĂN XUÔI

Tap-văn trích-dịch

1

Tân-văn Tạp-chí⁽¹⁾

Tân-văn (*Journal*) đối với người ta
 cũng như là không-khí vậy, được nó
 thời sống, không được thời chết. Sự
 mạnh, sự yếu, sự mất, sự còn trong
 một nước đều bởi đó mà ra cả. Các nhà
 triết-học bên phương Tây có bảo rằng :
 Tân-văn là Hiện-thế-sử, không phải là
 lời nói vô-cớ vậy.

Nhưng, xét thực ra thời thương-vụ,
 thực-dân, ngoại-giao thường-thường
 tụ-hợp ít nhiều nhà đại-kinh-tế, đại-
 chính-trị, đại-ngoại-giao, đều phải dùng-
 dăng nghi-ngờ không dám phát ra
 trước, kịp khi nhà Tân-văn giỏi nói lên
 một lời, thời toại-thành số nhau giữ
 làm vật-báu, mà các hiện-tượng sau
 này đều theo cái con đường ấy mà đi
 không có ra ngoài, như thế thời gọi
 Tân-văn là Vị-lai-thế-sử cũng không là
 quá-dáng.

Tap-chí (*Revue*) cũng thế, từ khi sự
 cải-cách tôn-giáo thành-công, cái tư-
 tưởng tự-do càng ngày càng lên đến
 cao-minh, bàn-bạc rõ-ràng, thường bóng
 vang được đến cả học-giới. Cho nên
 ngày nay một cái Tap-chí ra đời, thời
 học-thuật được ngay một nơi lĩnh-vực
 mới, ngày mai một cái Tap-chí mới ra
 đời thời học-thuật được ngay một cái
 kỷ-nguyên mới, ngày thêm tháng tới,
 tiến mãi cao lên, sự đổi-dời được chóng,
 lại không thể lấy nhẽ thường mà bàn
 được.

Tap-chí với Tân-văn ở nước ta xo-
 xánh với bên Thái-tây thời rất là thơ-
 trẻ, cho nên biền-chép không được tinh-
 vi lắm. Vả trừ một vài cái đặc-xuất ra
 còn thời phần nhiều chép những điều vật

(1) Giữ xuống dịch trong quyển *Thiên-tắc-bách-thoại* của ông *Da-Bằng Hoàng-chi*.

vánh, lại đặng cả những truyện lừa dối nhau, vị tinh mà chết, nhan-nhân đầy trên mặt giấy, la-liệt cả ra đó thời không biết có sao ra thế? Đến như cái thực-hưởng việc công, thương, nông, cò, sự cái-lương học-thuật, kỹ-nghệ, thời không có chút đem tâm đến!

Song le, chính là có cớ, là vị trí người Âu-Mỹ đã mở rộng, dù người ở xã-hội hạ-lưu cũng ham xem Tân-văn và Tạp-chí, cái số tiêu-hành một ngày một rộng, có lợi-ích ra, nhờ đó mà được nhiều thêm. Các nhà chuyên-môn về các khoa cũng vui lòng mà theo đuổi với nghề, có người sớm cầm quyền-chính nhà nước, chiều về cầm bút-chính tòa-báo, cho nên tiến-bộ lên được nhanh.

Như nước ta thời không thế, người đọc Tân-văn và Tạp-chí chẳng qua là số ít trong xã-hội, số bán ra hay lắm thời được đến vài nghìn giở lên, lợi-thu vào nghề đã ít thời người theo vào nghề phải hiếm đi, các người chuyên-khoa mới không thể không bỏ nghề ấy mà kiếm nghề khác. Thế cho nên quanh mắt ta thấy, các nhà Tân-văn nhỏ thời nhiều, các nhà Tân-văn lớn thời ít; Tạp-chí tinh-tiến thời hiếm-hỏi mà Tạp-chí lặt-vặt thời đầy ra ở đường.

Nói tóm lại, Tân-văn và Tạp-chí tiến-bộ cùng với nhân-trí tiến-bộ cùng ý-phục với nhau, có Tân-văn, Tạp-chí thời trí người tiến lên một bậc, trí người tiến lên một bậc thời trình-độ Tân-văn Tạp-chí cũng phải cao lên một bậc mà số tiêu-hành cũng thêm lên một bậc, như thế cũng dẫn nhau tới đến vô-cùng ấy ta có hậu-vọng vào tiền-đồ xã-hội ta đó.

II

Hán-học (1)

Lấy Hán-học làm một cái học-vấn không gì hơn mà khinh-miệt Tân-học, những bọn hủ-nho như thế ngày nay đã ít thấy. Mà lấy Hán-học là có hại không có ích muốn bỏ cả đi thời thường thường thấy nhiều. Há không biết nước ta xưa nay khai-hóa điều bởi Nho-giáo mà ra, nói rằng vài ba trăm năm giở về trước và giở về nay các bậc thượng-lưu đều bởi đám làng nho cả cũng là phải lắm. Cùng cái khai-hóa đạo-nguyên ở Âu-châu với Hi-lạp, La-mã cũng giống nhau. Lấy ngày nay xem ngày trước, văn-minh giã-man đâu khác nhau, mà do cái này đạt cái kia thời uyên-nguyên có đầu có gốc. Âu-châu ngày nay còn ham nghiên-cứu đến ngôn-ngữ văn-tự của Hi-lạp, La-mã. Gần đây lại tìm-tòi những cái tử-văn-tự, tử-ngôn-ngữ⁽²⁾ để mà học làm một sự cần-dùng cho những cái hoạt-văn-tự, hoạt-ngôn-ngữ⁽³⁾ bây-giờ. Coi như thế thời nước ta không thể bỏ Hán-học được hẳn, thực không còn là một sự đáng ngờ nữa.

Nước ta nhờ Hán-học mà khai-hóa cũng như Âu-châu nhờ Hi-lạp La-mã, trước đã nói rồi. Nhưng xét kỹ ra thời có lẽ lại hơn thế. Sao vậy? Các nước bên Âu-châu đầu học ngôn-ngữ, văn-tự Hi-lạp, La-mã chỉ lấy tiện cho học-thuật mà dùng vào ngày thường ấy cũng ít; nước ta trừ mượn Hán-học để mà dùng vào trong học-thuật ngoài ra sớm chiều gặp nhau nói truyện cũng nhiều khi dùng Hán-tự thời lại có hàm ở trong cái tinh-chất tiếng nói thông-

(1) Những bài luận dịch đăng trong này là những bài ngắn mà gọn, nói ít mà lý nhiều, thực là qui-mô tốt cho người làm văn. Và dịch-giả cũng cố chọn những bài hay có thích-hợp với đương-thời mới đăng, đầu một bài văn-chương song không phèo như mấy câu bọt bề sáo nhà xưa nay vậy

(2-3) Tử-ngôn-ngữ, tử-văn-tự 死言語, 死文字 là những cái tiếng cái chữ đã bỏ không ai dùng đến như đã chết rồi, đối với Hoạt-ngôn-ngữ, hoạt-văn-tự 活言語, 活文字 là những cái tiếng cái chữ thông-dụng ở đời, hình như còn sống. — (Langue morte et langue vivante).

quốc ta nữa. Ngày nay dẫu thâm-nhập cái học-vấn mới của Âu-châu vào nước ta, ngày một tiến lên văn - minh cũng không phải là nói hoang-đường nhưng thực cũng là cơ-sở ở trong Hán-học vậy.

Bằng ngày nay mà còn dữ Hán-học khur-khur, coi Tân-học như hủ-thù, như các bác hủ-nho, các cụ lão-hủ thời Hán-học thực là có hại không có ích. Song le, biết rằng Tân-học phải cần có Hán-học để làm phụ-đực, thực là một sự thích-trung vậy.

Ngày nay ở Âu-châu còn đương săn-sóc nghiên-cứu cổ-học, thời bọn ta cũng nên nối gót nhau mà chuyên nghiên-cứu lấy Hán-học thời ngày sau này có ích nhiều lắm....⁽¹⁾

III

Nhà học-giả với kẻ độc-thư

Cùng một bọn trán tròn gót vuông với nhau mà sao lại biểu ra nhà học-giả với kẻ độc-thư. Há rằng đọc sách cổ-nhân, thông-hiểu được câu này nghĩa khác mà thôi ư? Phải rằng lấy sức não-tủy theo việc mà thực-nghiệm, dùng phép diễn-dịch phép qui- nạp để nghiên-cứu các sự-vật hữu-hình vô-hình trong vũ-trụ. Mà nghiên-cứu các sự-vật trong vũ-trụ thời phải đọc sách cổ-nhân làm, nhưng chỉ biết đọc sách mà thôi thời không phải là cái thủ-đoán tuyệt-đối của sự học-vấn, ta phải cần hiểu biết như thế vậy. Xưa nay những thầy đồ dùi-mũi, nhận nhầm nhẽ ấy, chăm-chăm ở từ-chương huấn-cổ, lấy cái bác-vấn cường-ký làm một sự học-vấn rất cao, chui-dúc ở dưới mái cổ-nhân không có biết tí gì

là sĩ, thế cho nên học-vấn không được tiến-bộ, trăm nghìn năm cũng như một ngày mà thôi !

Nói về sự khai-hóa về đường học-vấn ở Âu-châu ta chưa dám vội tới, nhưng cái khởi-nguyên hãy cốt cho ai ai cũng biết người học-giả với kẻ độc-thư khác nhau. Về đường Khoa-học thời đã phải dùng những phương-pháp thực-nghiệm, mà về đường Triết-học cũng phải biết rằng không nên thiên-trọng về sự đọc sách, chỉ cần để cho người ta quan-xiêm vào, là nghiên-cứu từ mình lấy một cái học-phong để rửa bỏ cái nô-tinh của học-giới đi mà ra tự-lập. Xem như thế thời muốn cho học-vấn được tiến-bộ há chỉ có xem sách mà thôi ư?⁽²⁾

(còn nữa)

MÀN-CHÀU.

Thuốc đắng

Ta sinh-bình lắm bệnh ! Khi nó phát, thời cái máu hỏa nó bốc lên, làm cho giừe đầu vàng óc, mà nghĩ-ngợi lẫn quẩn không ra ; đôi mắt mờ-mờ, mà trông vào sách vở như lòa ; Lai tai ù-ù, mà nghe nhời nói bần như điếc, tinh-thần mỗi mệt, hồn vía mơ-màng, miệng nói nhảm-nhi không nên nhời, tay chân cất nhắc không nổi việc, đau gan tức phổi, buồn-bã chân tay, sinh ra lắm bệnh rất kỳ-quặc. Nhưng hễ động thấy ai nói đến truyện thuốc, thời lắc đầu le lưỡi, rất ghét mà không muốn để vào tai, động nghĩ thấy hơi, thời bịt mũi mím môi, rất sợ mà không hề dám đưa tới miệng, dẫu bệnh nguy-cấp đến thế nào, cũng không ai hề đổ được một giọt nước thuốc vào miệng.

(1) Hán-học là tinh-thần là quốc-túy của ta, ta không thể sao-nhàng mà coi làm một sự chẳng cần được, vì trong thời gia-tộc, ngoài thời xã-hội nhất-thiết đều bởi Hán-học đào-tạo nên. Ngày nay bao-nhiều cái hay cái phải ấy đều nhờ Hán-học mà duy-trì được. Nếu một phen mà ta để cho Hán-học tiêu-môn đi thời e rằng có khi cái nguyên-khí của quốc-dân cũng không còn được thịnh, xin anh em Tân-học ta đỏi lại đừng vội vong-bản vậy.

(2) Nước ta ngày nay người học cực nhiều, song sự xem sách thời lắm mà chưa có người làm nhà học-giả chân-chính, mong sao !

Một ngày kia, bị cảm nặng quá, sốt mê sốt mẩn, như nấu như thiêu, tâm-thần bàng-hoàng, bất-tĩnh nhân-sự. Có một ông bạn rất thân nghe thấy tin, sợ hãi mà lấy làm lo thay, vội-vàng cắt một thang thuốc đưa đến, tay sắc sẵn tử-tế, đưa cho uống, giỗ ngon giỗ ngọt, hết đứng lại ngồi, làm thế nào ta cũng không chịu uống một hớp, ông bạn tức quá ! thở dài một tiếng rồi gắt rằng : quái ! không biết bụng dạ anh này nghĩ ra thế nào ? mà có bệnh lại không uống thuốc. Người ta bảo rằng : « thuốc đắng dã tật, » nay người có bệnh, mà lại ghét thuốc như vậy, thế thì mong cho khỏi bệnh sao được ; nọ là bệnh anh bây-giờ đang lúc kịch-liệt, chân âm đã lồi, chân dương lại khuy, thủy hỏa không được điều-hòa, khí huyết không được khỏe mạnh, hình-thể gãy còm, xương thịt tiêu-thước bệnh đã tới lúc thùy-nguy, mười phần hỏng chín như vậy, đá phồng mà chịu nhắm mắt nhắm mũi, ngậm đắng nuốt cay, đề cấp-cứu lấy nguyên-khi lại, cũng còn lo chưa đề đã kịp, huống là thuốc không chịu uống, lẽ nào mà bảo-toàn tinh-mệnh được du ? Nói rồi, tay cầm bát thuốc toan định đưa ta uống. Ta thấy ông bạn hết lòng như vậy, lấy điều làm nể quá, nhắm vậy, giờ tay toan đón lấy bát thuốc, bỗng tự dưng tằm -tối mặt, cơn sốt tự-nhiên âm-âm bốc lên như lửa đốt, bất-tĩnh nhân-sự ; ông bạn nhân dịp ta mê không biết gì, thừa-cơ đồ luôn ngay cả bát thuốc vào miệng. Ta bấy-giờ đang cơn nóng khát, vả lại mê-hoàng, chỉ biết nước đưa tới miệng, thời há miệng như sáo hớp lấy hớp đề nuốt đi mà thôi, còn có biết đâu rằng đắng ngọt chát chua là thế nào nữa ?

Ông bạn thấy vậy, đồ luôn cho được mấy liều, thuốc vào tới miệng, thắm-thia ra khắp tứ-chi, (四肢) mẩn-hôi toát ra như tằm ; tỉnh dậy bỗng thấy đầu óc nhẹ-nhôm như không, thân-thể tự-nhiên tỉnh-táo hết bệnh, tự-hồ đang

gánh nặng cất mà đồ đi thênh-thênh như vậy. Đang nằm dọc dậy, trông thấy ông bạn hãy còn ngồi bên đầu giường, mà bát thuốc đã thấy cạn sạch hết cả. Ngâm-nghĩ thấy trong miệng mình hãy còn rất những hơi thuốc. Trong bụng biết ngay là ông bạn nhân lúc mình mê, đã đồ nước thuốc cho mình uống rồi. Nghĩ bụng rằng : ờ ! nếu có phải thế, thì thuốc cũng công-hiệu thực ! Vừa uống mà bệnh-tật đã thấy mất đi như không cả rồi, hay thật ! thế mà mình ngu một mực kháng-khăng mà không chịu uống, đề đến nỗi đeo chứng đeo bệnh mãi ở trong mình, thế có dại hay không ? Đang lăm-bầm trong bụng, chưa kịp nói, ông bạn sẽ thủng-thẳng hỏi rằng : bác ! bác nghĩ trong mình bây-giờ nó thế nào ? Trông chừng phỏng có được nhẹ-nhôm hơn trước chăng ? — Thừa bác tôi nghe trong mình, nay đã thấy tinh-tĩnh hơn trước, nay sốt cũng thấy nó đã lui đi được nhiều; vả các chứng các bệnh vằng đầu giức óc, mờ mắt ù tai, hôn vía mơ màng, tinh thần mệt-nhọc như trước, tự-hồ bây-giờ nó đã chút cả xuống sông xuống biển, mà đi tới tận phương nào tất cả rồi a.

Ông bạn tủm-tủm cười mà nói rằng : Ồ ! thế à ? thế bác có biết cái công-hiệu đó nó bởi tự đầu hay không ? — Thừa bác, trong khi em đang cơn nóng, thiết là mê-mẩn không có biết gì ! Nhưng khi em đã tỉnh dậy, cũng đã biết đích được là bởi tại quan anh có lòng quá thương đến em, hết lòng vì em, và đồ thuốc đồ thang cứu em, vậy nên mới có cái công-hiệu thần-diệu như thế vậy.

Ông bạn lại cười mà nói rằng : A ! thế ra bác cũng đã cho thuốc là hay đó a ? Nay bác ơi ! người ta ở đời, số-dĩ mạnh khỏe sống lâu, phần nhiều là bởi tại thuốc, cải-tử hồi-sinh, chính cũng chỉ bởi tại thuốc, thuốc thiết là một vật tinh-mệnh của con người ta nó kì-thác ở đó vậy. Kìa như những người đưc ở tự lúc tiên-thiên, (先天) nguyên-đik

(元氣) tốt sẵn ; cốt-cách khỏe mạnh, huyết-khi cương-cường, tự-hồ bất-tất phải dùng quế, phụ, sâm, nhung, mà tự-nhiên cũng khỏe mạnh, can gì phải cần đến bồi-bổ điều-dưỡng, mà tự khác cũng khang-cường. Thế mà người biết vệ-sinh, cũng còn phải nay dùng sâm, ki, đề điều-hòa nguyên-khi, mai dùng qui, thực, đề bồi-bổ hậu-thiên ; huống chi những người tiên-thiên bất-túc, nguyên-khi không bền, tinh-huyết đã khuy, trác-táng lại lắm, như thế mà lại ghét thuốc không ưa, sợ thuốc không uống, tôi tưởng như thế, thời dẫu ông NAM-TAO BẮC-ĐẦU có muốn rộng bút mà chưa thêm tuổi thọ cho, tôi chắc cũng không thể sao mà khiến cho bản-mệnh trường-sinh được vậy. Ông bạn nói đến đó, lại trông ta mà vừa cười vừa nói rằng : Thế bác đã biết thuốc thánh chưa ? từ rầy phỏng bác còn nên ghét thuốc sợ thuốc nữa hay thôi ?

Ta ngẩng lên vừa thở vừa đáp rằng : Thưa bác dạy vậy, thực là cái lỗi của em, nhưng xin bác cũng lượng cho một chút này ! em ghét thuốc, có phải thật là bản-tâm ghét thuốc thật đâu ! Em ghét là ghét vì những kẻ nhắm mắt bồng liễu vậy. Em sợ thuốc có phải là em sợ thuốc đắng đâu ! Em sợ là vì lắm kẻ cả gan làm càn vậy. Em thấy người ta thường nói rằng : « tinh-mệnh con người ta sống thác, bằng ở trong tay người thầy thuốc. » Quan-bệ rất là nhón-nhao, mà sảy ra tất là khốn-khó, mà em trông thấy người đời giờ, mắt chẳng biết một chữ *đinh* 丁 học chưa thuộc mặt chữ *nhất* 一 Nội-kinh Tố-vấn 內經素問 mắt chẳng ngó qua, Thọ-hế Hồi-xuân, 壽世回春 tay chưa mó đến, thế mà con *hiền* 賢 con *bê* 脾 kẻ-lễ lảng-nhãng, mạch *xác* mạch *tri*, ù-lòa bậy-ba. Thuốc lòng mảy bải *tứ-quần*, *tứ-vật*, đã nghênh-ngang lên mặt « *thầy-lang* », mấp-mò vài vị *cam-thảo*, *khô-sâm*, đã chảnh-hoảnh ra tay « *điều-hộ* » rồi [mà lờ-mờ bồng

láo, không phân hàn, nhiệt, bình-ôn, giờ-giần làm mò, chẳng biện *quần*, *thần*, *tá*, *sứ*, khiến cho thiên-hạ vi thuốc mà đến nổi chết oan, trông thấy chan-chan trước mắt ; vì thế mà em sinh ra bụng sợ, sợ mà sinh ghét, đã ghét thời bụng tất thiên, dẫu cho có thầy thuốc hay đến đâu, thời cũng xem thường xem khinh, còn có lòng nào mà qui-trọng được nữa ?

Chết nổi ! em ngại *canh nóng* mà thối đến cả rau *dền*, sợ *nhân-ngón* mà kiêng đến cả *hoạt-thạch*, tuy là ngộ-diêm thật, những chưa xét đã vội lòng tin, em thực quyết không dám thế. Sao vậy ? vì thời buổi bây giờ, thầy dở phần nhiều, mà thầy hay có ít, nếu mình vội đem tinh-mệnh phó-thác vào tay những bác *dung-y*, 庸醫 em sợ bệnh mình chưa thấy khỏi đâu, mà mệnh mình thường đã theo thuốc mà thuyên mất rồi a.

Than ôi ! thời buổi bây-giờ thiên-hạ nhăm thầy nhăm thuốc, trúng-độc kẻ biết có bao-nhiều người ! Em tưởng thiên-hạ và g đầu giức óc, mờ mắt ù tai, hồn phách bàng-hoàng tinh-thần mê-mẩn, chứng bệnh như em, kẻ tới mười phân tám chín, nay quan anh đã sẵn có lương-phương thần-hiệu, cứu được tinh-mệnh cho em, chả hay quan anh phỏng có rộng tay độ-thể cứu-dân, để giải cái bệnh hiện-thời ngộ-độc cho thiên-hạ chăng ? Đó là cái hi-vọng rất nhón của em đó a.

ĐÀM-XUYỀN

Phải trái ở đời

Con người ta hiền, ngu, bất-tiểu không giống nhau, thời cái phẩm-cách cũng không giống nhau, cái cử-động cũng không giống nhau ; cử-động và phẩm-cách đã không giống nhau, thì cái phải trái tất rằng khác nhau. Sống mỗi người một nết, chết mỗi người một tật, mình bảo là phải, nhưng người cho là trái,

mình cho là trái nhưng người bảo là phải. Dem truyện Nã phá-Luân ông Kha-luân-Bồ kể cho những kẻ nhàn-bản chỉ đoán thì họ gác ngoài tai; dem truyện ông Bá-Gi ông Thúc-tê kể bên những kẻ tham-quyền có vị thì họ lấy làm tiếc. Thế thì phải trái, trái phải là tùy từng hạng người đó thôi. Cũng linh-hồn, cũng xác thịt, cũng chịu ánh sáng mặt trời, mà có người hẹp-hòi bằng cái lạch, có người rộng-rãi như cái bể cái khơi; xa nhau từ bắc đến nam, cách nhau một giờ một vực. Cho nên công hầu khanh tướng lắm kẻ thêm ra. môn-hạ tôi đòi nhiều anh cẩu-cạnh; cũng một câu truyện kể nhiều người khen, cũng một cuộc đời kể vui người thảm. Đầu gà má lợn tranh nhau ở chốn hương-thôn, kẻ ngu-si lấy làm phải, mà người tài-năng lấy làm khinh; người cao ăn không vor-vét sao cho nặng túi, người đạo-đức lấy làm bỉ, mà người gian-tham lấy làm sang. Bạc chửa tiền chôn, người đời nay cho là ngu mà người đời xưa lấy làm đặc-sách; ra luồn vào cúi người quân-tử lấy làm nhục mà kẻ tiểu-nhân lấy làm vinh. Lân-quất rừng xanh núi đỏ, người ăn-dật lấy tịch-mịch làm thanh-cao; long-dong góc bể bên giới, người chỉ-si lấy cứu-thời làm trách-nhiệm. Thế thời ai bảo là phải thì phải, ai cho là trái thì trái đó mà thôi.

Chao ôi! mẹ hát con khen hay, người nghe bảo là trái, mà mẹ vẫn cứ hát con vẫn cứ khen, thời ai hoài hơi đầu mà chê phải trái. Nhưng nghĩ mà xem thời cho tạo-hóa cũng là trêu-chọc loài người đó; nếu ai ai cũng tâm-tri tương-dồng, thì sao có chia ra anh-hùng hào-khiet, tài-tử giai-nhân, người lương-thiện, kẻ hung-tàn, đũa tham-danh quên nghĩa. Nay xem những người đời xưa: Nếu ông Da-tô cơ-đốc cứ thiên-hạ bình-luận làm phải trái thì ông Da-tô-cơ-đốc không là ông Da-tô-cơ-đốc, đạo « Thiên chúa » sao có xuất-hiện cõi nhân-gian. Ông Thích-ca-mâu-ni cứ thiên-hạ bình-luận làm phải trái,

thì ông Thích-ca-mâu-ni không là ông Thích-ca-mâu-ni. « đạo phật » sao được thịnh-hành trên thế-giới. Ông Mạnh-Tử cứ a-dua mà theo thói đời Chiến-quốc, thì sao lên được bậc á-thánh ở Trung-hoa. Ông Lư-Thỏa không kiên-nhẫn mà giữ lấy ý-kiến mình thì sao có được đức tượng đồng bên Đại-pháp.

Càng những bậc xuất-chúng bao nhiêu thì việc làm lại càng trái tục bấy nhiêu. Thế mới biết người năm bảy đẳng phải trái ai ơi mặc thói đời.

Cụ-hải NGUYỄN HỒNG-NGUYỄN

Ngẫm cuộc đời

Ngẫm xem ngang khắp phương giới, giọc cùng muôn kiếp, cuộc đời phải theo như tự-nhiên, mà quanh đi vòng lại, việc văn-minh cũng ví như cây quả ngon, không bao-giờ hạt quả ấy có để cho mọc ở dưới gốc, bởi vì quả ấy ai cũng thích miệng làm ngon, những nơi xa cách đã được ném mùi, ắt chăm lấy hạt, gây cho nên giống, thường khi gặp nơi khí lạnh đất tốt, quả ấy lại càng thêm ngon, mà sánh với chỗ trước có cây, không đến cần-cối kém tốt.

Xem như bậc giáo-chủ: Đức Thích-ca ngài sinh ở Ấn-độ, đạo Phật từ đấy trời đi, mà nói đạo chính-tông lại nương về Trung-quốc; đức Thánh-Không ngài sinh ở nước Lỗ, đạo Nho từ đấy rõ-rệt, mà giữ-gìn lễ phép lại thịnh ở An-nam ta; nước Do-thái là đất đức Gia-tô giảng-sinh, đạo Cơ-đốc truyền khắp bốn phương Âu, bây-giờ trong nước suy kém; Đường Ngu là gốc văn-minh Trung-quốc, bây-giờ chế-độ còn gì! Đạo Phật chủ « tự-do bình-dẳng », đạo Cơ-đốc cũng ở đấy mà sinh ra. Đạo Nho chủ « đại-dồng tuy không nói rõ tự-do bình-dẳng, mà công việc làm, tinh-thần cũng đủ, hiệu-nghiệm đại-lược như Âu Mĩ mà còn ho-gờ rằng ngài chỉ dạy năm luân thì sai xem ở thiên Lễ-vận thì rõ, mà nghĩa ch

thiên ấy chưa hết nghĩa, cho là nhờ nói Hán-nho phụ-hội, bởi trông xã-hội lúc bấy-giờ bó-buộc, không giải ra được.

Vả việc văn minh có tinh-thần, lại phải có hình-thức, không hình-thức thì gồm cả tinh-thần hình-thức làm một, cho nên công-nghệ ngày một tấn-tới, khoa cách-trí phát-minh được những điều bí-mật của giới, cho nên giàu mạnh; bên Á-châu ta từ đời Thành-chu giờ xuống, chỉ chuyên trọng ở tinh-thần, mà lược bỏ hình-thức, cho dâm-kỳ kỳ-sảo là tội, lâu ngày tệ mãi

chỉ đam về một mặt từ chương cho nên nghèo yếu.

Nói tóm lại văn-minh ngày trước, thì tự Á sang Âu, văn-minh ngày nay lại tự Âu sang Á. Ta phải giữ cái tinh-thần Nam-Việt mà theo hình-thức Âu-châu, bỏ bớt từ-chương, đưa vào công-nghệ thì hạt Văn-minh Mã-lạp, ơn nhờ Đại-pháp đem lại cho ta, có nhẽ đất Nam nhờ vận nhờ thời, lại gây được cây văn-minh tươi-tốt, để quả ngon mà làm giống về sau.

Trước-tác tri-sĩ Ngô Vi-lâm

THƠ CA LAI - CẢO

Tự-thán

(Thơ liên-ngâm)

I

Xấu số nên mang cái nợ đời.
Nợ đời dạn-điu biết bao thời!
Hai mươi năm lễ khi nồng, nhạt,
Một cuộc phong-trần lúc tế, vui.
Nào nhục, nào vinh, nào quyến-ái,
Cũng thua, cũng được cũng tươi-cười.
Ở đời nên phải theo đời vậy,
Danh-lợi chi mà thế thế thôi!

II

Danh-lợi chi mà thế thế thôi!
Ấm no xong việc mặc chê cười.
Danh này ai muốn xin nường cả,
Giá định bao-nhiêu chẳng lấy lời.
Cơm nặng áo giày chưa để báo,
Giấu xưa, nghĩa cũ buộc giàng ai.
Ngẫm mình hồ-thẹn cùng non nước;
Hèn yếu làm chi một kiếp người.

MINH-CHÂU

Tả cảnh làm Giáo-thụ

Có chỗ hơn mình có chỗ thua,
Nhà đường cây mít cũng ơn vua.
Mai chiều chủ bếp vừa sai các,
Lui tới thầy nho đủ nói đùa.
Cây cỏ kia thường như gấm trải,
Gió trăng đây chẳng tốn tiền mua.
Cầu kinh liếng trống và ba tiều,
Cũng một ông sư giữ một chùa.

VÕ-THÁI NGỰ-SỬ

Ông Ngự-phủ

Ngựa xe giông-giã thiếu gì đàu,
Vui vẻ giang-hồ mậu thú cầu.

Nổi gót Nghiêm-quân miền Bạch-thủy
Vất cần Lữ-vọng chốn thanh-lưu.
Một dây tiết-nghĩa toan phò Hán,
Nửa mũi khôn-kiến sẽ giúp Châu.
Trong cuộc trần-ai ai cũng thế,
Tơi mưa nón nắng khách công hầu.

Vịnh mưa đông

Trận gió ào-ào thổi,
Con mây phới-phới bay.
Nước non đều ảm-đạm,
Ngành ngon thấy lung-lay.
Lát-dật ong về tổ,
Lao-xao én lạc bầy.
Mau-mau tìm chốn núp,
Sấm sét đã gần đây.

Âu-châu chiến-cuộc

Một cơn gió bụi nổi thịnh-linh,
Biển động năm châu dậy sóng kinh.
Vụt-vụt tàu bay mây tổ mỗ,
Đùng-đùng súng nổ đất rung-rinh.
Máu vào mình đổ cây thơm-phức,
Thây dã-man trôi nước thối ỉnh.
Ao ước bán cờ mau mãn cuộc
Thâu về trường sĩ cứu sinh-linh

Hiệp-tá đại-học-sĩ tri-sĩ

HUYỀN-CỒN

Chữ tang-bồng

Kề-lễ làm chi chữ bắc đồng,
Làm giai phải có chút tang-bồng.
Đã đưa chân bước vào danh-lợi,
Là sẵn lòng vui với núi sông.
Trăm tuổi ví dụ đem bỏ số,
Một đời như thế cũng bằng không.
Ông giới đáng cũng xui ta nhảy,
Nên mới quảng cho một tiếng « Thông »

Mị-châu

Những mong rồi lại lừa dối ta,
 Dầu bề ai ngờ bỗng sảy ra.
 Đã chót vì tình chao nỏ bâu,
 Thì xin giữ ước dắc lòng nga.
 Ba sinh tráo trở duyên cầm-sắt,
 Một phút thay rồi việc quốc-gia.
 Chẳng có móng rùa đầu thế nhĩ ?
 Máu-me xin chuốt ngọc trai già.

Phượng-vũ PHẠM MINH-NGUYỄN

**Mông 5 tháng 5 cùng bạn
chơi sơn-thủy**

Lác-dác mưa nguồn mấy hạt sa,
 Con đường rộng thẳng có hai ta.
 Kìa sông hát-thủy lòng trong xuốt,
 Nọ núi Trầm-sơn đỉnh biếc pha.
 Rộn-rịp cầu đường người qui tiện,
 Xôn-xao quán chợ khách bôn-ba.
 Tìm tiền ướm hỏi chàng Lưu Nguyễn
 Lối đạo Thiên-thai mấy dặm mà...?

Mai-Cương NGUYỄN HỮU-THIN

Tiến bạn đi Sài-gòn

Kẻ Bắc người Nam một tiếng còi
 Trông ra thăm-thăm giả bồi-hồi.
 Hai tay nâng mũ bên lầu ngọc,
 Một tiếng ô-voa ngon nước xuôi.
 Nọ mỗi trương-tư vương lại đó.
 Kìa người tri-kỹ tềch xa khơi
 Thờ-ơ cảnh cũ ai chẳng nhớ,
 Một khối tình riêng khó hết nhời.

An-hòa NGUYỄN KHẮC-NHƯỢNG

Lên Ai-Vân

Ngang giới lưng-lững Ai-vân-quan,
 Một bước trèo lên một bước khoan.
 Thành đá rêu in còn đứng vững,
 Súng gang mây phủ một màu khan.
 Sóng dồn cửa bể nhỏ đầu bạc
 Giăng dựng sườn non lộ mắt vàng.
 Thủa trước dấu thơm ghi để đó,
 Làm gương kỷ-niệm với giang san.

TRẦN HỮU-GIƯƠNG

Trách bóng trong gương

Tệ làm chi lắm ai ơi ?
 Một hình một ảnh nở rời nhau ra !
 Gặp nhau từ ở đấng xa,
 Lại gần vẫn tưởng rằng là gặp nhau.

Nghĩ rằng « chẳng trước thi sau »,
 Nào ngờ giới thăm vực sâu thế này ?
 Phải rằng cách mấy từng mây,
 Phải rằng sóng cả nước đầy cho cam.
 Thời thời giới chẳng cho làm
 Mặt tuy thấy mặt lòng ham được nào.
 Trơ-trơ đứng đó mà cao,
 Không sông không núi mà giao vũng chưa

Riêng-lư TRẦN THÁI-KHANG

Tượng đồng vua Lê-Tò

Non nước sinh thay đất Lạc-Hồng,
 Diêm tô này một đứng anh-hùng.
 Thái-già khuất bóng Trưng-quang-đế,
 Nam-lĩnh nên cơ Đại-dinh-công.
 Chí nhưn gây nên nền sự nghiệp
 Gươm thần rửa sạch then non sông.
 Nhị Nùng bia kỷ ơn còn đó,
 Chi kê nhóm-nhem cái tượng đồng.

Lý-ông-Trọng

Hơn trương đường-đường Đại-trượng-phu,
 Nương chân nấp bóng tiếng nghìn thu.
 Non sông Hồng-lạc coi mà nhãng,
 Quán trườe Roanh-tần nghĩ cũng to.
 Chím Việt cảnh Nam còn hồ-thẹn,
 Tượng đồng đất Bắc dễ thom-tho.
 Khi thiêng đúc lại người anh-khệt,
 Có cốt chi đem nạt rợ Hồ.

Vú em ngồi xe nhà

Ngắm cảnh treo leo muốn hỏi giới,
 Đặt bày chi lắm nhẽ chêu người.
 Vắt chân chi vú ngồi ra rắng,
 Cầm cò aoh xe chạy hết hơi.
 Kẻ hạ người bầu coi một lứa,
 Chúa nhà con ở rõ đôi nơi.
 Cái vinh cái nhục gương là đấy,
 Ấp bóng thẳng em cũng đủ chơi.

Khuê-oán

Bến Tương gia-giả tiếng quyên-ca,
 Gió thổi cây rung bóng nguyệt tà.
 Khi vắng nghĩ mong khi có mặt,
 Nỗi gần thêm sót nỗi người xa.
 Quên son nhãng phấn đầu còn đáng.
 Gối tuyết đầm sương mấy lúc già.
 Cái ẩn phong-hầu cay ác thật,
 Đạm nghìn sui đục kẻ xông-pha.

Mai-khê, NGÔ THỨC-TỬ

Tắm sớm

Mơ-màng sức tỉnh giấc đang nồng,
 Bước dậy trông giờ đã rạng đông.
 Đả rập khăn bông thân trắng nột,
 Mây quang khí tạnh nước xanh trong.
 Mây râu mang lấy thêm phiến nôi!
 Xiêm áo dầm nhau há nhẽ không.
 Trần cấu bấy nay rầy rửa sạch,
 Thoả lòng vũng-vẩy bề mênh-mông.

MÂN.

Sấm

Nợ thì đòi, nợ thì đòi, anh đổ ai tránh khỏi
 cái nợ đời, thành Sầu bề Thảm đẽ mấy người
 qua lại vọt qua. Chúng anh đây chịu tiếng
 mắt lòa, cung đàn dịp phách với một và cái
 chị thanh-manh. Đưa nhau ta lên thác xuống
 ghềnh, găm gởi chúng anh đi khắp cho bỏ
 cái công anh đội gươm. Muốn lòa khó lắm em
 ơi!

Nam-định, NGUYỄN VĂN-ĐẠT

Muỗi-hóm

Bèm lạng gió nực-nồng khó ngủ,
 Lại vo-ve kéo lũ bèn tai.
 Quạt sưa tay đã chẳng rời,
 Im tay nghe vẫn quanh người như ong.
 Lòng dận dừ pha lòng vì nề,
 Mới đem nhời kẻ lẽ gần xa:
 « Kiếp người ta vẫn là ta,
 « Văn-manh kiếp bác vẫn là văn-manh.
 « Có chi bác đơng nanh vũ cánh,
 « Chỉ lằm-le đến canh chèo người?
 « Thù-bần chi bác với tôi?
 » Hay toan độ-chá cõi đời đầy chẳng?

Vinh Nữ-giới-chung,

Nữ-giới chuông khua khắp Á-Đông,
 Quần-thoa rầy cũng nầy anh-hùng,
 Tửu đem chất yếu liều gan sát
 Nên tỉnh hồn mê giậy tiếng đồng,
 Châu ngọc mấy lời ghi lọt gia,
 Đồng-tâm ai kẻ lắng tai cùng.
 Mây râu hỏi khách ai bay chữa?
 Này chị em ta mới nổi công,

THU-ANH

Con gái quan huyện Ân-Thị DƯƠNG TỰ-NHU

Đồng Thiên Vương

Mấy tụi đương măng, mấy tụi già,
 Việc đời trật đến bé lên ba.
 Thăng-bình một hội oai ông trẻ,
 Sinh-hóa nghìn thu truyện nước nhà,

« Kia lục-súc há rằng chẳng béo?
 « Lai vụng về không khéo đuối sưa.
 « Dùi-mài mặc bác sớm trưa,
 « Còn tôi với bác nên chừa nhau ra.
 « Hay lòng bác thể đã chưa đủ?
 « Thời căng cho tôi ngủ bây-giờ.
 « Sáng mai tôi sẽ xem rò,
 « Chỗ nào bác đứng tôi thò tay dăng».
 Muỗi nghe nói xem chừng hiểu ý,
 Bồng giã nhời thủ-thỉ bèn tai.
 « Khôn-ngoaan bác cậy là người,
 « Vẫn còn chưa hiểu tinh đời hay sao.
 « Dù nhỏ-mọn nhớn-nhao cũng mặc,
 « Chỉ ăn nhau trí lực mà thôi.
 « Con chim bay bồng lưng gươm,
 « Vì ai lỏng cánh tôi-bờ phải sa?
 « Kia lục-súc cũng là vạn-vật,
 « Có vì đâu kẻ giết người nuôi?
 « Nhỏ-nhen cho đến kiếp ruồi,
 « Chẳng chằm chẳng đốt thấy người là sưa
 « Người như bác tranh-dua no kém,
 « Người với người đăm chêm thiếu đầu.
 « Đổng Tây xem lưỡng bán-cầu,
 « Kể hèn người yếu dễ hầu được yên?
 « Máy bay nọ liệng trên không-khi
 « Tàu ngầm kia lặn khe cùng đơng.
 « Chẳng qua ru liệng nực-cường,
 « Hờ cơ hồ dễ ai nhường chi ai.
 « Thôi công-lý xin cài một só,
 « Lý-lăng chi chớ có cường-quyền.
 « Đạp sưa mặc sức giữ-gìn,
 « Bác mà mất nhắm tôi liền nọc sa»
 Nghe muỗi nói cho là loài bốt (boche),
 Đánh nhói đầu đã đốt liền ngay.
 Hùng-hăng vừa sắp giương tay,
 Vo-ve thủng-thủng muỗi bay mất rồi.
Mai-khê, NGÔ THỨC-TỬ

THƠ - VĂN ĐÀN - BÀ

Nỡ cứ mần-thình cho giặc thể,
 Đã rằng mang tiếng có mình ra.
 Ngẫm xem trị loạn Âu là số,
 Có nhẽ lung-tung rứa mãi à.

Triệu-Ấu

Hai bà Trưng trước mới qua đời,
 Bà Triệu nay ra lại nầy nời,
 Vị nước toan sưa quân giặc chuột,
 Franh-son hăng dữ thể đầu voi.
 Mới hay n' hĩa liệt riêng phàn nhất
 Dấu đến giai hùng dễ sánh đôi,
 Một ả anh-thư ba thước vũ,
 Tượng đồng tộ lấy chị em ơi.

ĐẠM-TRAI, PHẠM chính-thất

TẠP-TRỞ

Nghiên-cứu cái tình-hình kinh-tế của nước Tàu (1)

(Coi báo « Economie » kỳ tháng Janvier và Février năm nay tại Paris)

Xét tự khi nước Pháp khai-chiến đến giờ, những sự vận-tải ở trên mặt bể thường sợ có khi không đủ và tàu-bè đi lại một ngày một giảm ít đi, mà những lương-thực thì vẫn phải mua tự nước ngoài, hóa ra chính-phủ cậu-lai đối việc vận-tải trên mặt bể cực là chú-ý. Và lại tự sau khi chiến-tranh xảy ra, nước Pháp đã đem những tiền vàng thâu tàng cả, những tiền thông-dụng thì trừ ra đã phát-hành ít nhiều giấy bạc nữa, lại đúc thêm những tiền bạc nhiều lắm. Cứ lời báo-cáo của Tài-chính-bộ bên Pháp rằng năm 1914 phát-hành tiền bạc cộng có 86.338.362 quan (francs) năm 1915 cộng có 154.283.613 quan : ấy là kể cái số phát-hành ở trong nước như vậy, còn ở các thuộc-địa thì không kể. Phát-hành thêm năm 1916 số là bao-nhiêu thì chưa công-bố. Nghe nói nước Ấng-lê tự khi khai-chiến đến giờ cũng đúc thêm tiền bạc nhiều lắm, cái số lại quá hơn nước Pháp vậy. Vì cơ đó, giá bạc của các nước cứ một ngày một cao lên, mà giá vàng thì một hạ xuống.

Gần đây nước Pháp lấy sự buôn-bán và tài-chính của nước Tàu làm chú-ý lắm. Tạp-chí « Economie » ở Paris có đăng một bài luận dài lắm, đề tên là « Nghiên-cứu cái tình-hình kinh-tế của nước Tàu ». Bài luận này một là nói về cái tình-hình đã qua rồi của nước Tàu; hai là kể những chính-sách của các nước đối với Tàu; ba là bàn những phương-

châm của nước Pháp dự-bị để sau trận đánh nhau này đối với Tàu lấy cái chính-sách thế nào. Những nhời bàn-luận cũng so-sánh rõ-ràng lắm.

Kể ra bài này cũng có giá-trị lắm, báo Ấng-lê và các báo có dịch ra đăng cả. Tôi cũng bắt chước dịch ra chữ Quốc-ngữ, mà do theo chữ Ấng-lê và kê-cứu nguyên-văn chữ Pháp dịch ra. Tưởng bài này cũng có ích cho những người muốn khảo-sát những cơ-giới và tình-hình nước Tàu bây-giờ.

LỜI NGƯỜI DỊCH.

* *

Kể từ ngày 14 tháng tám Tây năm ngoài Chính-phủ Tàu đã tuyên-chiến với Đức sắp đi, thì Tàu bên là một nước ở mé bờ Thái-bình-dương mà tuyên-chiến với Đức sau chót hết cả. Nhưng vì cơ sao Tàu vào chiến-cuộc với các nước thì đã rõ-ràng lắm. Bởi vì tự khi Mỹ cùng Đức đã tuyệt-giao rồi thì Tàu cũng tức-thời đem quan Công-sứ đóng tại Đức triệt về, có ý phỏ rõ ra rằng Tàu cũng theo Mỹ hành-dộng như nhau. Nhưng sau này nhân người Đức âm-mưu để gây loạn trong nước Tàu, hóa ra mới thành có cái phong-trào để khôi-phục vua cũ lại, thì việc khai-chiến với Đức nhân đó mà ngăn lại mất ít lâu. May sao việc mưu-phục vua đã thất-bại rồi Phó Tổng-thống là Phùng Quốc-Chương kế ngay lên làm Đại Tổng-thống; từ đấy thời cái việc

(1) Bài này đáng nhẽ đăng vào mục Xã-thuyết thời phải, nhưng tiếp được ông Dương Tự-Nguyên gửi về trẻ nên hăng tạm cho đăng vào mục Tạp-trở kỳ này một ít để sớm công-chúng-lâm.

khai-chiến với Đức mới thành ra là một cái vấn-đề quyết trước được. Đến khi cái nghị tuyên-chiến đã quyết-định rồi, thì người Đức mới vì đó mà nào-dộng một cách cực-kỳ là ghê sợ, vì rằng cái dã-tâm của người Đức đối với cái đại-lục ⁽¹⁾ ở bên Á-đông này, và cái chính-sách sâm-lược ⁽²⁾ về kinh-tế của họ đều nhân từ đó mà thua xút và tiêu-tán mất cả.

Tự khi bên Tây có sự chinh-chiến đến nay, Mĩ và Nhật, hai nước ấy đều lợi-dụng cái thời-cơ ấy mà hết sức mở-mang những nghề buôn-bán của bốn-quốc họ. Tàu cũng có cái địa-vị giống như Nhật và Mĩ vậy, vả lại trong nước còn có nhiều những phú-nguyên ⁽³⁾ hơn nữa, mà không được ích-lợi gì cả, là cớ tự trong nước không khi nào yên-ổn cả. Tự năm 1911 đến giờ, chinh-cuộc nước Tàu cứ biến-động luôn mãi, trong năm, sáu năm giờ thì không năm nào là trong nước không có sự đánh nhau sất. Gần đây cộng-hòa đã khôi-phục được mà đối với Đức đã chinh-thứ-tuyên-chiến rồi thì cái chinh-cuộc của Tàu sau này hoặc-đã có cái hi-vọng làm cho tròn- vẹn lại được chăng.

I

Tài-chính của nước Tàu

Muốn xem cái tài-chính của một nước thì ắt trước hết phải xét cái số xuất nhập của nước ấy nhiều ít là đường nào thì mới rõ được. Hãy cứ thử đem cái án dự-toán của Tàu hồi

năm 1917 mà nghiên-cứu cái nội-dung thì thấy :

Một năm tổng-số	
nhập...	472.838.584 lượng bạc
— xuất...	472.838.584 »

(còn cái biểu kê số vật-vĩnh sao trong án dự-toán của Tàu lược đi). Trong cái tổng-số nhập một năm, thì có những thứ như sau này là nhiều hơn hết :

Thuế ruộng...	90.115.784 lượng bạc
— đoan ⁽⁴⁾ ...	7.305.623 »
— muối....	96.767.014 »
— ly ⁽⁵⁾	42.719.194 »

các nhà Đoan ở mấy cửa bể đất Tàu thì đều do mấy người Tây quản-lý cả. Phàm những thứ thuế tiến-khẩu và thuế tàu bè các nước ra vào đều thuộc về các nhà Đoan kinh-lý hết. Đến như tinh-chất cái thuế Ly thì không được tốt bằng cái thuế Đoan là vì nó có trở-ngại đến việc giao-thông trong nội-địa, và những hàng-hóa cũng bị đình-đuyệt nhiều lắm.

Các nước trong thế-giới này kể mang nợ nước ngoài nặng như nước Tàu ấy cũng thiệt là ít thấy lắm. Mà sở-dĩ nước Tàu mang nợ cứ một ngày một nhiều thêm mãi là vì Nhật-bản và Mĩ cùng các nước bên Âu-châu đều tranh nhau bỏ vốn vào nước Tàu để hồng có thể chiếm-lĩnh được cái thị-trường ⁽⁶⁾ ở Tàu chăng. Trước khi bên Âu có trận đánh này, Tàu cũng đã mắc nợ đến 161.755.767 Boong vàng ⁽⁷⁾ rồi. Cứ theo nhời nói quan Lãnh-sự Mĩ là ông EMFUY rằng nước Tàu mộ-tập những công-trái ở nước ngoài, hình

(1) Đất bằng và to lắm.

(2) Lấn cướp.

(3) Mối lợi, chỗ nhiều của, nguồn giàu.

(4) Tức là thuế quan, thuế nhập-cảng xuất-cảng.

(5) Nguyên-danh là Ly-thuế (釐稅) là một thứ thuế đặt ra tự hồi nhà Thanh của Tàu, tức mấy chỗ yếu-địa các nơi đều đặt ra những chỗ thu thuế gọi là gát-lục (卡局) để đánh thuế những hàng hóa đi lại của mấy người đi buôn. Đại-khải cứ chiếu theo vật-giá cân nặng nhẹ mà đánh thuế, hóa ra gọi tên là Ly-thuế. Hồi đầu nhân quân-phí từng thiếu mà sinh ra thứ thuế đó, sau lâu quen thành chính-gạch.

(6) Tức là chỗ buôn-bán những hàng-hóa. Chỗ thành-thị. Chữ Tàu là 市場.

(7) Tên bạc Anh-lê, làm bằng vàng, giá mỗi Boong hồi trước được gần 10 đồng bạc bây-giờ sút đi còn có 6 đồng hơn thôi. Nguyên chữ Anh-lê là Pound, Tàu dịch là 金鎊.

như lấy cái chính-phủ ngoại-quốc làm người kinh-lý cho mình vậy. Không những thế mà thôi đâu, trong nước Tàu hề bao-nhiều những mối lợi về đặng doanh-nghiệp⁽¹⁾ của chung của nước như là các thứ mỏ⁽²⁾, đường xe-lửa, xe-điện, và điện dưới nước v. v., đều do tay người nước ngoài khai-sáng cả. Đến như người bản-địa⁽³⁾ mà biết tham-dự vào những công-cuộc đó thì cực-kỳ là ít thôi. Cái phạm-vi của những người bản-địa bỏ vốn ra thì bất-quá cũng chỉ lấy những cái doanh-nghiệp về đặng bất-động-sản⁽⁴⁾ làm hạn thôi; chớ họ đối với những cái tính-chất động-sản thì còn mơ-hồ chưa có kinh-nghiệm gì cả.

Những nợ-nần của Tàu bây-giờ là bắt đầu tự trận đánh nhau năm 1894 làm khởi-điểm. Trận đánh nhau năm đó thì Tàu bị Nhật-bản đánh thua, phải bồi-thường tiền tổn-phí là 330.000.000 lạng bạc. Hồi đó nhân được quan Tài-chính đại-thần nước Nga tên là Uýt-tờ (WITTE) giúp-đỡ, thì chính-phủ Tàu mới được tại Paris một-tập những công-trái số-ngạch là 400.000.000 quan (francs) do ở chính-phủ Nga thay làm đân-bảo cho. Tự trận đánh năm đó sắp sau, nước Tàu tuy không đánh nhau với nước nào nữa, nhưng trong nước cứ thường có nội-loạn, thì nợ-nần cũng cứ một ngày tăng thêm mãi lên. Coi như một việc biến-loạn về quyền-phủ thì cũng đủ làm một cái tỷ-dụ. Sau khi cái giặc đó đã bình-định cả, các nước đều bắt phải bồi-thường phí-tồn, chải qua mấy thứ hội-nghị mãi, rồi mới định được cái tổng-số tiền phải bồi-thường là 450.000.000 lạng bạc. Nhân phải bồi-thường cái

khoản tiền ấy, hóa ra chính-phủ Tàu đến năm 1901 lại phải phát-hành một thứ trái-phiếu 96⁽⁵⁾ kỳ hạn từ năm 1902 đến năm 1914 thì phải giả xong hết. Thứ-ngoại còn những vay nợ để làm đường xe-lửa, vay nợ để sửa-sang việc trong nước, vay nợ hạn kỳ ngắn thôi, và các tỉnh trong nước Tàu tỉnh nào cũng có vay thêm nữa; tổng-cộng những các số vay cũng đã đến hơn 171.906.000 Boong vàng.

Từ đây sắp sau, kể những việc khai-khẩn những phú-nguyên trong nước Tàu loại như làm đường xe-lửa vậy. (Tự năm 1914, đường xe-lửa của Tàu còn đương trắc-lượng để làm ấy thời ước có 9.600 ki-lô-mét, những đường đương làm ấy ước có 3.680 ki-lô-mét, những đường đương nghị để làm ấy ước có 1.400 ki-lô-mét) thời Tàu còn phải nhờ-cậy đến những tư-bổn của nước ngoài nhiều lắm. Các nhà tài-chính của nước Pháp ta cũng phải lưu-tâm nghiên-cứu những tình-hình tài-chính nước Tàu mới được. Song ngặt vì cuộc chiến-tranh ở bên Âu chưa rồi, các nhà tư-bổn của nước Pháp ta đều bị những việc binh-lính hấp-thâu cả. Lấy cái tình-hình bây-giờ mà xét, thì việc bỏ vốn vào bên Á đông này, sợ cũng phải nhường cho Nhật và Mỹ hai nước ấy thôi.

II

Thương-nghiệp của nước Tàu

Sự chiến-tranh bên Âu xảy ra tuy cho Tàu lấy ngàn năm được một cơ-hội ít có ấy, nhưng Tàu không có chút nào tính-ngộ cả; họ đối với những cơ-hội

(1) Nghề gì làm cho có lợi ra.

(2) Như mỏ than, mỏ sắt, mỏ bạc v. v.

(3) Tức là bản-địa nước Tàu.

(4) Là những thứ của không động-đậy được, như là ruộng, đất, vườn, nhà-cửa v. v., chừa ra thì còn tính những động-sản cả.

(5) Hồi cho vay tiền thực chỉ có 96 đồng mà tính làm 100 đồng, trong 100 phần chỉ có 96 mà thôi.

dó đã mơ-hồ bỏ quá đi quen lâu rồi. Năm 1915 và 1916, trong hai năm đó, những đồ nguyên-liệu ⁽¹⁾ của Tàu vận ra ngoại-quốc, tuy có tăng hơn những ngạch khi trước nhiều thật, nhưng phỏng-sử người Tàu mà biết rõ cái mối lợi của bản-quốc họ ở chỗ nào, thì chắc là được lợi-ích không những chỉ thế mà thôi đâu.

Chính-phủ Tàu thời vì một nỗi cứ bị bó buộc vào những sự tranh quyền-chính trong nước, đã không có lúc nào nhân-hạ để đem nghiên-cứu những các vật-phẩm phải cần dùng trong trận đánh nhau bên Âu hay-giờ để nhất-nhất hiểu-dụ cho người trong nước biết; lại thậm-chí những phương-pháp mà hiểu-dụ và dẫn-đạo cho nhân-dân cũng chỉ là đơn-bạc. Chỉ vì có đó, mà những bạn thương-nghiệp và bạn thực-nghiệp của Tàu đối với những tình-hình buôn-bán của các nước và giá-cả hàng-hóa cao thấp thế nào cũng không thể sao mà tra-khảo được; bất-đắc-dĩ họ lại phải nương-tựa mấy người ngoại-quốc buôn bán ở các chỗ đất thông-thương mà thôi. Và lại tàu bè đi lại bớt ít đi, mà tiền cước vận-tải thì tăng cao lên; những hàng-hóa của Tàu chở sang Âu, Mĩ mới phải chịu cái ảnh-hưởng to lắm. Vì rằng những đồ xuất-khẩu của Tàu tinh những là đồ nguyên-liệu còn thô cả; mà những đồ đã thô cả thì chắc là không gánh nổi được những tiền cước cao như vậy, hóa ra xuất-cảng phải chịu nhiều bề trở-ngại lắm.

Cái tổng-số cộng những giá hàng nhập-khẩu nước Tàu:

Năm 1914 là..... 74.564.284 Boong vàng

Năm 1915 giảm đi còn. 58.939.819 » »

Phần lại, thì số giá hàng Xuất-khẩu của Tàu kể:

Năm 1914 chỉ có..... 47.116.453 Boong vàng
 Năm 1915 tăng đến..... 54.321.069 » »

Cái biểu sau này kể những giá hàng Nhập-khẩu và Xuất-khẩu nước Tàu.

Nhập-khẩu

(Tinh theo Boong-vàng của Ấng-lê)

TÊN NƯỚC (tức ở đầu lại)	NĂM 1914	NĂM 1915
Anh (Angleterre)	14.340.061	10.192.671
Hương-cảng	22.754.829	19.270.318
Ấn-độ (nde)	5.348.396	5.285.180
Nga (Russie)	2.995.218	2.208.215
Pháp (France)	638.208	738.671
Đức (Allemagne)	1.927.541	20.809
Ý (Italie)	106.109	53.74
Mĩ (Amérique)	5.573.652	4.804.072
Nhật (Japon)	16.493.87	16.430.54

Xuất-khẩu

TÊN NƯỚC (tức chỗ đi đâu)	NĂM 1914 (Boong-vàng)	NĂM 1915 (Boong-vàng)
Anh	3.012.549	5.624.401
Hương-cảng	12.764.632	13.595.8
Ấn-độ	92.167	1.030.061
Nga	5.670.862	7.703.262
Pháp	3.124.515	4.181.783
Đức	1.404.150	10
Ý	722.636	1.211.68
Mĩ	5.447.652	7.857.205
Nhật	8.675.169	10.873.67

Lại lấy mấy thứ hàng trọng-yếu trong đám xuất-cảng, nhập-cảng của Tàu mà bày làm một cái biểu để cho dễ nghiên-cứu, và để bày-tỏ ra cái trận đánh ở bên Âu đối với Tàu sinh ra được những cái ảnh-hưởng thế nào?

(1) Là cái tài-liệu để làm đồ vật dùng, nhưng còn nguyên chưa chế-tạo ra cái gì cả: như kén để làm lụa bông để làm vải, gỗ để làm bàn ghế, thì kén, bông và gỗ là nguyên-liệu.

Tên mấy thứ hàng trọng-yếu
(Tính theo Bảng-vàng cả)

HÀNG XUẤT-KHẨU	NĂM 1915	HÀNG XUẤT-KHẨU	NĂM 1915
Vải-dày	19.362.410	Bạc	5.136.048
Thuộc-phận	3.393.292	Bông	1.820.978
Những đồ dệt bằng lông	324.362	Dầu các thứ cây	2.150.614
Kim-thuộc	2.393.418	Vàng	1.234.452
Caô	365.805	Tơ	13.071.161
Thuộc-điều	1.015.858	Các giống súc-vật Thuộc	2.181.044
Than đá	1.050.893	Chè	1.199.195
Củ	1.931.345		7.201.208

Những thứ hàng của Tàu để cho các nước ngoài phải cần dùng đến thì có những thứ, như là : dầu các thứ cây, thóc gạo, tơ, chè, da thú, lông thú, và vài ba thứ khoáng-chất nữa, là nhiều hơn hết. Xét trong cái biểu kê những thứ hàng xuất-khẩu, ở trên này, thì thấy có *tơ* và *chè* hai thứ đó là chiếm phần nhiều hơn hết, kể được gần một nửa trong cả cái tổng-ngạch những hàng xuất-khẩu vậy. Song *tơ* và *chè* hai món ấy cũng gần cho là một thứ hàng sa-sỉ, tuyệt không có can-thiệp gì đến việc chiến-tranh cả. Cứ chiếu theo đó mà xét thì biết rằng cái trận đánh ở bên Âu-lâm ơn cho bạn thương-nghiệp của Tàu cực là ít-òì lắm...⁽¹⁾

(Con nữa) DƯƠNG TỰ-NGUYỄN.
dịch báo Tây

Chú-đường-xuân

書堂春新曲

TƯƠNG-TỰ

Gió thu mở-mặt bụi hồng bay,
Giời cao tan-tác vầng mây,
Thương người, nhớ cảnh, da khòn khuây,
Nước mắt vơi đầy

Mời biết tương-tư là thế,
Cùng ai tình-tự dãi-bày ?
Ai biết cho không ? nổi nước này :
Như đại như ngày.....

Lương-diễn, NGUYỄN VĂN-TẤN.

(1) Còn những đoạn sau này sẽ in tiếp : III. — Thực-nghiệp của nước Tàu. IV. — Nguyên-nhân nước Pháp buôn-bán ở Tân-kém-sút. — V. — Sự phát-triển về đảng buôn-bán của liệt-cường đối với Tàu. — VI. — Phương-kế của nước Pháp để chỉnh-đốn việc buôn-bán với Tàu.

THỜI - ĐÀM

VIỆC LỚN THẾ - GIỚI

Tin Âu-chiến. — Đương trong cơn loạn-lạc này bọn ta sinh-hoạt trong cái võ-dài sắt-máu, há dám bảo có cái tri-xâu-xa gì mà dám quyết được thời-cục xoay ra thế nào! Thế như trông giáp-quả mà đoán được át-nhâm trông binh-nhân mà suy được đình-quả, thời ta nhẽ nào lại không có cái tri suy-đoán ấy. Ta dám quyết rằng quân Đức phen này, mà đi thời chỉ việc lụn-bại không còn có cất đầu lên được nữa. Vì sao? Chỉ là gần đây tin-tức ở chiến-trường lại, ta xem tin nào cũng là cuộc thắng quay cả về Đồng-minh, ngọn cờ khải-hoan đã có hi-vọng phát-phối trên đại-lục, mà giống điều-đương thời hăm-hố của chúng tức là cái sinh-phần của chúng không còn ngờ chi nữa.

Tin-tức ấy là khôi-phục được các tỉnh-thành, làng-mạc nhiều lắm mà từ cuối tháng tám Tây sang tháng chín Tây này mà đi càng ngày càng khôi-phục lại được thêm. Những điện-báo ngày 28 tháng tám Tây (Août) đến ngày mồng 2 tháng chín (Septembre) tới ta đây thời rằng: quân Đức lùi về mé A-vi-nhê (Avre) trên trần-tuyến 20 kilômètres, ta lấy lại được 30 làng, và tiến được 12 kilômètres.

Những quân Anh sẵn xông vào hàng trận quân Phổ và chiếm được vô-số làng.

Quân của quan Nguyên-soái Bá-ba-nai (Debenay) tiến được 5 kilômètres vào khoảng Lộc-gia-sĩ (Loges) và Phong-tư-nại (Fontenay) bắt được giặc. Tòa điện-báo Hà-việt-sĩ (Havas) thông-tin sang rằng: tính tổng-cộng số binh mà Đồng-minh bắt được của giặc là 80.000. Ấy là tính cái số trong mấy ngày đó mà thôi,

Tòa Điện-báo Lộc-tư Reuter) thông-tin sang rằng: quân giặc dùng khắp cả các nơi những súng đại-bác Kêu giải (Canons à longue portée) thế nhưng sau cái trận ở Thánh-mạt-đức (Saint madrid) quân Pháp được tướng-lanh tiến lên thời bắt gặp quân giặc đương ăn-nấp bấy giờ thế thủ của ta lại xoay ra thế khu-trực, quân giặc vậy.

Lại có tin quân Mĩ tụ lại đến 500.000 người làm cho quân Đức phải ưu-sầu vô-hạn.

Mà tin ở Nghị-viện Mĩ sang thời đã hoạch một cái chương-trình định sẵn 80 quân-đoàn hơn 3 triệu lính để đến tháng sáu (Juin) năm 1919 này sang Pháp và 18 quân-đoàn để lại làm dự-bị.

Nước Mĩ khai-chiến sau Đồng-minh cho nên số quân còn nhiều lắm, ta dám chắc rằng một phen này nữa thời là một phen kết-quả về cuộc chiến-tranh vậy.

* *

Mới rồi tin sang lại nhiều tin hay nữa, ngày mồng 8 tháng chín (Septembre) và ngày mồng 9 mồng 10 thời rằng: giặc sông Tùng-mạt (somme) quân Đồng-minh lại tiến được 8 kilômètres sang qua được sông đảo Thánh-cửn-tinh (Saint Quentin) chiếm được 4 nơi ở vùng đó mà lại tiến lên ở chung-quanh Sác-vật-sĩ (Servais) và về miền bắc đất Vô-xa-long (Vauxaillon), quân Mĩ lấy được đất Bình-cô-nhĩ (Biuscourt) quân Anh lấy được hai nơi ở gần rừng Hà-vinh-cốc (Havrincourt) và một phần lớn rừng ấy, rồi quân Đồng-minh lại chiếm được nhiều nơi nữa, quân giặc đánh lại nhiều trận dữ-dội lắm mà chẳng ăn thua gì cả, lại hại thêm nhiều.

Tuy quân giặc kháng-cự thế nào cũng không sao ngăn-ngừa được quân Đồng-minh tiến ở phía bắc sông Tùng-mạt (Somme) mà quân Anh đã phục lại được thế trận cũ cả rồi, lại còn tiến nữa.

Từ đó đến ngày 15 tháng chín tin-tức thắng trận vẫn lại nhiều, quân Pháp, Anh, Mĩ đã hết sức mà càng ngày lại tiến lên mãi do cái miền sông Tùng-mạt (Somme) mà phá giặc đuổi mãi lên thu-phục lại được nhiều trận giặc thua; ta nay chỉ ngồi đợi những tin sau này nữa, chắc càng lâu càng lắm đều hay vậy.

* *

VIỆC TRONG NƯỚC

Quan Toàn-quyền đi kinh-thứ Cao-miên. — Quan Toàn-quyền đi với quan đại-úy thủy-binh Ach-thiên-na Estienne) và quan Chánh tòa chính-trị Mã-dịch (Saint-Marty) sang Cao-miên hồi sáu giờ thứ hai

mồng 2 tháng chín Tây rồi đến Pnom-Penh để đem nhữ gnhời chân-trọng của Dân-quốc chính-phủ mà chúc tiệc khánh thọ (ngày sinh-nật) vua Cao-miên Sisowath hoàng-đế năm nay đã 79 tuổi giới.

Ngài đã nhân mà đi thăm các nhà máy ướp thịt, nhà máy tơ tằm, trường kĩ-thuật Cao-miên, sở thú-y vân vân...

Ngày mồng 5 tháng này ngài lại gởi về Sài-gòn, chiều thời nơi.

Khi ngài sang Cao-miên từ Hoàng-thất đến quan-liên cùng dân-sự đón rước rất là sùng-thượng, có nhiều bài diễn-thuyết rất là cảm-động. Thế mới biết dân-tinh trong năm xứ Đông-dương này ái-dái quan Toàn-quyền Xa-lô (Sarrault) tất cả, không riêng gì có bọn ta vậy.

* *

Hội chợ Hà-nội. — Tinh từ năm 1918 mà đi thời nhà nước định đệ-niên đến tháng chạp Tây thời mở một phiên chợ nhớn tại Hà-thành, gọi là Hội-chợ. Năm nay thời bắt đầu từ 15 cho đến 31 tháng chạp Tây (Décembre) tức là từ 31 cho đến 29 tháng 11 ta.

Họp chợ ở trường Đẩu-sào đường Hàng-cỏ, tòa Đốc-ly hiện đương đẩu-giá làm các nhà chung-quanh nhà Đẩu-sào để bày hàng hóa.

Phiên chợ này chỉ khác chợ ta rằng một năm mới có một phiên thôi. Cũng là một cách chiêu hàng với các nước ở Á-đông này cũng các nước Âu-châu. Và nhân đó mà biết được giá hàng của mọi nước mang đến. Nhờ có Hội chợ thời dân-gian cũng có nhiều bề ích-lợi; Hội này do phủ Toàn-quyền Đông-dương bảo-trợ cho, thuộc về của nhà nước, hội-sở ở tại Tòa Đốc-ly thành-phố Hà-nội. Các nhà buôn-bán nhà kỹ-nghệ muốn hỏi han gì đã có một quyền điều-lệ bên chữ Ta bên chữ Tàu, nói tinh-tướng lắm.

* *

Có khỏe mới được. — Từ ngày nhà nước sang bảo hộ ta đến nay, các nhà nhiệt-tâm với quốc-vận, thường thường nói rằng quốc-dân phải đủ đức-dục, tri-dục, thể-dục, mới mong có địa-vị ở trường thiên-diễn. Đức-dục và tri-dục nước ta xưa kia đã có, lại nhờ giáo-hóa mới của nhà-nước vào thời cũng đã tiệm-tiệm phát-đạt, duy còn thể-dục thời còn kém-cỏi lắm. Mấy năm nay các bạn tân-tiến ta cũng đã có nhiều những hội đá bóng đánh quần lập ra ở Hà-nội, Mới rồi ở Thái-bình quan Công-sứ và quan Tuần-phủ cũng khích-lệ các bọn quan-trưởng, thương-lân và sĩ-phu chơi một hội gọi là « Thể-dục thân-ái-hội » để tập thể-thao và đánh quần chơi, nghe đâu lại có định mua nhiều những thứ Nhật-trình tây và quốc-ngữ để rộng mở đường kiến-thức cho các hội-viên nữa, thực đáng hình-hương mà cổ-vô thay.

Nay chốn sông Nhị non Nùng này lại càng ngày càng tiến-bộ lên con đường thể-dục, các bạn thiếu-niên ta lại mới sáng-lập lên một hội thể-dục nữa, hội ấy định hai đều cốt-yếu nhất là:

1. Thể-thao theo phép của quan G. Hébert và chơi các trò thể-thao khác.

2. Giảng vệ-sinh về toàn-thể con người ta. Hội ấy có Hội Tri-ri (*Société d'Enseignement mutuel du Tonkin*) bảo-trợ, mà chương-trình thể-lệ thời quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã duyệt-y, có cho phép lạc-quyền, các thân thương trong thành-phố, nghe đâu tán-thành cũng nhiều lắm.

Ta ước ao rằng: những hội thể-dục như thế sau này tỉnh nào cũng đều có, mà nhân đây xin chúc cho hội Thái-bình và hội Hà-nội này cùng được vĩnh-viễn thân-ái mà dặt nhau lên cái võ-đài cường-tráng để theo thầy Đại-Pháp hùng-thị với năm châu bốn bề vậy.

* *

Sửa luật mới. — Ngày mồng ba tháng bảy năm thứ ba niên-hiệu *Khải-dịnh*, có giấy châu-phê trong Cơ-mật-viện lục ra như sau này: «..... Hoàng-thượng dụ rằng: chiếu trong tờ tư của quan Chủ-tĩnh Khâm-sứ chuyên-trình quan Toàn-quyền Đông-dương nói về sự thi-hành luật *Hình* mới ở Bắc-kỳ trong điều thứ 93 sao-lục ra có nói sót mất mấy chữ tưởng nên lập-tức cải-chỉnh bổ-túc để cho luật-văn được hoàn-toàn, mà các nha-môn tư-pháp được tuân đừ luật-y khỏi sự sai nhầm, mọi lẽ, thời chiều-chỉ trong cái luật-văn ấy có nói rằng: «Tù trốn đã bắt được thời người can về việc mất tù ấy vô-luận sơ-phông hay đồng-tinh cố-túng đều được tha.» Nhưng xét ra những trường-hợp ấy thời chỉ kẻ dám-thủ sơ-phông mới được tha, nếu kẻ đồng-tinh cố-túng thời tội phải nặng không thể dung thứ được. Bỏ là cái lý-do hiển-nhiên mà cái chính-y lập luật như thế đó, thời cho đổi lại bổ thêm vào điều thứ 93 như sau:

«Phàm kẻ tù-phạm đào-vong đã bắt được bị phạm hay là đã chết rồi thời kẻ can về tội đánh mất tù ấy xét ra mà hệ sơ-phông thời lập-tức được tha ngay bằng án chưa tuyên thời bắt-tắt thi-hành.»

* *

Thao-luyện làm quân. — Những các bạn thiếu-niên ta bây-giờ phải nên biết rằng: sức mạnh ngày nay là cần ở trong thể-giới, mặc nào quân hùng tướng giỏi ấy

là dữ vững tinh-mệnh ở hoàn-cầu, không sớm tập-luyện thời sao cho kịp được, nay đương có một dịp tốt nhà nước mới mở Pháp Việt binh-nghệ thao-luyện học-đường (*Ecole de Préparation militaire franco-annamite*) thời bọn ta nên hết sức mà tập-tành cho được nên người mạnh-mẽ để nước ta nên mạnh-mẽ với đời. Bản-chỉ lấy làm vui lòng mà dịch cái Nghị-định của quan Đông-dương nguyên-soái (Général Commandant en chef) là ông LEBLOIS đã ký ngày mồng 10 tháng chín Tây (Septembre) năm nay để giới-thiệu cho thanh-niên duyệt-báo chư-quân trường-lãm :

1. — Mở tại Hà-thành một trường Pháp-Việt binh-nghệ thao-luyện học-đường, cứ đệ-niên từ 15 tháng mười Tây (Octobre) đến mồng 3 tháng tư (Avril) năm sau, quyền cai-quản thuộc về một ông nhất-hạng mẫu-binh.

2. — Chương-trình học sẽ lập tự tòa Tổng-tư-lệnh, (*Etat-major*). Cứ tự mồng một tháng giêng làm đầu ; trong đó có dạy bắn súng trận mà nếu có thể dạy được thời sẽ dạy cả bắn súng lục nữa.

3. — Chỗ dạy thời ở tại trại kỵ-mã mà cứ tự 2 giờ chiều đến 4 giờ chiều vào ngày thứ năm và ngày chủ-nhật, quân kỵ-binh Trung-ủy đứng đầu học-đường cai-quản mà các viên huấn-luyện võ-nghệ (thầy-giáo) thời cho bài học.

4. — Những học thiếu-niên Đại-Pháp hay Đại-Việt muốn theo học những lớp ấy thời phải sớm xin biên tên vào sổ, đến trại kỵ-mã do quan Trung-ủy giám-đốc học-đường mà tinh-nguyện.

5. — a) Tinh tự mồng một tháng mười Tây mà đi thời người Tây ít ra cũng phải đến 15 tuổi, mà người Nam thời phải đến 16 tuổi, chỉ trừ ra những người sức vóc nở-nang thời nhận cho tuổi vào là 14 hay 15 cũng được.

b) Phải tới học chuyên-cần, chỉ trừ khi có phép quan Trung-ủy hay có việc gì quan-trọng thời mới được nghỉ. Bỏ vắng không đến học luôn-luôn thời bị đuổi hẳn.

c) Phải nộp tiền nguyệt-phí là 0 \$ 30 để vào sổ chi-dụng trong học-đường vì khoản ấy binh-gia không sẵn. Tiền nguyệt-phí ấy bắt đầu tháng học phải đóng ngay.

d) Phải mặc quần áo cho hợp-thức và có thể mặc bằng đồ vải vàng được thời hơn, nhưng ép phải đội một thứ mũ dẫu như mũ lính của cơ Bắc-kỳ lục-quân niên-thiếu-võ-bi thường đội, nhưng không có huy-chương ; nếu không có thứ ấy thời cũng có thể đội mũ lính đánh dấu được.

Quan-binh sẽ phát cho mỗi người học-trò một cái bằng bằng vải trắng có hình lựu-đạn bằng da đỏ ở trong, buổi học nào cũng phải đeo như thế.

e) Còn các lính ở trong cơ Bắc-kỳ lục-quân niên-thiếu-võ-bi (*Eclaireurs Tonkinois*) ăn-vận binh-phục của mình ra học cũng phải đeo bằng như thế. Tập-tành thứ gì thời cũng như các học-trò khác không phân-biệt chi hết.

6. — Đến cuối năm nhà trường thời sẽ phát bằng nhận-thực cho những học-trò đi học chuyên-cần.

Những người nào phải nhập-ngũ mà đã học túc-thành trong học-đường rồi, thời sẽ được cấp cho một cái bằng giống như ở Thê thao võ-bi học-đường bên Pháp và cũng được đủ quyền-lợi như thế, xem đây thời rõ :

Lúc mới nhập-ngũ thời được đeo huy-chương riêng, được đặc-cách chọn xem muốn vào quân-đoàn nào, được một hạn nghỉ hơn thêm 10 ngày nữa vẫn v . . .

7. — Cuối tháng chạp và tháng tư Tây, học-đường lại tuyển những tay học-trò giỏi để làm trợ-giáo giúp các huấn-luyện-viên ; trợ-giáo chia làm hai hạng, hạng nhất và hạng nhì, hạng nhì thời đeo một lon (galon) đỏ, hạng nhất thời hai lon đỏ.

Lần đầu khai-trường ra thời xem trong bọn học-trò ai học tấn-tới giỏi hơn thời bổ ngay chức trợ-giáo.

Các Trợ-giáo dùng dạy được ba mươi buổi thời cấp cho một cái bằng Trợ-giáo (*Diplôme de Moniteur*).

8. — Bất cứ lúc nào trong niên hạn học, học-trò kể nào trái kỷ-luật thời quan Trung-úy tư lên quan trên làm nghị-định phóng-xuất. Khi bị đuổi ra rồi phải giả lại bằng đeo tay của học-đường đã phát cho.

Lớp dạy cưỡi ngựa

Bình-nghệ thao-luyện học-đường sẽ mở thêm một lớp dạy cưỡi ngựa (*cours d'équitation*). Buổi học thời cứ 7 giờ đến 8 giờ sáng ngày chủ-nhật. Chỉ những học-trò có tên trong sổ ở học-đường mới được học mà thôi nhưng phải tính theo số ngựa của trong quân.

Học lớp ấy phải đóng thêm 0 $\frac{1}{4}$ 15 nguyệt-phí nữa.

Nam-Thù-Nguyên điệu

南 洙 源 新 調

I

ĐẠ-CẨM KÝ-TÌNH

Gió' lả cảnh tre,
 Gió lả cảnh tre,
 Bóng giăng chênh-chéch dãi dầu hè.
 Tiếng gà sao-sác,
 Giọng dễ tử-tê,
 Người một xứ,
 Ở đôi quê
 Đau lòng ai lắm,
 Nước non khuất nẻo di về,
 Vì ai đeo nặng gánh tình-sĩ.
 Thời thế thì,
 Thời thế thì,
 Sự đời tan hợp,
 Giấc mộng tỉnh mê,
 Giáp mặt cùng nhau sẽ giải-đề.

II

BI THUYỀN DỪA BÈ

Chiếc bách bo-vo,
 Chiếc bách bo-vo,
 Lênh-dênh dữa bề dưới giăng mờ.
 Máy che mù-mịt,
 Gió thổi vù-vù,
 Buồm ngang tạt,
 Sóng nhấp-nhò.
 Tấm lòng rộn-rục,
 Mối tình mấy đoạn vô tơ,
 Sớm tối cùng ai để truyện trò.
 Giạ ngăn ngờ.
 Giạ ngăn ngờ,
 Mông-mệnh mặt nước.
 Thăm-thẳm chân bờ,
 Chèo mãi bao giờ mới đến cho.

Bừ-Tê

Câu đối vãi khốe sư

Cửa-thuyền trai, di lại mấy năm giờ, dịp-dàng sư dạy, kinh kệ sư rèn, hương thấp đèn khêu, khẩn nguyện vẫn mong sư mạnh khỏe

Chốn tỉnh-cảnh xa-xôi nên phút chốc, chuông trống vãi khêu, chùa chiền vãi quét, hoa dàng quả cúng, sớm khuya nữ đệ vãi chơ vo.

Vũ Tích-Cống

Cách-thức đại-khái về sự mua vé quốc-trái

- 1 — Bắt đầu bán vé từ ngày 20 tháng 10 đến ngày 24 tháng 11 thì thôi.
- 2 — Ai cho vay 100 quan tiền tây thì chỉ phải nộp 70 quan 8 tiền (70 fr. 80).
- 3 — Cho vay 100 quan được lãi 4 quan, tức là lãi 4 phần (4%) nhưng chỉ phải nộp có 70 quan 8 tiền thì thanh ra thực lãi đến ngót 6 phần (5 f. 65%)
- 4 — Tiền lãi kể từ ngày 16 tháng 10 trở đi, người cho vay được hưởng vĩnh-viễn.
- 5 — Cho vay bao nhiêu cũng được, nhưng phải từ 4 quan tiền lãi trở lên mới được, nghĩa là ít nhất là 70 fr 8 tiền vốn (tức tính ra giá bạc ngày nay ước 16 đồng)
- 6 — Mua vé thì nộp tiền ở các nhà Kho-bạc, các nhà *banque*, hoặc nộp bằng bạc, bằng «măng-đa» nhà giấy thép, bằng các trái-phiếu của nhà nước Đại-pháp (*coupons de rente française*), bằng vé quốc-phòng-trái-phiếu (*bons de la défense nationale*), v. v. cũng được.
- 7 — Có ba hạng vé, ai muốn mua hạng nào cũng được:
Một hạng không đề tên (*au porteur*)
Một hạng tùy-tiện, muốn đề hay không đề cũng được (*à choix*)
Một hạng có đề tên (*nommatif*).
- 8 — Ngày nộp tiền mà giá bạc nhà *banque* có cao hơn giá bạc kho nhà nước thì người nộp được tinh theo giá nhà *Banque*.

Mua quốc-trái, hỡi ai ơi!

Mua quốc-trái, hỡi ai ơi!

Vé vàng cho nước muôn đời còn ghi.

Này trong cuộc chiến-tranh kia,

Lãng-sa hao-tồn mọi bề tài thần.

Đoái trông đó, hỡi quốc-dân!

Quyền tiền giúp nước một phần mới nên.

Thực là sự quả meroi nhiên,

Đồng-mình toàn thắng có phen bày giờ.

Mau mang tiền bạc giúp ra.

Đề cho cuộc thắng của ta sớm thành,

Cũng là một cách để dành.

Bem vào thuê má của mình sau đây,

Đó binh-khí Lãng-sa nay,

Bằng chì bằng sắt cũng bằng vàng.

Ta nên mang giúp cả vàng,

Đề trừ cái giông Điền-đương hung-tàn!

Nghĩa-dân khuyến-cáo đồng-bào!



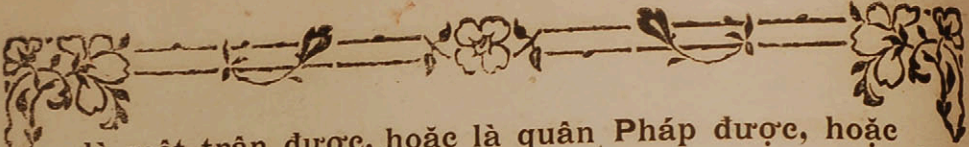
LỜI

BÁ-CÁO CỦA QUAN TOÀN-QUYỀN
VỀ QUỐC-TRÁI

Hỡi dân An-nam !

Quân Đức phạm tội với loài người đã nhiều, nay sắp đến ngày phải ra chịu tội. Hiện nay đã đánh trận sau cùng, chẳng bao lâu nữa mà xong cái cuộc chiến-tranh ghê-thảm kia, trong bốn năm trời đã làm chết hại mất mấy triệu người. Quân Đức gây ra cái vạ gớm-ghê ấy, bây giờ sắp phải ra chịu tội với trời đất đây. Trong khắp thế-giới các dân-tộc bấy lâu nay vẫn nơm-nớp sợ phải cái khổ nô-lệ, bây giờ trông thấy mặt trời hòa-bình đã rạng-rạng ở miền đông, không dân nào là không hoan-hô vui-vẻ như đương ở nơi hắc-ám đượ ra chốn quang-minh.

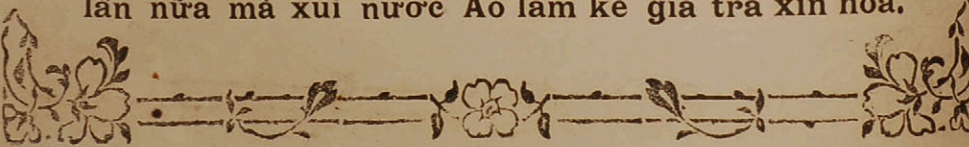
Thần Chiến-thắng đương ra tay phất cờ cho quân Pháp cùng các quân Đồng-minh. Tự ba tháng nay ở đất Pháp mỗi trận đánh




là một trận đượ, hoặc là quân Pháp đượ, hoặc quân Đồng-minh đượ. Tuy quân Đức chống lại cũng đã khốn-sức thay, đặt đường phòng-bị rất kiên-cố như chằng cái giây sắt để ngăn quân ta tiến lên, thế mà quân ta vẫn tiến, mỗi ngày như phá đượ một đoạn giây ấy. Không lúc nào là quân ta không đánh đổ đượ những thành-trì của quân giặc. Quân Đức xin hàng với ta kể từng đội quân một, bỏ lại vô-số là súng đại-bác, là đồ quân-dụng. Trong khoảng hai tháng ta bắt đượ ngót ba mươi vạn tên tù-binh, hơn ba ngàn khẩu đại-bác, còn đồ quân-dụng thì không biết cơ man nào mà kể.

Không một ở đất Pháp, ở Âu-châu Á-châu đâu đâu quân Đức cũng bị thua và phải lùi. Đâu đâu quân Pháp và các quân Đồng-minh cũng đàn-áp mà lấy lại đượ những tỉnh-thành lớn quân giặc đã cướp mất từ trước. Ở đất Belgique, đất Italie, đất Serbie, đất Macédoine, đất Asie mineure, ngày nào quân ta cũng tiến, mà quân Đức thì phải lùi, những nơi thành-thị chúng nó chiếm-cứ đã bấy lâu nay, giết người, hại của, đốt nhà, nay cũng phải bỏ mà đi. Mới đây quân Bulgares là Đồng-minh của chúng nó đã phải quì gối mà xin hàng với ta rồi.


Nay nước Đức đã biết mình túng thế lắm, không sao tránh khỏi lưới trời, còn muốn đánh lừa ta lần nữa mà xui nước Áo làm kẻ giả trá xin hoà.






Nhưng các nước Đông-minh không có mắc lừa, chỉ trả lời một câu cho bọn Đức Áo biết, là : dẫu có giảng-hoà cũng không bao giờ để cho nước Đức muốn sao được vậy. Nước Đức phải chịu kém Đông-minh, chớ Đông-minh không bao giờ chịu kém nước Đức. — Ấy cái mưu của bọn Đức chỉ muốn giả-trá lừa người như thế thôi. Đối với cái mưu nham-hiềm ấy, nhà-nước Đại-Pháp bèn mở ra cuộc quốc-trái ngày nay, để tỏ cho thiên-hạ biết cái chí muốn đánh cho đến cùng, đánh cho đến ngày toàn-thắng ; có toàn-thắng thì thế-giới mới được hoà-bình, mà sự hoà-bình ấy mới là cái hoà-bình chân-chánh, vì nhờ đó các dân các nước mới mong có ngày được độc-lập tự-do ; từ nay về sau không có để cho một giống người nào, một nhà vua nào ỷ cái cường-quyền của mình mà muốn ra áp-chế cả nhân-loại. Chớ cái hoà của nước Đức xin ngày nay thì cái hoà ấy chưa làm cho hết chiến-tranh được. Hoà ngày nay mà đến mai lại chiến-tranh biết đâu ? Đảng quân bên nước Đức hiện nay đã cùng quệ lằm, mới phải xin hoà, là hoà tạm đó mà thôi, để được thư-thả mà sửa sang lại quân-lực binh-khí, rồi thừa-cơ đánh ta lần nữa.


Nhưng ai để cho chúng nó làm thế. Phải quyết một lần cho xong, phải làm thế nào cho thế-giới khỏi cái khổ chiến-tranh một lần nữa. Nay đã






đánh rồi, phải đánh cho kỳ cùng, phải đánh cho kỳ đến ngày toàn-thắng, ngày ấy không còn xa nữa, ngày ấy loài người mới được ra khỏi chốn lao-lung. Ấy cái chí nước Pháp như thế. Ấy cái chí của các bạn Đồng-minh cũng như thế. Cứ coi những quân hùng tướng mạnh kia liễu mình mà xông-pha nơi đạn lửa tơi-bời, anh-hùng thay mà can-dảm thay, thế-giới trông vào ai cũng phải khâm-phục, thì dù biết cái chí ấy quả-quyết biết dường nào ! Ấy bởi thế mà mấy ngày nay ở bên Đại-Pháp hết thấy nhân-dân kéo nhau lũ lượt đến các nhà kho bạc để nộp tiền cho nhà nước vay, biết rằng tiền ấy là sẽ dùng để mua súng mua đạn đánh cái trận quyết-chiến này đây.


Dân Đông-dương đã có tiếng là dân dạ cả trí cao, thực đáng làm con nước Đại-Pháp, tất cũng theo gương mẫu-quốc mà làm. Nào là người Pháp, nào là người Nam, cùng nhau ăn ở một nhà, cùng nhau một dạ một lòng, một chí quyết đánh cho kỳ được mới nghe, năm nay tất cũng như năm ngoái, sẽ đua nhau mà đem tiền cho nhà nước vay để nhà nước ra công gìn-giữ cho đất nước mình. Hiện ở đất Pháp cùng các nơi khác bên Âu-châu, trong chốn chiến-trường oanh-liệt, kẻ Pháp cùng người Nam như anh em một nhà đương cùng nhau hoà máu đào mà đền ơn mẫu-quốc. Những quân-lính An-nam đã hăm-





hở mà đi tòng-chính, hiện dương cùng các anh Đại-Pháp sánh vai mà làm việc bồn-phận, rồi một ngày kia công-thành-danh-toại sẽ trở về nơi cố-thổ, trên ngực lấp-loáng tấm bội-tinh, cha mẹ, vợ con, anh em trông thấy trong lòng vẻ-vang hoan-hỉ biết dường bao ! Nhưng dương khi họ vào sinh ra tử, liễu minh chồn xa-tràng, thì bọn mình ở đây được thái-bình an-lạc, không biết cái cựa cái khổ sự chiến-tranh là cái gì. Mà họ phải chịu cựa chịu khổ như thế chính là để giữ cho bọn mình được thái-bình an-lạc, chính là để giữ cho mấy mươi triệu đồng-bào trong ba cõi nước Việt-Nam này được yên-ôn mà làm ăn thịnh-vượng, khỏi lo sự nguy-hiêm. Vậy mà dương lúc họ làm việc bồn-phận họ như thế, mình ở đây không biết làm việc bồn-phận của mình thì đáng hổ thẹn biết dường nào ! Việc bồn-phận của ta là phải đem tiền ra mà giúp họ, là phải cung-cấp khí-giói sủng đạ cho họ, để họ mau trừ được quân giặc, mau thu được toàn-thắng, mà chóng trở về nơi cố-thổ. Đến bấy giờ cha con anh em lại được cùng nhau đoàn-tụ như xưa, được hưởng thái-bình an-lạc, ta sẽ cùng nhau ra công gắng sức làm cho cái đất Đông-dương xinh đẹp này ngày một giàu có, ngày một vững-vàng, ngày một vẻ-vang thêm lên !

Ai ôi ! nên làm việc bồn-phận, dù kẻ giàu sang, dù kẻ nghèo hèn cũng vậy. Ai cũng nên vui lòng mà có



bao nhiêu cho nhà nước vay bấy nhiêu. Cho nhà nước vay không những là được lợi cho mình, mà lại là làm một việc nghĩa nữa. Mua vé quốc-trái tức là mưu cho cái Tò-quốc Việt-nam này được an-toàn đó. Tức là mưu cho con em đất Nam-Việt đời đời về sau này được hưởng sự tự-do, sự hạnh-phúc đó. Tức là tỏ ơn thâm nghĩa nặng với nhà-nước Đại-Pháp đã sang đây bảo-hộ và đem cái hạt văn-minh rắc lên cõi đất này. Sau nữa tức là bảo-tồn cho sinh-mạnh của mấy mươi vạn con dân nước Nam hiện đương đánh giặc bên kia, nhờ có tiền của ta giúp vào đây sẽ có nhiều súng nhiều đạn mà đánh, không đến nỗi phải liều mình cho lắm.

Về sau này, nhà An-nam nào cạnh bàn thờ ông bà có treo cái bằng-cấp quốc-trái của nhà nước phát cho, là nhà ấy được cái vinh-hiến không gì bằng vậy.

Bởi thế cho nên ta mong rằng hết thầy người An-nam, hết thầy người Đại-Pháp, hết thầy người Á-dông (Tàu, Nhật-bản, v. v.), cùng những người ngoại quốc trú-ngụ ở đây được nhờ ơn Đại-Pháp bảo-hộ cho, ai nấy cũng lấy làm một việc danh-dự mà giúp một phần vào cuộc « quốc-trái chiến-thắng » này.

Tổng-thống Đông-dương Toàn-quyền

ALBERT SARRAUT



THÁNH DỤ

KHUYÊN QUỐC-DÂN MUA QUỐC-TRÁI

Nay Nhà-nước Bảo-hộ dùng binh phục thù, phàm các nước Đồng-minh đều hết lòng nghĩa-vụ, còn nước mình với Bảo-hộ là đau đớn quan hệ với nhau, nên giúp của giúp sức, để diệt cho hết lũ nghịch ấy.

Trong ba năm nay mấy lần dân ứng mộ hơn mười vạn người, mà giúp việc quốc-trái chỉ một lần mà thôi, gần đây được tin được thắng luôn luôn, đuổi giặc Phô ra ngoài cõi cũng có ngày diệt hết được nó, sớm nên công lớn, nổi tiếng trong Hoàn-cầu.

Người nước ta trên từ quan-liêu dưới đến sĩ nông công thương, ai có của dư nên thừa lúc này đem cho Nhà-nước vay thời mình đãặng lợi tức, lại có tiếng vinh, chẳng hơn như kẻ bỏ lặn để vàng trong rương sao.

Vả chữ ân với chữ nghĩa, khó được gồm hai, như một việc này làm đặng là trông nom cho nhau, giữ gìn cho nhau, rứa là ơn nghĩa đều đủ trọn vẹn cả. Tưởng là ai ai cũng biết mà vui cả. Nếu biết truyện phải mà không làm, đến khi khởi hoàn rồi nước ta được hưởng phúc hòa bình, nó chẳng thẹn lắm ru?

Chừ nhưn dân trong nước ta, ai cũng đều một trí não cả, hẳng không lấy lời nói ta làm sa xuôi.

Trong dụ này nói chưa hết lời, giao cho các quan địa-phương hiểu sức sở tại nhưn dân cho vui lòng chớ nên ép uông. Việc quốc-trái này khai từ 20 Octobre đến 24 Novembre thì hết hạn, để tỏ việc nghĩa-vụ với Toàn-Âu, mới thỏa ý ta. Khâm thử!

Khải-Định tam niên cứu nguyệt sơ lục nhật.

Cơ-mật-viện cung-lục.